

VƯƠNG KIM

Đức

HUYỀN GIÁC CHỦ

*Đức Phật, Hoàng thiên lợi giảng trần
Huyền gia chuyển kiếp lập đời Tân
Giáo truyền đạo Thích đin sanh chúng
Chủ ý chọn người vẹn Từ Ân*



1997
VPH Phật Giáo Hòa Hảo Việt



Tác Giả: Vương Kim Phan Bá Cầm

Đức Huỳnh Giáo-Chủ

Mục Lục

Phần I: Hành-Trang

- Thiên I: Giai-đoạn ra đời mở Đạo
 - Chương I: Bối-cảnh xã-hội
 - Chương II: Thân-thể
 - Chương III: Ra tế-độ
 - Chương IV: Đăng sơn
 - Chương V: Sứ mạng
 - Chương VI: Lưu cư
- Thiên II: Giai-đoạn hoạt-động tranh-đấu
 - Chương IX: Chuẩn-bị đấu-tranh
 - Chương VII: Vận-động độc-lập
 - Chương VII: Vận-động độc-lập
 - Chương VIII: Tổ-chức hàng-ngũ
 - Chương X: Dẫn-thân
- Thiên III: Giai-đoạn vắng mặt
 - Chương XI: Lý-do thọ nạn
 - Chương XII: Còn hay mất
- **Phần II: Sự-Nghiệp**
 - Thiên IV: Sự-nghiệp về mặt Đạo: Tôn-giáo Phật-Giáo Hòa-Hảo
 - Chương XIII: Học Phật
 - Chương XIV: Tu Nhân
 - Thiên V: Sự-nghiệp về mặt Đời: Công-nghiệp cánh-mạng
 - Chương XV: Quân-sự: Bộ-đội Nguyễn-Trung-Trực
 - Chương XVI: Chánh-trị: Việt-Nam Dân-Chủ Xã-Hội Đảng
 - Thiên VI: Tổng luận
 - Chương XVII: Những cống-hiến
 -

THIÊN THỨ NHỨT

GIẢI ĐOẠN RA ĐỜI MỞ ĐẠO

Chương I:- Bối Cảnh Xã Hội

Phần 1: HÀNH-TRANG

Lịch sử thường chứng nhận, trong những hoàn cảnh xã hội bằng hoại, như tâm lý tán, thể đạo suy đồi, lòng người hung ác, mê muội bạo tàn . . . là lúc Thánh như ra đời để dìu dắt như dân, cải ác tùng lương, chấn chỉnh luân thường đạo nghĩa.

Như Đức Phật Thích Ca ra đời vào lúc xã hội Ấn Độ phân chia giai cấp trầm trọng, các mối ngoại đạo thanh khởi, mê hoặc lòng người, gây thành một trạng huống hỗn loạn, làm cho tâm trí con người đảo điên, đời sống mê mờ tăm tối. Ngài ra đời để đem đạo trí huệ soi sáng lòng người, đức từ bi phá tan giai cấp xã hội.

Ở Trung Quốc, Đức Khổng Tử ra đời cũng vào thời Xuân Thu chiến quốc, các nước thôn tính lẫn nhau, trật tự xã hội rối ren, đời sống nhân dân cùng khổ, luân lý suy đồi, cang thường đảo lộn. Ngài ra đời đem lại đạo nghĩa, chỉnh lại như luân, xây dựng lại trật tự xã hội bằng hoại, đào tạo nên hạng người quân tử làm mẫu mực trong đời.

Ở Trung Đông, Chúa Cơ Đốc giáng lâm cũng vào thời con người hung ác, xã hội mê lầm. Ngài đem tình bác ái ban rải khắp nơi, treo gương hy sinh cao cả biểu dương tình thương bất diệt.

Cứ theo thông lệ, các bậc Thánh như hay các đấng cứu thế lâm phạm, luôn luôn phải hội ít nhất ba điều kiện sau đây:

1. **Thời cơ** hay vận mạng của quốc gia mà bậc Thánh như chọn lâm phạm có đúng lúc cần đến sự giúp đỡ của Thánh như để dạy dỗ như dân chưa ?

2. **Hoàn cảnh** có thuận tiện cho sự xuất hiện của Thánh như chưa ? nghĩa là một xã hội bằng hoại đang cần đến Thánh như cứu vãn.

3. **Cơ duyên** của chúng sanh có chính mùi và có thuận cho sự giáo hoá của Thánh như chưa ? nghĩa là Thánh như đã gieo duyên với nhân dân ở một địa phương nào đó, nay Thánh như ra đời, do nhân duyên đã gieo mà Thánh như được chúng sanh hưởng ứng.

Nếu Thánh nơn ra đời mà không hội đủ ba điều kiện trên đây, nghĩa là chưa hạp thời cơ, không hạp hoàn cảnh hay không có cơ duyên với chúng sanh thì chẳng những trên không hạp lòng Trời, mà dưới không hạp lòng người thì lấy ai hưởng ứng hầu cứu thế độ dân, hoàn thành sứ mạng.

Xét về trường hợp Đức Huỳnh Giáo Chủ, chúng ta nhận thấy:

Về điều kiện **thời cơ**, Đức Huỳnh Giáo Chủ có cho biết: "Vì thời cơ đã đến, lý Thiên đình hoạch định, cuộc nguy cơ thảm họa sắp tràn lan . . ."

Về **hoàn cảnh**, Ngài đã nhận: "Thiên Tào đã xét định, khắp chúng sanh trong thế giới trong buổi Hạ nguơn này, say mê vật dục, chìm đắm trong biển lợi danh, gây nên nghiệp quả, luật Trời đà trị tội, xét kẻ thiện căn thì ít, người tội ác quá nhiều, chư Phật mới nhủ lòng từ bi cùng các vị chơn Tiên lâm phạm độ thế, trước ra công cứu khổ, sau chỉ rõ cơ huyền, khuyên kẻ thế hướng thiện quày đầu, cải tà quy chánh thì mới mong Thiên đình ân xá bớt tội căn để kịp đến Long Hoa châu Phật".

Về khoản **cơ duyên**, Ngài đã nhận rằng: "Ta là một trong các vị cứu đời ấy. Ai liễu Đạo nơi quốc độ nào thì cũng phải trở về quốc độ ấy mà trợ tế nhân dân, vì thế lòng từ bi bác ái cùng thù đáp những linh hồn đã trợ duyên trong nhiều kiếp giúp ta nương cây tu hành nên ngày 18 tháng 5 năm Kỷ mảo, Ta hoá hiện ra đời cứu độ chúng sanh . . ."

Đức Huỳnh Giáo Chủ xuất thế cũng ở trong hoàn cảnh tương tự như Đức Phật Thích Ca ở Ấn Độ, Đức Khổng Tử ở Trung Quốc và Chúa Cơ-Đốc ở Do Thái, nghĩa là ở vào thời kỳ xã hội băng hoại, luân lý suy đồi, nơn dân đồ thán.

Trong suốt thời gian ngót 80 năm dưới ách đô hộ nghiệt ngã của ngoại bang, nước Việt Nam đã lâm vào tình trạng cực kỳ đen tối, hủ hóa cả hai phương diện Đời và Đạo.

A - VỀ PHƯƠNG DIỆN ĐỜI: Tháp tùng theo đoàn binh viễn chinh xâm lược, ngọn gió Tây Âu tràn vào Việt Nam làm ngã đổ thuần phong mỹ tục của ngàn xưa. Tiêm nhiễm lấy nền văn minh vật chất, trọng ở sự phù phiếm xa hoa về thể xác hơn tinh thần, người đời đua chen theo những thói hư tật xấu, làm bại hoại gia đình, hư hèn phong hóa.

I - Về gia đình: Việc loạn luân càng kỹ, càng ngày càng chất ngất, như giữa cha con thì mất cả hiếu từ, giữa vợ chồng thì mất cả

ân nghĩa, giữa anh em thì mất cả kính thuận, giữa bè bạn thì mất cả thành thật, giữa chủ tớ thì mất cả trung tính . . . Ngoài ra, giữa tôi chúa không còn trung nghĩa, giữa thầy trò mất cả kính thành. Nói tóm lại đạo luân thường đã hư hèn bại hoại:

*Gẫm nhiều người bội bạc thâm ân.
Nào kể chi là đạo Quân Thần,
Tôi giết chúa, con đành sát phụ.
Lúc nguy cơ tớ mong hại chủ,
Trò giết thầy tội ấy đáng không?
Thêm chồng giết vợ, vợ giết chồng,
Niềm huynh đệ cùng nhau xâu xé.
Cũng hiểm lúc con còn giết mẹ,
Giành của tiền cốt nhục giết nhau.
Tranh lợi danh giết lẫn đồng bào,
Tình nhân loại phân chia yếm bách.*

II - Về phong hoá thì xã hội càng ngày càng đồi bại, nảy sinh ra nhiều hạng người: đảng điểm chơi bời, gian phi hung ác, ích kỷ sâu dân . . .

1/ Hạng đảng điểm chơi bời không lúc nào thanh hành bằng từ khi có ngọn gió vật chất thổi mạnh vào làm cho con người say mê.

a) Quen thói chè chén say sưa vất vả, la ó đánh đập, sanh ra lắm việc tồi tàn;

b) Đảng điểm dĩ thỏa, son phấn lả lơi, trêu hoa cợt nguyệt, bày trò dâm loạn, khả ố;

c) Đấu kê đổ bác, dối gạt lặn lường, thua thiếu nợ nần sanh ra cướp giựt;

d) Hút xách nghiện ngập, cạo ống vét nôi, cầm quần bán áo, làm những điều hèn hạ nhuốt nhơ.

Về vấn đề này, Đức Huỳnh Giáo Chủ đã khéo trách thện trong mấy vần thơ dưới đây:

*Ở thị thiêng đua chen xướng khởi,
Những tuồng hư do bọn gái lẫn trai.
Nào hút thuốc phiện hội ve chai,
Nào trùm dĩ ma cô, nghề hút máu.
Ai để mắt nhìn xem châu đảo,
Chẳng khỏi than dùm dân tộc quá hư hèn.
Diện áo quần son phấn lẫn chen,
Miễn cho mình được lên xe xuống ngựa.*

*Mảng điếm tô huy hoàng nhà cửa,
Ai khôn cùng để mặc đất, trời xoay.*

2/ Hạng gian phi là những kẻ:

a) Chuyên sống về nghề khoét vách đào tường, năm này tháng nọ chẳng chịu ra sức làm ăn, ngoài ra còn bày mưu này kế nọ lường gạt kẻ làm ăn chơn chất mà lòng không chút ăn năn cải hối.

b) Chuyện sống về nghề mua giứt bán giành, buôn lậu đầu cơ, lường cân tráo đấu, hại kẻ quê mùa dốt nát, vì mình mà sống cơ cực thiếu thốn.

Về hạng này, Đức Huỳnh Giáo Chủ thường khuyên:

*Việc bán buôn phải giữ ngang cân,
Chớ tập tánh lận lường tráo đấu.
Các công cuộc của người tánh xấu,
Ta giữ gìn chớ có nhiễm vào.*

c) Chuyên sống nghề cho vay cắt cổ, vốn một lời mười, thi hành phát mãi, ở đợ nát lời gây nên một cảnh trạng bức hiếp thê thảm cho kẻ cô thân bần tiện.

3/ Hạng hung ác là những người:

a) Chưởi cha mắng mẹ, rửa xả chòm riêng, không kiêng già cả, kêu réo Thánh Thần, miệng không ngớt lời độc ác với kẻ trong nhà cũng như người ngoài ngõ.

b) Ý khôn lanh húng hiếp những người hiền lương khờ khật, từ miếng ăn cho đến thức mặc đều đặt trên lẽ hung tàn ác độc

4/ Hạng ích kỷ là hạng người chỉ biết sống riêng, ngày tháng cứ bo bo giữ của, không lòng bố thí. Chẳng những thế mà lại còn tham lam vừa hốt của người một cách sâu hiểm.

5/ Hạng sâu dân là hạng người giá áo túi cơm, phình gạt dân chúng bằng ngòi viết ngọn roi khiến cho đám dân đen phải sống dưới sự đàn áp bóc lột mà họ vẫn ngang nhiên không biết xấu xa hổ thẹn.

Về hạng này Đức Huỳnh Giáo Chủ đã lắm phen thống trách như mấy vần thơ dưới đây:

*Đời cũng lắm bao người giá áo,
Nương bã vinh nhiều hạng túi cơm.
Thấy dân ngu trong dạ sẵn hờm,
Quyết kiếm thế đặng toan lừa dối.*

6/ Hạng người ngộm là hạng người:

a) Vô ích trong xã hội, sống một cách trơ trẽn dưới sự ám ảnh của nhục dục, chỉ biết ăn với ngủ, không khác gì đời sống của con vật.

Về hạng này trong Sấm giảng có đoạn tả như vầy:

*Đời lằm kẻ đầu trâu mặt ngựa,
Coi sự sống như Tiên nửa nửa;
Mê mỗi thơm như cá lục châu
Sao chẳng lo thức tỉnh quày đầu,
Cho khỏi thẹn với người Thượng cổ.*

b) Vô liêm sỉ, chỉ vui đầu óc trong cuộc truy hoan dật lạt, lo chưng dọn hình vóc lả lơi, bày trò bướm ong hoa nguyệt một cách như nhốt tối tăm. Chẳng những thế mà lại còn tự phụ vào mớ học văn minh cận bã, trở lại phỉ báng ông cha, khinh chê cổ tục, không chút liêm sỉ thẹn thùa.

Về hạng này, Đức Huỳnh Giáo Chủ không ngớt than phiền như mấy câu dưới đây:

*Văn minh sửa mặt sửa mày,
Áo quần lảng lướt ngày ngày ăn chơi.
Dọn xem hình vóc lả lơi,
Ra đường ăn nói những lời nguyệt hoa.
Trong tâm chứa những điều tà,
Lời ăn tiếng nói thật là quá lanh.
Xưng là đầu trẻ tuổi xanh,
Chẳng trau hiền đức học hành làm chi?
Khôn ngoan thời những chuyện gì,
Cũng là lừa dối vậy thì dân quê.
Người xưa nó lại khinh chê,
Ông cha hủ bại u mê hơn mình.
Tự do trai gái kết tình,
Vớ lo trau sửa cho mình đẹp tươi.
Gái trai đến tuổi hai mươi,
Chẳng kiêng cha mẹ nói cười lả lơi.
So hình sửa sắc chiều mơi,
Đặng làm những chuyện trái đời vô liêm.
Cớ sao chê cổ trọng kim,
Phụ cha phản chúa lỗi niềm tôi con.
Thấy đời trần hạ thon von,
Ai nuôi cho lớn mà còn khinh khi.
Ông cha thuở trước ngu si,
Mà ngay mà thật hơn thì đời nay.
Học hay lợi dụng tiền tài,
Lên quan xuống huyện ăn xài lả lê.
Gặp ai đối rách cười chê,*

*Miệng kia hể mở chưởi thề vang rân.
Chẳng lo rên trí lập thân,
Để làm xảo trá khổ thân sau này (*)*

(Chú thích: (*) Thanh Sĩ và Vương Kim: Để Hiểu Phật Giáo Hoà Hảo, tr 55-59)

Trên đây là trạng huống đòi truy của xã hội Việt Nam về phương diện Đời, đến như về phương diện Đạo, tinh thần đọa lạc cũng không kém.

B - VỀ PHƯƠNG DIỆN ĐẠO: Nước ta từ ngàn xưa đã tiêm nhiễm đạo Nho và đạo Phật là hai mối đạo làm nền tảng cho phong hóa kỷ cương, xây dựng nên quốc thịnh dân cường, đào tạo nên hạng người anh hùng tiết liệt làm rạng rỡ cho quê hương đất nước.

Nhưng mấy lúc gần đây, những nền đạo lý nhân nghĩa tốt đẹp ấy đã bị làn sóng văn minh vật chất lôi cuốn, khiến cho thất chơn truyền và một ngày một suy lạc.

I - **VỀ ĐẠO NHO** thì thuyết tu, tề, trị, bình luân thường đạo nghĩa của ngàn xưa đã đến hồi suy vi hủ bại. Kẻ học Nho ngày nay không còn mấy người được phong độ quân tử, đem đạo Thánh Hiền truyền bá trong dân gian, chấn chỉnh cương thường đạo nghĩa, gây nên một học phong sĩ khí mà chỉ đem cái sở học ra áp dụng vào những việc buôn y bán lễ, làm thơ cợt nhả trên đời, coi như dưới mắt không ai, hiêu hiêu tự đắc.

Về hạng hủ Nho này, Sấm Giảng có đoạn biểu trạng như vầy:

*Đàng nhu thầy lễ cũng kỳ,
Mắc phải chuyện gì phủ phục bình hưng.
Lại thêm đờn địch từng tưng,
Đem con heo sống mà dựng làm gì.
Chủ gia kẻ lạy người quì,
Làm chuyện dị kỳ giả dối hay không?
Nếu không thì trả lời không,
Bằng mà có dối thì hòng sửa đi.
Thương đời Ta luống sầu bi,
Học Nho cứ mãi làm thi ngạo đời.
Rung đùi ngâm chuyện trên trời,
Tình duyên cá nước vậ thời dể con.
Thấy đời Ta cũng héo von,
Học Nho mà chẳng làm tròn nghĩa nhơn. (*)*

(Chú thích: (*) Thanh Sĩ và Vương Kim: Để Hiểu Phật Giáo Hoà Hảo, tr.59)

Về hiện trạng suy đồi của đạo Nho, ông Thanh Sĩ có viết: Trong nước chúng ta, trước kia hầu hết trong nước từ hàng vua quan đến dân dã đều đồng nhất hưởng ứng lý thuyết của Khổng Tử là tu về nhân đạo. Mỗi người đều phải học việc: Nhân, nghĩa, lễ, trí, tín. Việc này, phô trương khắp xứ, ai cũng biết. Sau khi biết nhân, nghĩa, lễ, trí, tín rồi họ thật hành, như: Tôi trung với vua, con hiếu với cha mẹ .v.v. dù ai cũng vậy. Nhưng từ sau ngày nước nhà bị trị, nghĩa là kể từ đời vua Tự Đức trở lại đây, làn sóng văn minh phương Âu tràn vào xứ sở, bôi xóa tất cả thành tích đạo nghĩa trước kia của dân tộc; từ đó đạo nghĩa bị bôi lọ tất cả, đổi lại làm thói tồi bại trong xứ sở. Vì thế đạo luân thường phai dần đi, cho đến ngày nay, mặc dù có nhiều chùa miếu, nhiều tổ chức trùng hưng đạo Thánh Hiền, nhưng không trở lại như cũ. (*)

(Chú thích: (*) Chú nghĩa loạt bài Huấn Luyện Đạo Đức của Ban Hoằng Pháp tại Tây An Cổ Tự, tr 122).

II - Về Đạo Phật: Đạo Nho đã thế, đạo Phật cũng không hơn gì. Trên lịch sử Việt Nam, Phật Giáo đặt vững cơ đồ ở đời Lý đời Trần. Nhưng trải qua bao cuộc thăng trầm của đất nước, chánh pháp cũng theo thời gian mà suy dần trong dĩ vãng. Thừa lúc loạn lạc, Trịnh Nguyễn phân tranh, rồi tiếp theo thực dân đô hộ non một thế kỷ, tinh thần dân chúng hoang mang mất cả tự tin; những lối tu yếm thế, mê tín dị đoan pha màu phương thuật lại được dịp xây dựng quy mô, làm cho nền giáo pháp dân tộc phải thối triền trong khoảng thời gian ngót năm thế kỷ.

Ông Thanh Sĩ cũng nhận tình tệ suy đồi của đạo Phật ở Việt Nam như sau:

Cùng một cảnh hưởng đạo Khổng tử, đạo Phật Thích Ca ở xứ ta hồi thời nhà Đinh, Lê, Lý, Trần rất thịnh đạt, không những trong dân chúng mà luôn đến hàng vua chúa cũng cùng một tin tưởng mạnh mẽ

...

Nhưng kể từ khi các vị Tổ bên Trung Hoa ngưng việc truyền y phó bát đến nay, phái Thần Tú càng lúc càng thêm mạnh, không những ở Trung Hoa mà còn truyền qua xứ ta, họ bày ra cách thờ cúng đầy thịnh, âm, sắc, tướng (đờn đẩu, trống phách, lầu phướn xá hạc .v.v..) làm việc hữu hình, hữu ảnh, dân chúng xứ ta dần dần theo đó mà xa lìa mỗi đạo Vô vi chánh pháp của Phật. Nền chánh giáo từ đó ngày càng lu, các ngôi chùa miếu phần nhiều chỉ là cái vỏ để các tà sư làm mê hoặc thập phương lợi dụng việc no cơm ấm áo vậy thôi, chớ họ không chú vào việc dắt người đến chỗ sáng sửa giải thoát. (*)

(Chú thích: (*) Chú nghĩa loạt bài Huấn Luyện Đạo Đức của Ban Hoằng Pháp tại Tây An Cổ Tự, tr.122).

Về những lưu lệ do Thần Tú bày ra, như làm thầy đám, bày chuông mõ, lầu phướn xá hạc, làm trai đàn, bày lể trò âm thỉnh sắc tướng . . . đã được Sám Giảng mô tả trong những đoạn sau:

*Lũ thầy đám hay bày trò khi,
Mượn Kinh Luân tụng mượn lấy tiền.
Chốn Diêm Đình ghi tội liên miên,
Mà tặng chúng nào đâu có rõ.
Theo Thần Tú tạo nhiều chuông mõ,
Từ xưa nay có mấy ai thành;
Phật từ bi độ tử độ sanh,
Là độ kẻ hiền lương nhưn ái.
Xá với phướn là trò kỳ quái,
Làm trai đàn che miệng thế gian,
Kẻ vinh hoa phú quý giàu sang,
Mượn tặng chúng đặng làm chữ hiếu.*

Ngoài những tộ đoạn vừa kể, còn nhiều điều sai lầm khác nữa như khoác áo thầy tu làm nhưn bông tụng mượn, bày việc đốt giấy tiền vàng bạc, cúng kiếng chè xôi, bày trò hát Phật mà trong Sám Giảng của Đức Huỳnh Giáo Chủ đã vạch trần nhiều đoạn sai lầm giả dối:

*Kinh với Sám tụng nghe thành thót,
Lũ nhưn bông tập luyện đã rành:
Đầu với đờn kèn trống nhịp sanh,
Làm ăn rập đặng đòi cao giá.
Tâm trần tục còn phân nhưn ngã,
Thì làm sao thoát khỏi luân hồi;
Những giấy tiền vàng bạc cũng thôi,
Chớ có đốt tổn tiền vô lý.
Xưa Thần Tú bày điều tà mị.
Mà dắt dìu bá tánh đời Đường;
Thấy chúng sanh lầm lạc đáng thương,
Cõi âm phủ đâu ăn của hối.
Đức Phật lớn chùa cao bối rồi,
Mà làm cho Phật giáo suy đời;
Tu vô vi chớ cúng chè xôi,
Phật chẳng muốn chúng sanh lo lót.
Tặng với chúng ưa ăn đồ ngọt,
Nên bày ra cúng kiếng hoài hoài;
Ý nhiều tiền chẳng biết thương ai
Cúng với lạy khó trừ cho đặng.
Kẻ nghèo khó tu hành ngay thẳng,
Không cầu siêu Phật bỏ hay sao?*

*Lập trai đàn chạy chọt lao xao,
Bôi lem mặt bày tuồng hát Phật.
Nay nhằm lúc mùa màng ngập thối,
Vậy hãy mau bỏ bớt dị đoan.*

Cao Đài Giáo cũng nhận thời kỳ này Tam Giáo đã thất truyền nên như sanh lần lần tiêu Đạo Đức, phế tinh thần, mới chuộng sự hữu hình, nên bày những âm thanh sắc tướng. Không ai còn để ý lưu tâm đến chỗ thâm huyền cao viễn, chỉ ưa sự dễ dàng, tựa thấy tựa nghe, rồi cứ dấy lòng như đục tham mê, mới gây tội án nặng nề, phải mang lấy sừng lông mà bị thối hóa lại súc sanh và luân hồi lục đạo.

Sự thất chơn truyền ấy đã biểu lộ ra các biến tướng trong Tam Giáo.

1/ Đạo Thích, Đạo Thiên bày dị đoan từ thời Thần Tú làm mê hoặc như sanh. Vậy cũng phổ độ, cũng giựt giành mà chỉ đem con người vào đường u ám, lạc lầm. Kinh Sấm truyền lại mà không khảo cứu, kiểm tầm cho ra chơn lý, chẳng trí tham thiền, không gom thần nhập định.

2/ Còn Nho Giáo, sau đời Mạnh Tử, càng ngày càng lạc lầm, đường thiên lý chẳng cần, chỗ thâm nhiệm không rõ, chỉ học đặng khoe tài hay giỏi, đục lợi cầu danh, tổn như ích kỷ, chớ không chịu học để sửa mình, tầm hiểu cho tột cùng cái lý cao siêu huyền bí, cái cơ nguồn cội muôn loài . . . (*)

(Chú thích: (*) Đại Thừa Chơn giáo tr 428).

Nói tóm lại, xã hội Việt Nam, sau ngày bị Pháp đô hộ, đã băng hoại cả hai phương diện đời sống vật chất và tinh thần.

Nhan nhản những cảnh tượng đồi trụy xảy ra khắp hang cùng ngõ hẻm, lắm trò bại lý thương luân.

Nơi thành thị vật chất hào hoa đã đánh mất bao nhiêu mầm non của đất nước, sống với dâm ô, cờ bạc rượu chè, nhà thổ á phiện, gục ngã trên đường trụy lạc.

Chốn thôn quê, tệ lậu mê tín dị đoan gieo rắc úy mị yếu hèn trong tâm hồn nông dân thiếu học. Đa số đồng bào chịu cảnh mù chữ. Đời sống đều quây quần theo thầy bùa, thầy pháp, thầy ngải, thầy lỗ ban, xin xăm bói quẻ, hồi lộ Thánh Thần, sống cùng ma quỷ, làm ngăn cản con đường tiến thủ quốc gia, tiêu trầm đức tự tín dân tộc.

Người đời phó thác tánh mạng cho thầy pháp thầy phù, cho ma

quí. Hằng đêm cùng làng khắp xóm, vang lên tiếng trống tiếng kèn, tiếng hò hét của thầy pháp, của nhưn bông, của đồng bóng.

Đầu óc của hạng dân quê thất học đã thế, đến như hạng thanh niên tân học thì trái lại, một khi cặp sách đến trường là xây mộng làm quan, riêng hưởng vinh hoa phú quý trên mồ hôi nước mắt của đám dân đen chất phác.

Đến như giới cần lao thì chịu đựng số phận tội đời, bị bóc lột, khùng bố mà không dám than van, phản kháng.

Chính trong hoàn cảnh đen tối thê thảm ấy, Đức Huỳnh Giáo Chủ ra đời.

Chương II: Thân Thế

Sanh trưởng: - Đức Huỳnh Giáo Chủ, tên tộc là Huỳnh Phú Sổ, sanh tại làng Hòa Hảo một thôn nằm trên Bắc ngạn sông Vàm Nao, thuộc Quận Tân Châu, Tỉnh Châu Đốc, ngày 25 tháng 11 năm Kỷ Mùi, tính ra nhằm ngày 15 tháng giêng năm 1920.

Thân sanh của Ngài là Đức Ông Huỳnh Công Bộ, lúc bấy giờ làm Hương Cả làng Hòa Hảo. Thân mẫu của Ngài là Đức Bà Lê Thị Nhậm. Đức Ông có hai đời vợ, đời vợ trước sanh được hai gái, hiện nay người chị thứ hai còn sống góa chồng, còn người em thì đã chết. Khi bà lớn mất, Đức Ông tục huyền với bà Lê Thị Nhậm và sanh được ba người con:

Con đầu là Đức Huỳnh Giáo Chủ.

Con thứ là Huỳnh Thị Kim Biên.

Con út là Huỳnh Thạnh Mậu.

Cô Huỳnh Thị Kim Biên, nay là Bà Lâm Đồng Thanh, còn cậu Huỳnh Thạnh Mậu thì đã bị V.M giết năm 1945, vì đã tham gia cuộc biểu tình chống độc tài Cộng Sản, do anh em tín đồ Phật Giáo Hòa Hảo tổ chức tại Cần Thơ ngày mồng 3 tháng 8 năm Ất Dậu, nhằm ngày 8-9-1945.

Ngày 2 tháng 9 năm Ất Dậu chúng đem cậu ra hành quyết, cùng một lúc với:

Trần Văn Hoàn con của Trần Văn Soái,

Nguyễn Xuân Thiếp tức thi sĩ Việt Châu.

Hiện nay tại sân vận động cũ, anh em tín đồ có xây mộ bốn liệt sĩ Hòa Hảo (trong đó có một ngôi mộ vô danh) và cất miếu thờ, hằng năm đều có làm lễ kỷ niệm vào ngày mồng 2 tháng 9 âm lịch.

Đức Huỳnh Giáo Chủ thường được gọi là Thầy tư Hòa Hảo hay tôn xưng Đức Huỳnh Giáo Chủ còn tín đồ thì gọi Ngài là Thầy hay Đức Thầy, và nền đạo của Ngài khai sáng được mang danh là Phật Giáo Hòa Hảo, một tông phái đạo Phật thành lập tại làng Hòa Hảo. Từ trước đến nay, việc lấy địa danh làm tông danh là điều thường thấy trong đạo Phật. Như Phái Thiên Thai Tông bên Trung Hoa sở dĩ thành danh là vì xây dựng già lam trên núi Thiên Thai cũng như phái Trúc Lâm Yên Tử ở nước Việt Nam chúng ta được thành danh cũng do Ngài Điều Ngự Giác Hoàng tức vua Trần Nhân Tông khai sáng một Thiên phái Việt Nam trên núi Yên Tử, Tỉnh Quảng Yên.

Tánh tình:- Ngay từ khi còn bé, Ngài đã tỏ ra hơn người trong mọi phương diện. Tánh Ngài điềm đạm, ít chịu trượng giỡn cợt đùa, thường tìm nơi thanh vắng ngồi trầm tư mặc tưởng. Ngài không thích đờn ca xướng hát; vì thế những chỗ hội hè đình đám, những nơi tụ họp đông người, Ngài luôn luôn xa lánh.

Từ lúc bé bỏng, Ngài đã có tánh hiếu sanh, không chịu bắt bướm, chuồn chuồn hay bắt dế để chơi nhau chơi. Những thú vui như đá cá thia thia, đá gà, những thú vui có ý sát hại, hay làm tổn thương thì Ngài không thích. Có lần Ngài ra ruộng, gặt con cóc, Ngài la lên nhưng đến khi các trẻ khác bu lại kiểm bắt thì Ngài lấy chơn đè lấy con cóc cho mọi người không nhìn thấy. Đến khi chúng bạn tản ra, Ngài mới lấy chơn lên cho con cóc thoát nạn. Lòng hiếu sanh của Ngài đã biểu lộ qua nhiều cử chỉ như từ thương xót các loài vật.

Ngài có tánh cả thẹn đối với phụ nữ. Khi đến tuổi trưởng thành, hễ ai đề cập đến vấn đề hôn nhân là bị Ngài phản đối ngay. Ngài thường tuyên bố: thích sống độc thân để được tự do hoạt động.

Học lực: - Từ khi cập sách đến trường, Ngài đã tỏ ra xuất sắc hơn chúng bạn. Ban sơ, Đức Ông cho Ngài học các lớp sơ đẳng tại trường Hòa Hảo lúc bấy giờ tạm lấy nhà Công sở trước đình thần làm trường sở. Năm 1950, Công sở bị dỡ; nay là Thư viện Hòa Hảo. Cứ như được biết niên học năm 1927-1928, Ngài đã học với ông Giáo Phan Văn Khoái.

Sau khi học hết các lớp sơ đẳng ở Hòa Hảo, Đức Ông cho Ngài tiếp tục học tại trường Tiểu học bổ túc Tân Châu với ông giáo Lê Văn Tám dạy lớp nhì, năm thứ nhất (Cours Moyen I). Trong lúc ấy, Ngài ở trọ nhà ông Huỳnh Văn Sánh, thợ bạc ở Tân Châu. Sau khi đậu bằng Tiểu học (Certificat d'Etudes élémentaires), Ngài phải thôi học vì bệnh hoạn, mặc dầu Đức Ông đủ sức cho Ngài tiếp tục học thêm nữa.

Sức Khỏe: - Thật ra thì lúc nào Ngài cũng đau ốm luôn, không

mấy khi được khỏe mạnh. Lâu lâu lại phát lên cơn sốt rét dữ dội, vì vậy mà Ngài xanh xao ẻo lả, có lúc mất ăn mất ngủ nhiều ngày, xem chừng bệnh tình trầm trọng lắm, có thể chết được.

Đức Ông Đức Bà hết sức lo buồn, hằng kiếm thầy chữa trị mà bệnh vẫn không thấy thuyên giảm. Ban đầu còn chạy chữa ở những thầy thuốc Bắc thuốc Nam trong làng mà không hết, trái lại bệnh trạng thì xem khác thường khi mạnh khi yếu khiến mọi người nghi là mắc bệnh tà và nghĩ đến cách chữa trị bằng pháp thuật bùa ngải.

Nghe đồn ở núi Trà Sư có ông Thầy Xom hay Đạo Xom, tục danh là Lê Hồng Nhật một tu sĩ nổi tiếng giỏi pháp thuật, đã từng chữa mạnh nhiều bệnh bằng bùa ngải. Đức Ông bèn cho chở Ngài đến nhưng rốt cuộc cũng không thấy hiệu quả.

Ngoài ra, Đức Ông còn đưa Ngài xuống ông Bảy Còn ở chợ Cà Mau thôn Long Kiến nhờ chữa trị. Ông Bảy là cháu nội của ông Đạo Thăng một cao đệ của Đức Phật Thầy Tây An và đã được truyền nhiều diệu pháp để cứu dân độ thế. Ông Đạo Thăng truyền lại cho thân phụ ông Bảy và ông này truyền trao lại cho ông Bảy tiếp tục nghiệp ông cha. Ông Bảy vốn là người thân thuộc của Đức Ông nên Đức Ông rất tin cậy, đưa Ngài đến nhờ chữa trị. Ban đầu thấy có mòi thuyên giảm nhưng về sau bệnh vẫn không thấy gì thay đổi.

Nghe đồn ở Mặc Cần Dưng có ông Lục Cả chữa bệnh tà rất hay, Đức Ông cũng lo chở Ngài đến nhờ chữa trị, nhưng bệnh Ngài không khác gì giả ngộ, mới thấy nguy kịch đó, lại liền thấy mạnh khỏe.

Như lần chở Ngài đi, sau bảy ngày bỏ ăn bỏ ngủ, tưởng là nguy kịch lắm, chẳng ngờ lúc đi ghe, Ngài lấy cơm nguội ra ăn hết hai tô lại uống thêm hai tô nước sông. Phàm người bỏ ăn năm bảy ngày, muốn ăn lại phải cho uống nước cháo rồi lần lần cho ăn cháo lỏng, dạ dày mới chịu nổi. Vậy mà Ngài vẫn khỏe như người thường và không thấy sao cả.

Lúc bấy giờ lại có tin đồn bếp Ngoan, tục danh là Lê Minh Chiếu, ở Chợ Vàm một tay lão luyện về bùa ngải của Miên và Xiêm, từng học với Thầy ngải ở Tà Lơn và chữa lành các bệnh bị thư, bị ngải hay mắc bệnh tà. Trong lúc bức ngặt, Đức Ông cho chở Ngài lên Chợ Vàm, nhưng bếp Ngoan chữa cũng trở trơ.

Điều đáng lo ngại nhất là mấy lúc sau này, Ngài lại vướng thêm bệnh huột tinh khá trầm trọng. Do chứng bệnh này mà Ngài trở nên xanh xao vàng vọt, con người tiều tụy, không còn thiết gì đến việc học hành. Về sau Ngài có thổ lộ cho một tín đồ ở Bạc Liêu biết: đó là ơn trên định dọn phần xác tinh khiết, chẳng khác nào sút ve cho sạch trước khi đựng lấy nước trong.

Ra làm bệnh: - Bắt đầu từ năm Kỷ Mão, năm Ngài được 21 tuổi, sau khi thôi học về nhà, Ngài thường tỏ ra nhiều cử chỉ kỳ lạ, khi thì nằm thim thíp, bỏ ăn bỏ ngủ, lúc thì mạnh mẽ như người không bệnh, đi đứng như thường, nói năng hoạt bát.

Đức Ông cũng như bao nhiêu người khác, đều cho Ngài có tà ma quỷ quái chi dựa vào nên mới có trạng thái khác thường như vậy.

Mặc dầu, Đức Ông lo chữa chạy cho Ngài tận tình, nhưng Ngài thì cứ nói rằng không có bệnh chi cả, vì nể Đức Ông nên mới đi chạy thầy chạy thuốc như vậy.

Một hôm, Ngài đi lên đầu trên xóm dưới truyền rao: nếu ai có mắc bệnh chi, cứ đem lại cho Ngài chữa trị cho. Thấy vậy Đức Ông bĩu môi: Bệnh mình chề ề như vậy mà không lo, còn đòi đi chữa bệnh người ta.

Ban đầu không ai tin Ngài có thể chữa bệnh, nhưng có một vài bệnh ngặt nghèo, kể như hết phương cứu chữa, nghe Ngài nói chữa được nên cũng liều đem đến, may ra có phép Tiên phép Phật gì chẳng. Và lại, Ngài không có làm chi nguy đến tánh mạng con bệnh, hơn nữa phương pháp của Ngài dùng để chữa hay thuốc thang của Ngài cho uống không có gì nguy hiểm. Vì vậy mà người ta đánh liều chờ bệnh đến nhờ Ngài cứu chữa. Nhưng lạ lùng thay, bệnh nào Ngài chịu chữa cũng đều được mạnh lành, mặc dầu đã tốn bao nhiêu tiền của và thuốc men.

Do cách chữa trị huyền diệu ấy mà tiếng đồn lan rộng ra. Nhứt là từ ngày Ngài chữa bệnh cho con gái của ông Hương chủ Hùng ở Hưng Nhơn mắc bệnh trùng, thập tử nhứt sanh, đã chạy chữa đủ thầy pháp thầy bùa trong vùng mà không hết. Nghe Ngài chữa bệnh bằng phương pháp huyền diệu nên chờ ra nhờ Ngài chữa trị.

Ngài dùng nước rải vào mặt bệnh nhân khiến bất tỉnh, ngắt xiú. Ngài bỏ đó, thân nhân lấy làm lo ngại, nhưng Ngài bảo khiêng vào nhà sau, đợi đến giờ Tý, Ngài sẽ chữa cho. Quả nhiên khi đến giờ, Ngài đem một chén nước lã bảo cạy miệng ra đổ. Trong chốc lát, cô ấy tỉnh lại rồi mạnh luôn và từ đó gia đình của Hương chủ Hùng không còn lo ngại về bệnh trùng nữa. Bắt đầu từ khi chữa dứt bệnh trùng cho gia đình ông Hương chủ Hùng, tiếng tăm của Ngài vang dậy khắp nơi. Chứng đó ngày nào người ta cũng nướm nượp chờ bệnh đến, nhứt là các bệnh điên hay bệnh tà, xưa nay có tiếng là hung dữ không ai chữa nổi, nay chờ đến chậ nhà chậ cửa.

Lúc bấy giờ nhà Đức Ông chậ nức, nào bệnh nhơn, nào những người hiếu kỳ đến xem chữa bệnh, chen nhau không còn chỗ trống. Có

nhiều con bệnh hết sức hung tợn, ở nhà la ó hay hành hung không ai dám lại gần, phải dùng thể bắt trói mới đem đi được. Thế mà khi đến Ngài, Ngài bảo lấy dây chuối cột tay dẫn lên, bệnh nhờn riu riu đi theo không chống cự. Cũng có con bệnh chưa chịu phép, còn la ó hay múa tay múa chơn, Ngài rút chiếc khăn quăng ra và hét: Chư Thần đâu . . . để vậy sao? Hét vừa dứt tiếng thì bệnh nhờn chạy đến chụp lấy chiếc khăn quăn vào tay, càng siết chặt hai tay lại, vừa khóc lóc van lơn xin Ngài tha thứ.

Ngài nói: Nếu biết ăn năn thì hãy xuất ra, người ta có vợ có chồng rồi, đừng có xen vào phá gia cang người ta. Hãy hứa không còn phá nữa, ta mới dung thứ.

Con bệnh khóc lóc hứa từ nay không còn dám phá nữa. Ngài bảo mở trói, con bệnh tự tháo chiếc khăn ra. Ngài dạy lại lễ Phật, cho uống một chén nước lã rồi ra về.

Ngoài bệnh trùng, bệnh điên, Ngài còn chữa nhiều thứ bệnh khác nữa, như dịch tả, phung đờn, nhứt là cai thuốc phiện, bỏ rượu một cách tài tình.

Phương pháp chữa trị của Ngài hết sức giản dị, Ngài cho uống nước lã, hoặc giấy vàng hay giấy nhựt báo xé nhỏ ra. Về phương dược thì các thứ lá cây như: lá xoài, lá ổi, lá mít . . ., các thứ bông như: bông trang, bông thọ. Còn về niệt để đeo thì dùng chỉ trắng se lại, có khi không có chỉ thì dùng dây chuối, dây bố . . .

Chỉ có bấy nhiêu dược liệu, hết sức giản dị, không tốn tiền mà bệnh nào uống vào cũng khỏi. Lại nhứt là những người ghiền á phiện hay ghiền rượu, chỉ uống nước lã mà bỏ rượu bỏ á phiện cái một, không hành phạt chi chi cả.

Ngoài ra Ngài cũng có cho toa thuốc Bắc, ai có mắc bệnh, cứ theo đó bổ về sắc uống: mười bệnh hết mười, khỏi phải đem đến Ngài chữa trị. Những phương thuốc còn ghi chép trong quyển "Sấm Giảng Thi Văn Toàn Bộ". Đến ngày nay nhiều người mắc bệnh đã theo toa thuốc ấy hết về uống vẫn thấy hiệu nghiệm như một thứ thuốc Tiên.

Chương III: RA TẾ ĐỘ

Gây đức tin: - Sở dĩ Ngài trở tài "dùng huyền diệu của Tiên gia" chữa bệnh một cách thần diệu như thế là để chứng tỏ Ngài không phải là hạng phàm nhờn. Như mọi người đều biết; từ nhỏ đến lớn Ngài có học thuốc với ai đâu, thế mà nay bỗng dưng chữa bệnh, chữa đâu hết đó, nhứt là những bệnh đau tà hay điên cuồng thì càng làm cho người đời phải đặt ra câu hỏi: Đây có lẽ là một vị Tiên, Phật, Thánh, Thần chi chi mượn xác phàm để ra đời cứu thế chăng?

Từ chỗ nghi ngờ phát sanh lòng tin tưởng (Nghi sanh tín). Đức tin đó càng ngày càng tăng trưởng là do hành động hay phương pháp chữa trị của Đức Huỳnh Giáo Chủ.

a) Chữa căn chớ không chữa quả, nghĩa là bệnh nào đau căn thì Ngài nhận chữa, còn bệnh nào đau về quả thì Ngài từ chối. Như có lần (ở Nhơn Nghĩa) có một bệnh điên chớ đến; Ngài cũng cho uống thuốc và làm cho con bệnh bớt điên, nhưng Ngài bảo thân nhân chớ về nhà, rán cầu nguyện và làm phước may ra mới bớt. Điều này chứng tỏ Ngài soi rõ căn quả của con bệnh, bệnh nào thuộc về căn, bệnh nào thuộc về quả. Đó cũng là bằng chứng rằng Ngài là bậc siêu phàm mới có năng khiếu ấy.

b) Trong lúc chữa trị, với những bệnh hung tợn, Ngài thường kêu gọi chư Thần, chư vị sai khiến, như bảo trói hay khảo tra thì liền sau đó con bệnh tự trói lấy, tự lấy roi đánh vào người rồi lăn lộn than khóc, van xin Ngài đừng cho khảo tra nữa để nó cung khai. Ngài sai khiến được chư thần như thế, hẳn Ngài là bậc phi phàm, Phật Tiên Thần Thánh chi chi mới có uy lực sai thần tróc quỷ như vậy.

c) Có nhiều chứng bệnh. Ngài không chữa bằng phương pháp huyền diệu như cho uống lá cây hay các thứ bông mà lại bằng phương pháp thường của một vị lương y như bao nhiêu lương y trong làng, nghĩa là ra toa, rồi cầm toa ấy đến tiệm thuốc Bắc, hốt thuốc về sắc uống. Ngài có học thuốc Bắc hồi nào đâu, thế mà Ngài viết các tên thuốc rất đúng, đến các thầy thuốc Bắc cũng phải kinh ngạc. Điều này chứng tỏ Ngài không phải là hạng người thường nhơn.

d) Mỗi khi Ngài chữa bệnh, thường bắt con bệnh uống nước cúng Phật và khi lành mạnh, bắt phải lạy bàn thờ Phật. Ngoài ra Ngài còn dạy khi về nhà rán niệm Phật và cầu nguyện, làm lành lánh dữ. Sau ngày Ngài chánh thức mở đạo, nếu có ai muốn qui y thì Ngài nhận cho qui y và bắt phải học các bài nguyện rồi về lập bàn thờ Phật, hằng đêm lễ bái. Điều này chứng tỏ Ngài qui ngưỡng theo Phật, một vị siêu phàm trong hàng ngũ Phật Thánh.

đ) Từ ngày Ngài ra chữa trị, độ bệnh cứu đời, thường sai khiến chư thần chư vị thì những đồng bóng hay cốt ông này bà nọ không còn dám về đồng hay nhập cốt nữa. Chủ nhơn quá tha thiết cầu thỉnh thì có vị về cho biết rằng: Nay có Phật, Bồ Tát ra đời cứu dân độ thế, uy lực rất lớn nên chúng không dám về đồng hay bèn mảng lại gần, vì tự nhận thấy mình là phần còn ăn thịt uống rượu, nên không dám lại gần các hàng Phật Thánh, sợ bị chư thần chư vị đánh đuổi.

Do đó mà người trong làng được biết đến phần thiêng liêng hay

Đức Huỳnh Giáo Chủ về mặt siêu hình là một vị có phẩm trật cao siêu trong hàng Phật Thánh.

Do những phương pháp chữa trị huyền diệu, cũng như ngôn hành của Đức Huỳnh Giáo Chủ thi thiết đối với đời mà người ta nhận Ngài là một đấng siêu phàm. Hoặc vì nhờ được "*manh mà cảm lòng từ bi của chư vị với Trăm Quan*", nên người đời qui ngưỡng theo Đức Huỳnh Giáo Chủ và đặt cả đức tin vào sự cứu độ của Ngài.

Nói tóm lại, sở dĩ Ngài "dùng huyền diệu của Tiên gia" độ bệnh là để gây lấy lòng cảm mến, rồi từ cảm mến được cứu độ mà người đời đặt cả đức tin vào sự giáo độ của Ngài.

Thuyết giảng: - Để gây niềm tin vào tâm não của mọi người, ngoài phương pháp "*dùng huyền diệu của Tiên gia*", chữa bệnh, Đức Huỳnh Giáo Chủ còn thuyết giảng những giáo lý cao siêu của Đạo Phật "*cho kẻ có lòng mộ Đạo qui căn, gây gốc thiện duyên cùng Thầy Tổ*", Ngài thuyết giảng cả ngày lẫn đêm mà không biết mỏi. Ngoài bệnh như đến chữa trị, nay thêm hạng người đến nghe Đạo lý xin thơ bài, thành thử nhà Đức Ông không còn chỗ chứa.

Chính phương pháp giảng thuyết đã thu hút đông người hơn lối chữa trị huyền diệu, vì trong những lời thuyết giáo có ẩn ý thiên cơ, thức tỉnh lòng người hầu ăn năn cải hóa làm lành lánh dữ.

Nhứt là Ngài ám thông tâm lý, biết rõ lòng người, nói rất đúng như người ở trong nhà. Không ẩn khúc nào có thể giấu giếm Ngài được. Ngài còn thấu cả tiền căn hậu kiếp của mỗi người qua thơ bài của Ngài viết tặng, càng làm mọi người khâm phục qui ngưỡng càng lúc càng đông. Chúng (?) tin tưởng Ngài là một vị siêu phàm có sứ mạng xuống trần cứu dân độ thế.

Lối nói của Ngài rất hấp dẫn. Ai nghe cũng cảm, vì Ngài hết sức bình dị và luôn khiêm tốn, không hề xưng hô lớn lối.

Vừa thuyết giảng, vừa cho bài thơ, đượm nhuần giọng văn tao nhã, sức nức lời lẽ cao siêu của Đức Phật, vì vậy có mãnh lực giác tỉnh phi thường người đời phát tâm Bồ Đề, qui đầu chánh pháp.

Sau một thời gian chữa bệnh và thuyết giảng đem niềm tin tưởng vào lòng người, Ngài cảm thấy cơ duyên đã đến cho Ngài thọ lấy sắc lệnh của Thiên Đình mở cơ phổ hóa, giác tỉnh quần mê hầu có hoàn thành sứ mạng tuyển chọn người hiền đến Hội Long Hoa và lập đời Thượng Ngươn an lạc.

Lễ Cáo Hoàng Thiên: - Phàm làm một việc gì, trước khi lãnh lấy trách nhiệm, như vị Tổng Thống hay Thủ Tướng chẳng hạn, phải làm lễ ra mắt, tuyên cáo quốc dân. Hồi thời xưa muốn đưa một vị

tướng lên cầm quân, như Văn Vương chọn Khương Tử Nha hay Hớn Bái Công chọn Hàn Tín làm tướng đều có tổ chức lễ đăng đàn bái tướng để chánh thức phong tướng và đồng thời trao ấn tín cho vị tướng ấy có đủ uy quyền ra cầm binh khiển tướng, thi hành nghiêm lệnh.

Trường hợp của Đức Huỳnh Giáo Chủ cũng thế. Trước khi chánh thức lãnh Sắc lệnh của Thiên Đình ra cứu dân độ thế. Ngài cũng phải tổ chức lễ Cáo Hoàng Thiên để chánh thức nhận lấy trách nhiệm.

Ngài chọn ngày 18 tháng 5 năm Kỷ Mão làm lễ Cáo Hoàng Thiên. Cứ theo lời ông Nguyễn Văn Truyền, nguyên Kiểm soát trong Ban Trị Sự xã Hòa Hảo kể lại thì chính ông lãnh việc trang trí một bàn hương án trước sân nhà Đức Ông. Trên bàn ấy có để ba cái chung nước, một chén bông, một lư hương và một cặp đèn.

Sau khi bàn hương án đã dọn, Ngài cho mời Đức Ông là chủ nhà ra chứng kiến, nhưng Đức Ông không chịu ra; đến khi bà Tám em Đức Ông và nhiều người thân thuộc lại yêu cầu nhiều lần cực chẳng đã, Đức Ông mới nhận, nhưng để mình trần ra ngồi bẹp xuống bực thềm trước nhà và nói một câu cụt ngủn: Đó, làm gì thì làm đi.

Đức Thầy bèn đốt hương xá bốn hướng rồi quay lại bàn hương án khấn vái một hồi lâu mới cắm hương và lễ bốn lạy.

Thế là cuộc lễ Cáo Hoàng Thiên đã xong. Ông Truyền lại có phận sự dẹp bàn hương án như khi đã dọn ra.

Viết Sấm Giảng: - Đã chữa bệnh, đã thuyết giảng, tuy đã gây được niềm tin ở một số người, nhưng chưa chỉ pháp môn tu hành là điều mà những người muốn tu hành cần phải có, để nương theo đó mà tu học hầu cho đắc thành quả vị Phật Thánh hay hoàn toàn giải thoát.

Vì vậy, sau khi làm lễ Cáo Hoàng Thiên, Ngài chăm chú vào việc viết Sấm Giảng, để trình bày hay phổ truyền giáo pháp của Ngài. Người ta có thể do nơi đó để biết rõ Ngài có phải là một bậc Chơn Sư và giáo pháp của Ngài có phải là Chánh pháp không?

Ngài viết dễ dàng, không cần đến giấy nháp. Tác phẩm của Ngài phần lớn thuộc loại văn vần, với tác dụng là để cho hạng dân quê ít học, dễ đọc và dễ nhớ. Và lại loại văn vần có sức truyền cảm hơn loại văn xuôi.

Sau đây là những quyển giảng của Ngài đã viết:

1. Sấm Giảng khuyên người đời tu niệm. - Đây là quyển thứ nhứt có 912 câu, viết tại Hòa Hảo vào khoảng sau khi làm lễ Cáo Hoàng Thiên năm Kỷ Mão (1939). Trong quyển giảng này, đại ước,

Ngài cho biết trước khi trực tiếp giáo độ chúng sanh, Ngài đã phương tiện hóa hiện đạo lục châu, giả dạng người già kẻ trẻ, kẻ buôn bán ăn xin, chèo đò rước khách . . . để có dịp đánh thức người đời rằng có Phật Tiên xuống thế.

Có nhiều bằng chứng xác nhận dấu vết cuộc châu du của Ngài.

Như trường hợp cô Lê Thị Cứng ở Hòa Hảo mất trộm được Ngài nhắc việc cô này coi bói ở những câu như sau:

*Có người ở xóm bằng nay,
Bị mất trộm rày đồ đạc sạch trơn.
Du thần bày tỏ nguồn cơn,
Rằng người nghèo khó đang hờn phận duyên.
Điên nghe vội vã quày thuyền,
Dùng khoa coi bói giải phiền phàm nhơn.
Coi rồi bày tỏ nguồn cơn,
Xin cô đừng giận đừng hờn làm chi.*

Cô Cứng xác nhận, sau khi mất trộm, có một chiếc ghe chở bốn người, trong đó có một người tự nhận làm thầy bói, ghé nhà cô để coi bói.

Một đoạn nữa trong Sấm Giảng nói về trường hợp ông chủ Phối ở lòng Ông Chường mà Ngài ghé nhà đàm đạo với ông Đạo Ba như Ngài đã đề cập trong Sấm Giảng:

*Xuống thuyền xuôi nước thẳng sông,
Ghé nhà chủ Phối xem lòng Đạo Ba.
Ngồi chơi đạo lý bàn qua,
Mấy bà có biết lúa mà bay không?
Có người đạo lý hơi thông,
Xin ông bày tỏ cho tôi hiểu rày.
Điên nghe liền mới tỏ bày,
Lúa bay về núi dành rày ngày sau.
Hỏi qua tu niệm âm hao,
Không biết câu nào trái ý Đạo Ba.
Buồn đời Diên mới bước ra,
Tay gầy chèo quế đạo mà khắp nơi.*

Khi đọc đến đoạn giảng này ông Đạo Ba nhìn nhận có y như vậy.

Ngoài ra còn trường hợp của ông năm Hăng ở làng Kiến An thường xưng là Quan Vân Trường mượn xác mà Ngài có ghé, như đoạn sau đây đã thổ lộ trong Sấm Giảng:

*Thảm thương bá tánh lăm ôi!
Bồng Lai Tiên cảnh rao rồi một khi.
Nếu ai rảnh việc thời đi,
Còn mắc nợ thì ở lại dương gian.*

*Có người xưng hiệu ông Quan,
Tên thật Vân Tràng ở dưới Dinh Ông.
Thấy đời cũng bắt động lòng,
Ghé vào tề xá thẳng xông lên nhà.
Mình người tu niệm vậy mà,
Nói chi lớn tiếng người mà khinh khi.
Người nhà cảm tạ một khi,
Cúng năm cắc bạc tiền đi non Bồng.*

Việc này ông năm Hảng cũng nhìn nhận là đúng sự thật có một ông già râu tóc bạc phơ ghé nhà ông thuyết giảng và chính ông có cúng năm cắc bạc, tiền đi non Bồng.

Còn nhiều bằng chứng khác nữa ghi dấu Ngài có đi đạo Lục Châu, khi giả dạng người này người khác mà phần đông đều được mục kích hay đàm luận.

2. Kệ dân của người Khùng. - Đây là quyển thứ hai, có 476 câu, viết tại Hòa Hảo ngày 12 tháng 9 năm Kỷ Mão (1939)

Đại ý quyển này, Ngài chỉ vạch máy huyền cơ cho nhơn sanh được biết, có sớm hồi đầu trở lại tinh tấn tu hành hầu được cứu rỗi trong ngày tận diệt hay vãng sanh Cực Lạc như đoạn giảng sau đây:

*Nhìn cuộc thế đổi thay quá gắt,
Máy thiên cơ mỗi phút một thay.
Nẻo thanh suy như thể tên bay,
Đường vinh nhục rủi may một lát.
Ai phú quý vào đài ra các,
Ta Diên Khùng thương hết thế trần.
Khuyên chúng sanh chẳng biết mấy lần,
Nào ai có tỉnh tâm tìm Đạo.*

Hay là:

*Đến chừng đó bốn phương có giặc,
Khắp hoàn cầu thiết thiết tha tha.
Vây sớm mau kiếm chữ Ma ha,
Thì Phật cứu khỏi nơi khói lửa . . .*

Đồng thời Ngài đem chánh pháp vô vi của Đức Phật Thích Ca đối kháng lại giáo pháp âm thanh sắc tướng của Thần Tú đang thịnh hành:

*Khuyên sư vĩ mau mau cải hối,
Làm vô vi chánh Đạo mới mau.
Đạo Thích Ca nhiều nẻo cao sâu,
Hãy tìm kiếm cái không mới có.
Ngôi Tam Bảo hãy thờ Trần đỏ,
Tạo làm chi những cốt với hình,*

*Khùng nói cho già trẻ làm tin,
Theo Lục Tổ chớ theo Thần Tú.*

Hay là:

*Theo Thần Tú tạo nhiều chuông mõ,
Từ xưa nay có mấy ai thành.
Phật từ bi độ tử độ sanh,
Là độ kẻ hiền lương như ái.
Xá với phước là trò kỳ quái,
Làm trai đàn che miệng thế gian.
Kẻ vinh hoa phú quý giàu sang,
Mướn tăng chúng đặng làm chữ hiếu.
Thương bá tánh vì không rõ hiểu,
Tưởng vậy là như nghĩa vẹn toàn,
Thấy lạc lầm Đây động lòng son,
Khuyên bốn đạo hãy nên tỉnh ngộ.*

3. Sấm Giảng. - Đây là quyển thứ ba, gồm có 612 câu, viết tại Hòa Hảo vào năm Kỷ Mão (1939). Đại ý quyển này đoạn đầu mách cho biết những tai nạn hãi hùng gồm ghê trong lúc biến di, như đoạn sau đây:

*Thương đời Ta mượn bút nghiên,
Thở than ít tiếng giải phiền lòng son.
Bắt đầu cha nợ lạc con,
Thân này thương chúng hao mòn từ đây.
Minh Hoàng chưa ngự đài mây,
Gẫm trong thế sự còn dày gian truân.
Đò đưa cứu kẻ trầm luân,
Đặng chờ vận đến mới mừng chúa tôi,
Thảm thương thế sự lắm ôi!
Dẫy dẫy thê thảm lắm hồi mê ly.*

Hay là:

*Lao xao bể Bắc non Tân,
Quân Phiến tham báu xa gần cũng qua.
Tranh phân cho rõ tài ba,
Cùng nhau giành giựt mới là thầy phôi.
Khổ lao đà sắp đến nơi,
Thế gian bớt miệng kêu mời cõi âm.*

Đồng thời dạy cho trai gái lớn nhỏ biết cách ăn thối ở đúng theo luân thường đạo nghĩa; có như thế mới mong sống sót trong những ngày lập hội, như đoạn giảng sau đây:

*Nào là luân lý tứ ân,
Phải lo đền đáp xác thân mới còn.
Ai mà sửa đặng vuông tròn,*

Long Hoa đến hội lâu son dựa kê.

Dạy về bốn phận làm trai:
*Dạy rồi cái đạo tu hiền,
Làm trai nhỏ tuổi tình duyên đang nồng.
Cũng đừng gheo gái có chồng,
Cũng đừng phá hoại chữ đồng gái trinh.
Ra đường chọc gheo gái xinh,
Nửa sau mắc phải yêu tinh hư mình.
Xử cho vẹn chữ nghĩa tình,
Vâng lời cha mẹ mà gìn gia cang.
Nghiêm đàng chịu lệnh cho an,
Loạn luân cang kỷ hổ han tiếng đời.
Anh em đừng có đổi đời,
Phụ phàng đưa muối se lơi nghĩa tình.*

Dạy về bốn phận làm gái:
*Lớn lên phận gái cần chuyên,
Làm ăn thì phải cho siêng mới là.
Phải gìn dục vọng lòng tà,
Đừng chiều theo nó vậy mà hư thân.
Nghe lời cha mẹ cân phân,
Tam tòng vẹn giữ lập thân buổi này.
Tình duyên chẳng kíp thì chầy,
Chớ đừng cãi lệnh gió mây ngoại tình.*

4. Giác mê tâm kệ. - Đây là quyển thứ tư, gồm có 846 câu, viết tại Hòa Hảo ngày 20 tháng 9 năm Kỷ Mão (1939).

Đại để trong quyển này, Ngài tuyên giáo pháp môn hành đạo của Đức Phật Thích Ca như Tứ Diệu Đế, Bát Chánh Đạo . . . cho người đời noi theo đó tu hành cho đắc quả.

Ngài không dứt khuyên chúng sanh rán tìm diệu lý trong Sám kinh và rán làm tròn nhưn đạo, vì là thời kỳ chư Phật Thánh tuyền chọn người hiền đức. Và chỉ người hiền đức mới được sống còn sau ngày hoại diệt của cõi thế gian.

*Trong bá tánh muốn nơi cao quý,
Phải truy tâm huyền bí nơi cơ.
Từ Sám kinh cho đến thi thơ,
Trong chốn ấy nhiều nơi trọng yếu.
Tạo làm chi những trung với hiếu,
Ấy là người bốn phận phải trau.
Khuyên dương trần đừng nệ cần lao,
Cũng rán sửa rán trau nền đạo.
Tu đầu tóc không cần phải cạo,
Miễn cho rồi cái đạo làm người.*

*Kể từ nay lỡ khóc lỡ cười,
Vì buồn bức thấy đời biến chuyển.
Các chư Phật từ đây lựa tuyền,
Coi ai là đức hạnh hiền từ.
Lời sách xưa cận thủy tri ngư,
Cận sơn lãnh trần gian tri điểu.
Trong Sấm giảng nếu ai không hiểu,
Tâm kệ này Ta chỉ nẻo đường.
Quyết dạy trần nên nói lời thường,
Cho sanh chúng đời nay dễ biết.*

5. Khuyển Thiện. - Đây là quyển thứ năm, gồm có 756 câu, viết tại Chợ Quán năm Tân Tỵ (1941).

Trong quyển này, Ngài kể lại gương xuất gia tầm đạo của Phật Thích Ca:

*Nói cho đời hiểu Phật Thích Ca,
Lòng tự giác xả thân tầm Đạo.
Ta cũng chẳng hoàn toàn thông thạo,
Nhưng phân cùng bốn đạo xa gần.
Có một điều già trẻ ân cần,
Là phải biết nguyên nhân Phật giáo.*

Sau đó Ngài khuyên người đời tu theo pháp môn Tịnh độ để cầu sanh về Cực Lạc, vì trong thời kỳ mạt pháp này, đây là một Pháp môn cứu cánh, phù hợp với căn cơ của tất cả chúng sanh trong thời Nguơn hạ:

*Môn Tịnh độ là phương cứu cánh,
Rán phụng hành kẻ phụ Phật xưa.
Lòng tử bi chẳng quản nắng mưa,
Xông thuyên giác rước đưa sanh chúng . . .*

Hay là:

*Lòng thương chúng thuyết phương Tịnh độ.
Đặng dắt dìu tất cả chúng sanh.
Nếu như ai cố chí làm lành,
Chuyên niệm Phật cầu sanh Phật quốc.
Cả vũ trụ khắp cùng vạn vật,
Dầu Tiên, Phàm, Ma, Quỷ, Súc sanh;
Cứ nhứt tâm tín nguyện phụng hành,
Được cứu cánh về nơi an dưỡng.
Chỉ một kiếp Tây phương hồi hướng,
Thoát mê đồ dứt cuộc luân hồi.*

Ngoài ra, Ngài còn kể lại Tám điều khổ của chúng sanh và khuyên trừ Thập ác.

6. Những điều sơ lược cần biết của kẻ tu hiền. - Đây là quyển thứ sáu, viết trong vòng tháng 5 năm 1945 tại Sài Gòn, theo lối văn xuôi (tản văn) khác hơn 5 quyển trước viết theo lối văn vần (vận văn).

Trong quyển này, Ngài giải thích Tứ Ân, Thập Thiện, Bát Chánh và những nghi thức hành đạo cần biết của một tín đồ.

Ngoài ra Ngài còn viết nhiều bài rời và cho thi văn rất nhiều mà sau này anh em tín đồ kết tập lại thành quyển "**Thi văn Giáo Lý**" gồm trên 500 trang kể cả những toa thuốc Nam để trị bệnh cho bá tánh thập phương.

Những bệch lộ của Sấm Giảng.

Trong Sấm Giảng có câu:

*Rút trong các luật các kinh,
Tùy lòng không ép làm in giảng này.*

Câu này đủ minh chứng những điều Ngài giảng đều rút tĩa tinh lý của Phật trong Tam Tạng Kinh là Kinh tạng, Luật tạng và Luận tạng. Thế sao các tác phẩm của Ngài không gọi là Kinh hay Luận mà gọi là **Sấm Giảng**.

Sấm có nghĩa là những lời tiên tri cho biết trước về thời cuộc, **Giảng** là bày giáo lý cao siêu của Đạo Phật.

Do sự tiên tri cho những điều sắp xảy ra về cõi đời Hạ nguơn sắp chấm dứt để bước sang cõi Thượng nguơn, những tai biến hãi hùng trong những ngày hoai diệt cõi đời mạt kiếp này mà người đời thức tỉnh giác mê nhận cõi đời này là giả tạm hầu có sớm ăn năn cải hối tu hành theo Đạo Phật thì mới mong được Phật Thánh Tiên cứu rỗi, sống sót trong ngày lập đời Thượng Nguơn an lạc.

Về việc bệch lộ thiên cơ (Sấm) chúng ta có thể phân tách ra hai sự việc:

1. Tiên tri thời cuộc: - Trong Sấm Giảng, Đức Huỳnh Giáo Chủ đã tiên tri nhiều việc ngày nay đã thấy ứng hiện, càng tăng trưởng đức tin của tín đồ vào sự giác ngộ của Ngài.

Như tiên tri về sanh hoạt đắt đỏ, sưu cao thuế nặng, kinh tế suy sụp, tiền bạc mất giá...

*Ngồi Khùng trí đoái nhìn cuộc thế,
Thấy dân mang sưu thuế mà thương;
Chẳng qua là Nam Việt vô vương,
Nên tai ách xảy ra thảm thiết.*

*Bạc không cánh đổi thay chẳng biết,
Vàng bị nghèo mấy chiếc chẳng còn.*

Hay là:

*Thương hại bấy lê dân đứt ruột,
Thảm vợ con đói rách đùm đeo;
Gẫm chữ nghèo thường mắc chữ eo,
Thêm gạo lúa lại tăng giá mắt.*

Hoặc là:

*Hết đây rồi đến dị kỳ,
Sưu cao thuế nặng vậy thì thiết tha.*

Về thảm cảnh thì:

*Mai sau nhiều cuộc đất cày,
Đua nhau mà chạy lâu đài cũng xa.*

Hay là :

*Trong bốn đạo từ đây kim chỉ,
Đói với nghèo sắp tới bây giờ.*

Những thảm cảnh ấy, ngày nay đã thấy ứng hiện trước mắt mọi người. Cũng như Ngài đã cho biết trước trận thế chiến thứ hai, khởi từ năm Mèo (1939) và chấm dứt năm Gà (1945) ở những câu:

*Mèo kêu bá tánh lao xao,
Đến chừng Rồng Rắn máu đào chĩnh ghê.
Con Ngựa lại đá con Dê,
Khắp trong trần hạ nhiều bề gian lao.
Khỉ kia cũng bị xáo xào,
Canh khuya Gà gáy máu đào mới ngưng.*

Còn nhiều lời tiên tri khác nữa nói về thời cuộc, nhưng đây chỉ kể vài việc đã ứng hiện để chứng minh là Ngài mách trước trong Sấm Giảng có thật, chẳng kíp thì chầy ứng hiện không sai.

2. Cho biết chuyển kiếp. - Trong bài "**Sứ mạng của Đức Thầy**" có đoạn nói rằng: "*Tuy là nhưn dân mới rõ pháp mà tưởng rằng Ta thượng xác cõi đồng chớ có dè đâu chuyển kiếp đã từ lâu chờ đến ngày ra trợ thế*". Ở một đoạn khác, Ngài lại viết: "*Những kiếp gần đây, may mắn gặp minh sư, cơ truyền Phật pháp, gọi nhuần ân đức Phật, lòng đã quảng đại từ bi, hềm vì nổi cảnh quốc phá gia vong, máy huyền cơ đã định, lòng thương trăm họ vướng cảnh đồ lao, chi xiết xót thương chúng sanh vạn khổ*".

Và Ngài cho biết kiếp này là kiếp chót như ngài đã viết: "*Ta nghĩ*

nhieu tiền kiếp ta cũng hy sinh vì Đạo nào quản xác thân. Kiếp chót này đây há lại tiếc chi thân phàm tục . . . "

Theo đó thì Ngài đã chuyển nhiều kiếp. Nhờ vậy mà khi đọc Sấm Giảng, ta không còn ngạc nhiên thấy nhiều đoạn, nhiều danh xưng trùng hợp với nhiều vị siêu phàm khác. Chẳng hạn như :

a) Xưng Khùng Điên. - Điều mà ai cũng nhận thấy là các vị trong Bửu Sơn Kỳ Hương, từ Đức Phật Thầy Tây An trải qua Ông Sư Vãi Bán Khoai . . . một khi lâm phạm cứu thế đều xưng hiệu Khùng Điên, ý chứng để đối lại người đời thường xưng khôn lanh quỷ quái.

Đây ông Sư Vãi Bán Khoai xưng Khùng:
*Khùng sao mà biết thiên cơ,
Cũng là Phật khiến cho Khùng dại điên.*

Đức Huỳnh Giáo Chủ cũng xưng Khùng và cũng nhận biết thiên cơ:
*Khùng toàn biết âm dương kết liễu,
Khùng huyền cơ, Khùng đạo Thích Ca.*

Về xưng Điên, ông Sư Vãi có viết:
*Điên này Điên Phật Điên Thầy,
Chẳng sợ ai rầy nên nói cù nhây.*

Còn Đức Huỳnh Giáo Chủ thì là:
*Điên như Ta, Điên giống Tiên Rồng,
Điên gỡ ách xích xiềng thế tục.*

b) Đối chiếu tư tưởng. - Ngoài việc xưng hiệu Khùng Điên, còn nhiều tư tưởng trùng hợp giữa Đức Phật Thầy Tây An, ông Sư Vãi Bán Khoai và Đức Huỳnh Giáo Chủ.

Về nhan đề giảng sách, có sự trùng nghĩa trùng tên như:

Đức Phật Thầy Tây An có bài "**Giác mê**", còn Đức Huỳnh Giáo Chủ thì có "**Giác mê tâm kệ**" tức quyển thứ tư trong bộ Sấm Giảng.

Ông Sư Vãi Bán Khoai có quyển "**Sấm Giảng người đời**" mở đầu bằng câu "*Hạ nguơn Giáp Tý bằng nay*", thì Đức Huỳnh Giáo Chủ có quyển "**Sấm Giảng khuyên người đời tu niệm**" tức quyển thứ nhứt, cũng với câu mở đầu "*Hạ Nguơn nay đã hết đời*".

Ngoài sự trùng nhan đề, còn nhiều đoạn trùng ý giữa ông Sư Vãi Bán Khoai với Đức Huỳnh Giáo Chủ. Như đoạn giảng sau đây nói về "*Một Thầy ba Tở*"

Đây là lời ông Sư Vãi Bán Khoai tự thuật:

Chùng nào nước chảy đông nguồn,
Một Thầy ba Tổ hết đường lao đao.

Hay là:
Nào khi nắng bụi bay tuôn,
Một Thầy ba Tổ chẳng buồn lại vui.

Và đây Đức Huỳnh Giáo Chủ nói về "Một Thầy ba Tổ":
Khùng thời **ba Tổ một Thầy**,
Giảng dạy dầy dầy rõ việc thiên cơ.

Ông Sư Vãi Bán Khoai còn cho biết cả danh hiệu của Thầy và Tổ nữa:
Huệ Lự ký tả một bài,
Viễn ban châu quận hậu lai khán tường.

Hay là:
Huệ Lự bút ký tả rồi,
Đặng cho thiên hạ dấu soi để đời.

Đức Huỳnh Giáo Chủ chẳng những lặp lại tên Thầy, còn cho biết tên tổ nữa:
Đừng thấy ngu dạy mà khi,
Thầy là **Huệ Lự**, Tổ thì **Huệ Tâm**.

Ngoài sự trùng ngôn trùng ý, đánh dấu sự liên hệ tiền kiếp giữa ông Sư Vãi Bán Khoai và Đức Huỳnh Giáo Chủ, còn bức màn huyền vi giữa Đức Phật Thầy Tây An và Đức Huỳnh Giáo Chủ cũng sẽ được vén lên, khi ta đọc những câu như sau:

Như khi Đức Huỳnh Giáo Chủ cho biết:
Khùng thời quê ngụ **núi Sam**
Còn Diên chẳng có chùa am dưới này.

Núi Sam là nơi Đức Phật Thầy Tây An tịch, nay còn di tích là phần mộ không năm của Ngài còn lưu dấu.

Một đoạn khác trong Sấm Giảng, Đức Huỳnh Giáo Chủ cũng lặp lại di tích **núi Sam** để cho người nhận ra chuyển kiếp của Ngài:

Thương lê thứ bày tường trong đục
Mặc ý ai nghe phải thì làm:
Lời của người **di tịch núi Sam**,
Chớ chẳng phải bày điều huyền hoặc,
Cảnh Thiên Trước thơ thong nông nặc.
Chẳng ở yên còn xuống phàm trần,
Ấy vì thương trăm họ vạn dân,
Nên chẳng kể tấm thân lao khổ.

*Giả quê dốt khuyên người tỉnh ngộ,
Giả bán buôn thức giấc người đời.
Rằng ngày nay có Phật có Trời,
Kéo dân chúng nhiều người kêu ngạo.*

Đọc qua các khoản trùng ngôn trùng ý và đối chiếu tư tưởng giữa Đức Phật Thầy Tây An, Ông Sư Vãi Bán Khoai với Đức Huỳnh Giáo Chủ, người đời nhận rõ sự chuyển kiếp của Ngài như Ngài đã xác nhận, khi viết: *"Tuy là như dân mới rõ pháp mà tưởng rằng Ta thượng xác cõi đồng, chớ dè đâu chuyển kiếp đã từ lâu chờ đến ngày ra trợ thế"*.

Do đó, ta không lấy làm lạ, ngoài những người chịu ơn cứu chữa hay phục tài ám thông tâm lý hoặc được cho thi bài soi tỏ căn cơ, đã đành thọ giáo qui y với Ngài, mà còn một số tín đồ của Đức Phật Thầy Tây An, ông Sư Vãi Bán Khoai hay những người trong giáo hệ Bửu Sơn Kỳ Hương, sau khi đọc Sấm Giảng đều chẳng ngần ngại qui ngưỡng theo Đức Huỳnh Giáo Chủ.

Tiếng đồn ngày một lan rộng ra, thu hút một số đông người đến thử thách.

Thử thách. - Từ ngày thi thơ, Sấm Giảng ra đời, sau khi đọc qua, có một số Nho gia hay phái tân học tầm đến thử thách, trước nhứt cho rõ tài cán của Ngài (không học mà thông), sau là tìm hiểu xuất xứ của vị siêu phàm xuống thế và sứ mạng vị ấy như thế nào?

Nếu kể ra hết các trường hợp thử thách thì quá dài, đây chúng tôi chỉ chọn ra một số điển hình để xác nhận về ám thông tâm lý và tài biện bác trác tuyệt của Ngài, ngoài hạng phi phàm chưa chắc đã đối đáp nổi một cách tuyệt luân như thế.

1. Thầy Ba Thân tức ông Phan Khắc Thân một nhà lão nho, học trò của cụ Tú Thường, một hôm được ông Huỳnh Hữu Phi đem thi bài của Đức Thầy về trao cho ông coi, trong đó có bài "Tam châu hữu ngạn". Sau khi đọc, ông chê gì mà làm thơ nửa nạc nửa mỡ. Ông họa và gửi đến Ngài xin đáp lại.

Ngài bảo người mang thơ về nói: Ngài làm thơ là để khuyên người đời tu niệm, chớ không ra đời làm thơ để họa đáp.

Người mang thơ về thuật lại, ông Ba Thân nói: Như vậy tôi phải đến gặp ông mới được.

Sau đó, ông kêu 4 người học trò giỏi nhứt của ông cùng đi với ông đến gặp Đức Thầy, sau hai đêm nặn óc làm hai bài thơ định thử thách. Nhưng khi ông vừa bước đến nhà thì Ngài chạy ra tiếp và vồn vã: Bộ ông muốn làm thơ lắm sao ông lão. Liền đó, Ngài mời ông

vào và bắt đầu câu chuyện mà trong đó Ngài đáp hết những điều ông lão muốn hỏi trong 2 bài thơ.

Đến khi ra về, người cùng đi theo hỏi sao không thấy ông đem hai bài thơ ra hỏi Ngài thì Thầy Ba Thận cho biết rằng trong lúc nói chuyện Ngài đã trả lời hết rồi mặc dầu hai bài thơ vẫn còn nằm trong túi áo.

2. Ông Hương sự Vàng, người ở làng Hòa Hảo, một hôm đem quyển "Sấm Giảng Người Đời" của ông Sư Vải Bán Khoai đến toan thử Ngài, vừa bước vào nhà thì Ngài chặn lại hỏi: Phải quyển "Sấm Giảng Người Đời" của ông Sư Vải Bán Khoai đây không? Vừa nói, Ngài vừa lấy trong túi ông Hương Sự Vàng quyển giảng rồi trao cho ông này bảo dò coi Ngài đọc có trúng không?

Thế rồi Ngài đọc thuộc lòng: ông Hương Sự Vàng dò không sai một chữ, vô cùng ngạc nhiên, vì biết từ nhỏ đến lớn Ngài chưa hề gặp quyển giảng ấy.

Chẳng những thế, Ngài còn cho biết xuất xứ của quyển ấy: Tôi đã viết quyển giảng này mấy chục năm về trước khi tôi còn ở Cao Miên . . .

3. Ông Huỳnh Hữu Phi ở Chợ Vàm, một hôm mượn được quyển giảng "Lan Thiên" của ông Cử Đa từ Hà Tiên mang về, đem đến định hỏi Ngài. Nhưng khi ông Phi bước đến cửa thì Ngài khoác màn ra hỏi liền: Có phải quyển Giảng "Lan Thiên" đây không? Nói xong, Ngài thò tay vào túi ông Phi móc ra quyển Giảng, Ngài cuốn tròn lại rồi bắt đầu đọc từ trang đầu cho tới hai ba trang sau mới trao quyển Giảng lại cho ông Phi để dò lại coi có đúng như Ngài đã đọc không?

Ông Phi vô cùng ngạc nhiên vì quyển Giảng ấy có thể nói là lần thứ nhứt được thấy, bởi nó do một người tu ở Hà Tiên mang về, chưa ai biết đến, thế mà Ngài đọc ron rót không thiếu một câu không sai một chữ; nếu không phải là tác giả, vị tất đã thuộc lòng như vậy.

4. Hoa thi.- Về việc họa thơ thách thức để xem tài, nhứt là làm thơ bằng chữ Hán, có hai trường hợp đáng kể.

a) Trường hợp ông Huỳnh Hiệp Hòa ở làng Bình Thủy (Long Xuyên) là một nhà Nho có tiếng. Ông có làm bài thơ sau đây đem đến thách thức Ngài họa.

Phiến ngôn đại chấn điểm Nam cương,
Khẩu tụng Văn vương vị bốc tường.
Dữ thiện ngôn ngôn tung nhứt nhị,
Hành nhơn tịch tịch muội tâm lương,

Mã lai thủ thị danh thương pháp,
Thủy kiệt chường thâm tẩy khổ trường,
Thi vấn hồi âm tri bửu hiệu,
Tứ minh tam vị hiển văn chương,

Trong bài thơ này nếu chiết tự sáu câu đầu thì thấy ông Hòa có ẩn ý hỏi Ngài có phải: Trạng Trình, Cử Đa, Đề Thám không?

Ngài liền họa, cả vần bằng lẫn vần trắc, cũng bằng Hán văn như sau:

*Hồi đầu điểm đạo chuyển phong cương,
Háo thẳng bi ly đạo khổ trường.
Tề tướng Cam phong an diện nhị,
Hàn nhơn thọ khóa tác tâm lương.
Thiên tôn mật sát nhơn gian pháp.
Phật lý di khai đại hội trường.
Tam bá ngoại niên chơn bút hiệu,
Hàn lâm nhứt đấu vịnh thiên chương.*

Trong bài họa này, Ngài khéo léo cho biết danh hiệu Ngài. Nếu ta tinh ý sẽ thấy rõ ở hai câu kết.

b) Trường hợp ông Nguyễn Kỳ Trân tức Chín Diêm ở làng Định Yên, quận Lấp Vò, cũng là một bậc túc nho đầy lòng ưu ái quốc gia, khi thấy Đức Huỳnh Giáo Chủ ra mở đạo, đem mùi tôn giáo khuyến dụ nhơn sanh sợ làm lợi cho bọn xâm lăng thống trị, nên có làm bài thi như sau:

Cường khẩu xâm lăng kỷ thập niên,
Vị tri đại đức giáng, Hà Tiên?
Hi Di ngũ quý kim an tại,
Thái Thượng tam vương cổ bất truyền.
Độc nhãn sa đà tàng Bắc địa,
Liên mi chơn mạng ẩn Nam thiên.
Phòng ngư xích vĩ đương kim nhựt,
Dẫn lãnh minh lương trừ tổ tiên.

Trong bài này ông Diêm có ý trách Đức Thầy, đại ý nói rằng: Bọn giặc mạnh xâm lăng nước nhà đã mấy mươi năm rồi. Vậy không biết Ngài là vị Tiên chi xuống trần? Những bậc như Hi-Đi (Trần Đoàn), Thái Thượng (Khương Tử Nha) đều đi ở ẩn đất Bắc trời Nam, chỉ thấy hiện giờ con cá đỏ đuôi (cờ tam sắc) khắp đất nước. Nếu Ngài là bậc minh lương thì Ngài cũng nên đả một roi (tiên).

Và đây là bài họa của Ngài, cũng bằng chữ Hán mặc dầu từ trước đến nay, Ngài chưa từng học:

Thiên ký Lạc Hồng đặc ngũ niên,

*Sơn Trung hồi dã bí danh tiên.
Trần nhưn đãi thế Nam tồn tại,
Lão đạo tiền phong Bắc ý truyền.
Trình mỗ ngộ kim giai cổ địa,
Xích mi hải hội luật trường thiên.
Dị phi minh đế đồ tôn nhựt,
Thạnh khí đào thịnh giác kỷ tiên.*

Trong bài này, chúng ta thấy Ngài họa chẳng những vận bình mà cả vận trắc nữa, đại ý trả lời bài thơ xướng và cũng nói rõ danh hiệu và quê quán của Ngài nữa. Ngài còn cho biết ở hai câu kết, thời kỳ của mình để chưa đến, chớ khi đến rồi thì chẳng những đã một roi mà sẽ biết bao roi nữa.

Thật là tài tình, vì khi đưa thơ đến, Ngài liền họa ngay tại chỗ, cả vận bình lẫn vận trắc, với những câu chữ Hán trác tuyệt. Ở đây lược bớt bài thứ hai, chỉ chép bài thứ nhứt của ông Chín Diệm và bài họa của Ngài.

5. Ông Bảy Còn tức ông Nguyễn Phước Còn ở gần chợ Cà Mau xã Long Kiến, quận Chợ Mới, và là cháu nội ông Đạo Thăng một trong Thập Nhị Hiền Thủ của Đức Phật Thầy Tây An. Những vị Hiền Thủ đều được Đức Thầy truyền diệu pháp nên có thần thông chữa trị bệnh như bằng phương pháp huyền diệu, như uống nước lã, phù hay các thứ lá thứ bông. Khi ông Đạo Thăng tịch, truyền lại cho thân phụ ông Bảy Còn, rồi ông này đến lược truyền lại cho con cách chữa trị màu nhiệm ấy.

Khi Đức Huỳnh Giáo Chủ mới phát bệnh, vì là chỗ quen thuộc với ông Bảy Còn nên Đức Ông chở Ngài xuống nhờ cứu chữa, nhưng chữa mãi mà vô hiệu.

Nay nghe tin Đức Thầy ra đời chữa bệnh và tỏ ra phi phàm thì ông Bảy không tin. Ông cho đó là ma quỷ chi chi, nên không chịu đến xem cho biết.

Theo lời ông Bảy cho biết: có một đêm, ông nằm mộng thấy chư Thần đến cho biết là Phật đã giáng thế ở Hòa Hảo. Thức dậy, ông cho đó là điều mộng mị nên không đi.

Một đêm khác, ông cũng nằm mộng thấy chư Thần kêu ông một lần nữa, nhưng ông cũng không tin.

Đến lần thứ ba, lần này chư Thần quả trách ông nên ông bắt đầu tin và định đi Hòa Hảo cho biết hư thiệt.

Cứ theo lời ông Bảy thuật, ông lại nhà ông Út, chú của Đức Thầy trước. Trong lúc ông đang chuyện vãng với ông Út thì Đức Thầy bước sang lại nắm tay ông mà nói rằng:

- Dữ hôn ! Đợi chờ Thần đòi ba lần, ông mới chịu đi. Thôi mời ông qua nhà.

Khi ông Bảy bước sang, Đức Thầy mời ông Bảy ngồi rồi nói:

- Ông Bảy muốn thử tôi phải không?

Nói xong, Ngài bước vào trong lấy viết mực làm một bài thơ trao cho ông Bảy và nói:

- Ông đọc đi coi có phải không ?

Bài thơ ấy là bài thơ khoán thủ cách cú mà Đức Phật Thầy Tây An đã mật truyền cho ông Đạo Thắng, dặn sau này có ai đưa ra bài thơ này tức là Ngài tái thế. Bài thơ ấy, nguyên văn như sau:

ĐẠT ĐẠO NGAO DU CHÂU DI VIỄN CẬN,

Đạt Đạo hoằng khai kế nghiệp truyền,
Chư bang hành thiện hiếu vi tiên.

Nga Du thế giới hoàn sanh chúng,
Quý tiện trí ngu trạch nhơn hiền.

Châu Di phục thi an bá tánh,
Thượng cổ hoàn ư thế tự nhiên.

Viễn Cận chư châu qui nhứt thống,
An cư lạc nghiệp phước vô biên.

Nên để ý tám chữ khoán thủ cách cú: (Đạt Đạo Ngao Du Châu Di Viễn Cận) đều thuộc bộ Xước.

Ông Bảy trả lời là không biết chữ quốc ngữ nên nhờ Ngài đọc lại cho ông nghe.

Khi nghe xong, ông Bảy đã khâm phục rồi, nhưng Ngài còn làm thêm một bài nữa, tức bài "Bát Nhẫn" mà nội tổ ông Bảy đã chép trong phòng của Đức Phật Thầy và hăng lấy đó làm bài giáo huấn truyền lại cho con cháu. Đây là bài Bát nhẫn:

BÁT NHẪN

Nhẫn Năng Xử Thế thị nhơn hiền,

Nhẫn Giải kỳ tâm thận thủ tiên.

Nhẫn dã **Hương Lân** hòa ý hỷ,

Nhẫn thành **Phu Phụ** thuận tình duyên.

Nhẫn Tâm nhứt nhứt thường an lạc,

Nhẫn Tánh niên niên đắc bảo truyền.

Nhẫn Đức bình an tiêu vạn sự,

Nhẫn Thành phú quý vĩnh miên miên.

Khi nghe xong bài "Bát nhãn", Ông Bảy xụp xuống lạy nhưng Đức Thầy đỡ dậy mà rằng: Không nên, ông Bảy. Phần xác đáng con cháu, ông lạy như thế không nên. Như ông muốn lạy, hãy lạy bàn Phật kia.

6. Trường hợp đã qui y. – Đây không phải là một cuộc thử thách mà là một việc chứng tỏ thêm về sự ám thông tâm lý của Ngài. Nguyên có nhiều tín đồ sau khi đọc Sám Giảng và học thuộc Bài Qui Y và Bài Ngũ Nguyện, tự đốt hương đến bàn Cửu Huyền và Bàn Thờ Phật, phát nguyện và qui y đúng như cách thức đã chỉ dạy trong quyển "Những điều cần biết của kẻ Tu Hiền" tức quyển Qui tắc hành đạo.

Mặc dầu ở nhà đã tự làm lễ qui y với ngôi Tam Bảo rồi, nhưng khi đến Ngài, lại xin Ngài chứng cho họ làm lễ qui y, ý chừng có được Ngài chứng giám mới có giá trị.

Nhưng Ngài đỡ lời mà rằng: Anh em đã qui y rồi, mặc dầu không có mặt tôi, nhưng tôi cũng đã chứng giám rồi. Một khi anh em tự làm lễ qui y là có tôi đến chứng. Vậy anh em khỏi làm lễ qui y một lần nữa.

Điều này đủ chứng tỏ Ngài đã ám thông tâm lý. Mọi việc gì người đời làm, thiện hay ác. Ngài đều rõ thấu, chẳng cần phải báo cáo, Ngài cũng tường lãm. Vì thế trong sách Nho có câu của Khổng Tử khuyên: "**Thận kỳ độc**", nghĩa là nên cẩn thận lúc ở một mình trong phòng kín, vì lúc đó mặc dầu không có ai, nhưng ý nghĩ thầm kín của mình đều được Thần minh soi xét, rõ ràng như hành động ở ngã tư đường.

Chương IV: ĐĂNG SƠN

Mặc dầu với phương pháp chữa bệnh một cách huyền diệu, cho thi bài, viết Sám Giảng, đã tỏ ra "**không học mà thông**" và ám thông tâm lý tức đã có tha tâm thông, khiến cho dân chúng qui ngưỡng theo Đức Huỳnh Giáo Chủ một ngày một đông, thế mà Đức Ông vẫn không tin, Ngài tìm đủ cách khuyên Đức Ông tu hành, nhưng Ông Cả (lời Đức Thầy thường gọi) không chịu nghe chỉ lo cờ bạc rượu chè.

Có hôm Đức Bà lo cúng lạy, Đức Ông mới kêu ngạo: Khi Bà về Tây phương, cho tôi "có giang". Đức Thầy đang nằm, vùng ngồi dậy nói: Nếu ông đi trước bà thì ông mới quá giang với ai. Ông nên biết: Ông tu Ông đắc, Bà tu Bà đắc.

Vẫn thấy Đức Thầy làm bệnh và bệnh như thường ngắt xiểu, Đức

Ông lấy làm lo sợ, nên một hôm nói rằng: Nếu muốn làm bịnh phải lên non lên núi, lãnh sắc lệnh về làm, chớ làm lậu như thế này, có ngày thường mạng cả đám.

Nhơn câu nói đó, Đức Thầy mới gài Đức Ông: Như thế là tôi phải dặt phần xác đi núi.

Thấy vậy, Đức Ông nói: Nếu đi núi thì phải cho tôi đi theo để giữ phần xác chớ không thể đi một mình được. Do đó mà có việc đăng sơn. Cốt ý là Ngài muốn tăng trưởng đức tin cho một số người chưa hoàn toàn tin vào sự giáo độ của Ngài.

Có tất cả 4 kỳ đi núi.

1. Đăng sơn kỳ nhứt. - Đăng sơn kỳ này, Ngài dẫn Đức Ông đi núi Tà Lơn là một dãy núi nằm trong tỉnh Cần Giuộc (Kampot) trên đất Cao Miên. Trong lúc chuẩn bị, có người hỏi Ngài: Trong lúc Ngài đi, có ai ở nhà tiếp tục chữa bịnh không? Ngài đáp: Ở nhà có ông Sơn (chỉ ông năm Chơn), cứ hỏi ông thì biết hành trình mỗi ngày của tôi và nếu có ai đau ốm thì nhờ ông Năm chữa cho.

Quả thật khi Ngài đi rồi, mỗi ngày ông Chơn đều cho biết Ngài với ông Cả hiện ở đâu, ngủ tại núi nào. Khi Đức Ông trở về hỏi lại thật không có sai.

Trước khi lên đường, Ngài dặn Đức Ông đem đồ lớn theo, tức khăn đồng áo dài để có lên núi làm lễ. Khởi hành vào buổi chiều và khi đến núi Sam thì tối. Đêm đó nghỉ tại Tây An Tự nhưng Ngài không ngủ, cứ thức ca hát suốt đêm. Ông sư trong chùa bảo ông Cả ra rầy Ngài thì Ngài trả lời: chùa này là của tôi, còn ông sư là người ở đậu.

Sáng ra, Ngài gặp cô Mười giữ mộ Phật Thầy bảo cô hãy xuống núi chớ nên ở lâu, rồi Ngài cùng Đức Ông lìa núi Sam. Khi đi Đức Ông có mua theo 4 ổ bánh mì, nhưng lần lượt Ngài bảo ông Cả cúng hết dọc đường. Ngài nói đi viếng cảnh Tiên Phật mà còn sợ đói. Sợ không có gì ăn, ông Cả có mua một mớ ổi xách theo, nhưng Ngài cũng không cho ăn. Trên đường đi qua Cao Miên, có xe Pháp tử Nam Vang chạy xuống Ngài bảo Đức Ông né một bên đường còn Ngài thì đứng dựa vào cột dây thép. Khi đến Sóc Mẹt (Tuk Meas) Ngài có ghé chữa bịnh cho một đứa trẻ, con người Miên. Cha mẹ nó không biết tiếng Việt, Ngài lại nói tiếng Miên, mặc dầu từ trước đến nay Ngài chưa hề học.

Chiều hôm ấy, Ngài dẫn Đức Ông lên núi, thì trời đã tối. Đêm đó, Đức Ông thấy 2 con cọp, cặp mắt sáng tựa đèn xe thì hoảng hốt bùm mắt lại. Thấy vậy, Ngài nói: Không sao đâu. Họ đến ủng hộ mình đó. Liền đó Ngài ra lệnh cho hai ông hổ đi.

Sáng ngày Ngài dắt Đức Ông đi, khi lội suối, khi trèo đèo rất vất vả, đến một cái hồ đầy sen, lá to lớn, cọng bằng đầu gối, gương bằng cái nia. Ngài nói đây là thứ lá sen Tây vức, Đức Ông than đói, Ngài chỉ nước dưới ao, Đức Ông lấy tay bụm lên uống thì thấy khỏe khoắn vô cùng.

Đi hết ngày, đêm lại ngủ. Trước khi ngủ, Đức Ông ra ngoài bẻ cỏ làm dấu đến chùng sáng dậy thì không phải chỗ cũ mà đã dời đi một nơi khác.

Đi được một đoạn đường, Đức Thầy tự nhiên ngồi xuống khóc mà rằng: Ông ơi! Không còn ai trong mình tôi nữa, chắc phen này phải bị cọp ăn. Đức Ông đâm ra lo sợ thì Ngài phá lên cười và trấn tỉnh Đức Ông.

Đêm đến, Đức Ông thấy bốn ông cọp. Hôm sau khi khởi hành, Đức Ông thấy lạnh buốt cả người. Ngài nói chư Thần thấy Ông ngộ nên vuốt ve chớ không sao. Đi được một đoạn đường Ngài bảo Đức Ông mặc đồ lớn vào, rồi chỉ một người ngồi trên vồ đá mà rằng: Đây là ông Nguyễn Trung Trực. Người ta nói ông bị Tây giết mà nay ông còn sống đó.

Vậy ông Cả nên lại làm lễ và nói chuyện với Quan Thượng Đẳng. Đức Ông đến nói chuyện và làm lễ hai lạy rồi từ tạ ra đi. Thấy nực, Đức Ông cúi khăn đóng áo dài ra.

Đi một đỗi nữa, Ngài lại bảo Đức Ông mặc lại đồ lớn và chỉ một người ngồi trên vồ đá và nói: Đây là ông Trần Văn Thành tục gọi là ông Quản Thành hay Đức Cố Quản. Ông nên ra mắt người. Đức Ông đến đàm đạo và lễ hai lạy. Đức Cố khuyên Đức Ông về rón tu hành, ngày kia sẽ gặp lại nhau (1).

(1). Theo lời thuật của Ông Truyền, nguyên kiểm soát Ban Trị Sự Thánh địa.

Đức Ông tiếp tục theo Đức Thầy lặn suối trèo non được 4 ngày thì than mỏi mệt đòi về. Ngài khuyên rón đi nhưng Đức Ông đi không nổi. Lúc ấy gặp được một khúc mây, Ngài đưa cho Đức Ông làm gậy, gượng chống chỏi mà đi. Đến một chỗ thấy có đèn nhang đang cháy, Ngài bảo Đức Ông đến làm lễ qui y.

Sáng ngày xuống núi, khi tới triền, Đức Ông ngồi nghỉ mệt, đến lúc đứng dậy ra đi lại quên cây gậy, thành thử Đức Ông định đem khúc mây về rớt cuộc cũng không đem được.

Về đến Tân Châu, Ngài ở lại ngủ nhà Ba Sánh một đêm, còn Đức

Ông thì đi về trước. Sáng ngày sau Ngài vào chùa cô năm Hí ở làng Long Phú rồi đi qua làng Phú Thuận thăm chị là cô hai Đê, chữa bệnh cho đứa con của cô này mới trở về Hòa Hảo.

Cuộc đăng sơn này định đi trong 8 ngày, nhưng mới 6 ngày Đức Ông đòi về thành ra còn thiếu 2 ngày. Do đó mà khi về nhà, bảy ngày sau, Đức Ông phát xưng bàn chân trái, đau nhức trong 2 tháng mới lành. Cứ theo Đức Thầy cho biết: Đi kỳ này là để giải quả căn cho Đức Ông, cũng như các vị Hòa thượng đã mấy mươi năm công phu sám hối. Ông Cả không chịu giải quả kia thì phải chịu sự đau nhức này.

Sau khi đi núi về, Đức Ông rất hân hoan mà báo cho anh em đến thăm biết rằng: "Tôi đã gặp vàng thiệt rồi, các ông ôi! các ông hãy tin đi".

2. Đăng sơn kỳ nhì. - Kỳ này Đức Thầy đi với Ông Ngô Ngọc Chơn tục gọi là đạo Năm, vào khoảng tháng 7 năm Kỷ Mão (1939).

Khởi hành đi bộ qua Cái Đầm rồi xuống đò qua Năng Gù, đón xe xuống lộ tẻ Mặc Cần Dưng rồi sang xe đi Xà-Tón (Tri Tôn). Đến chợ Xà-Tón, hai Thầy trò đi về hướng núi Tô, băng qua một cánh rừng rồi dò theo đường mòn mà đi, dọc đường gặp người Miên, Ngài dùng tiếng Miên nói chuyện một hồi rồi mới đi.

Lên núi, lần lượt đến Sân Tiên, Điện Năm Căn, Mũi Hải nơi có một chiếc thuyền chìm thành đá, rồi thẳng lên chót núi đến Điện Kín, nghỉ đó một đêm, sáng hôm sau mới qua núi Cấm.

Khi đến Rầy Đét, đường lên núi, hai Thầy trò vệt phá chông gai, đến hôm sau mới tới Vồ Bò Hong, nghỉ đây một đêm. Đêm đó Ngài kêu ông Yết Ma đang chữa bệnh, lại kêu bằng con và bảo xuất trình một vật báu của "Người xưa để lại". Ông Yết Ma đem tờ giấy bạch có bốn chữ Bửu Sơn Kỳ Hương ra trình và lạy Ngài hai lạy để tạ lỗi gặp bực "Trên Trước" mà không biết.

Đến 4 giờ khuya, Thầy trò đi về hướng Tây; bữa sau xuống núi, không tiếp tục lộ trình đi Hà Tiên mà lại quay về Châu Đốc, đến kiểm Bếp Ngoan ở trại lính Mã tà bảo rằng đã đến thời kỳ rồi đừng giúp việc cho ngoại địch nữa, hãy bỏ nghề bùa ngải mà theo Thầy.

Ngài qua Tân Châu, đi xe về Chợ Vàm rồi qua bãi Phú Thuận thăm chị, ngủ đây một đêm để ông Chơn về trước, còn Ngài trưa hôm sau mới về.

3. Đăng sơn kỳ ba. - Kỳ này Đức Thầy dẫn theo 5 tín đồ là : Ông Phan Văn Báo tức Hai Báo ở Phú An, Ông Nguyễn Tấn Bực tức

Biện Hùm ở Phú An, anh của Đại tá Rớt, Ông Nguyễn Văn Gia tức Ba Gia, Ông Nguyễn Văn Ban tức Sáu Ban và Ông Ngô Ngọc Chơn tức Đạo Năm.

Sáu Thầy trò khởi hành tại Hòa Hảo ngày 21 tháng 8 năm Kỷ Mão, đi viếng núi Két, đến núi này trong ngày và nghỉ đêm tại đó. Sáng lại, Thầy trò xuống núi rồi qua núi Cấm, đi Rầy Đét đặng sơn. Thấy ai nấy đều mệt mỏi, Đức Thầy mới khuyên: Rán đi để giải quả.

Trải qua nhiều đoạn đường cây cối um tùm, đoàn lữ hành đến một vùng rộng lớn có tòng bá, nhứt là thiên tuế sum sê, thỉnh thoảng lại có những tảng đá phẳng lì, nhiều cây bằng đọt như có ai hớt. Cảnh trí u nhàn, quả là một Kiếng Tiên tại thế. Lần lượt đi đến chùa Phật Lớn, Điện Đá Dựng, nơi đây ông Ba Gia thấy một ông hổ lớn. Nghỉ đó một đêm rồi hôm sau trở xuống chùa Ba Đạo, qua Thất Cao Đài, Điện Rau Tần. Trong khi nghỉ đêm ở đây, Đức Thầy có chữa bệnh cho một người mà thầy phù thủy đang chữa không hết.

Sáng lại, Thầy trò xuống núi, qua núi Tô, lên Điện Kín, lại Sân Tiên nghỉ một đêm. Tại Điện Kín có đường hầm đi qua núi Cấm. Ông Chơn có đốt đèn đi thử một đổi mới trở lại.

Hôm sau, sáu Thầy trò trở về Châu Đốc, qua Tân Châu rồi về Hòa Hảo. Khi đi chuyển đó về Biện Hùm phát bệnh, đau thập tử nhất sanh. Có người đến trình với Đức Thầy và yêu cầu Ngài cứu chữa. Ngài nói: Ai bảo bẻ cây trái của người ta chi cho bị phạt, về bảo nó nguyện vái tạ lỗi, uống nước cúng thì hết. Quả thật Biện Hùm nhìn nhận có bẻ đem về một túi ớt hiểm mà ông thấy mọc đầy trên núi.

4. Đặng sơn kỳ tư. Kỳ này Đức Thầy dẫn ông Ngô Thành Bá tục gọi Biện Đài ở Hòa Hảo đi núi Tà Lơn.

Khởi hành ngày mồng 6 tháng giêng năm Canh Thìn (1940), hai Thầy trò được chở bằng xe đạp qua Cái Đầm, đi đò sang Năng Gù, đón xe đi Châu Đốc rồi sang xe khác vào Tịnh Biên. Đến đây vào 3 giờ, nghỉ đêm nhà của chị ông Đài. Đêm đó Ngài giảng đạo cho nhiều người nghe.

Sáng hôm sau lên xe đi Cần Giọt, đến nơi độ 3 giờ chiều. Hai Thầy trò đi vào chân núi và ngủ trọ nhà ông lão 70 tuổi, đệ tử của ông Cử Đa. Đêm đó, Ngài có đọc thuộc lòng một đoạn giảng quyển thứ ba cho ông lão nghe và khuyến khích tu hành, hẹn sẽ gặp lại.

Sáng hôm sau từ giã ông lão, hai Thầy trò lên núi. Đi tới chơn núi hồi 8 giờ, qua phía trong máy nước, đường Cam Chại, xuống tắm dưới suối, rồi mỗi người thay một bộ đồ dà. Sau đó theo đường Cam

Chạy lên núi, vào độ 1 giờ trưa thì tới Trung Tòa hay Long Thoàn, ghé vào một ngôi chùa nhỏ, tặng nhà sư ba quyển giảng rồi từ giã ra đi.

Đến ngã tẻ, Đức Thầy bảo đi qua điện Cô Nhứt, đi tắt qua Bà Ngự sẽ gần hơn một phần ba đường đi điện Minh Châu. Vì đi tắt nên đường dốc ngược gập ghềnh, bước muốn sụt lui, mệt lả người, mồ hôi ra như tắm.

Vào lối 3 giờ chiều mới tới điện Cô Nhứt. Từ đây đường bằng phẳng để đi nên 5 giờ chiều thì Thầy trò trở ra lộ lớn bề ngang bốn thước, quẹo qua tay trái độ 500 thước thì tới điện Cao Vân. Đêm đó Thầy trò ngủ trên một tảng đá bằng phẳng.

Sáng ngày mồng 9, Thầy trò đi đến Ruộng Năm Dây độ 10 giờ trưa, có đường đi qua Bà Ngự nơi ông Cử được điểm đạo.

Đến đây hết đường mòn, Thầy trò phải băng qua đèo, lội qua suối, thấy tông bá chen nhau, cực kỳ xinh đẹp; dò lần đến Châu Thiên là một nơi "Tiểu Bồng Lai Tiên Cảnh".

Nửa giờ sau lại đến Tứ Giao Điện thì mặt trời vừa chen lặn. Nhẹ bước vào điện, không thấy bóng người, chỉ thấy tương chao, chén đĩa ngổn ngang trên bàn.

Đói quá ông Đài xin Thầy lấy cơm khô ra nấu rồi luộc đọt rau mà ăn. Bữa cơm đó, ông Đài cho là ngon nhứt trong đời ông. Điện này có 4 tảng đá lớn giao khít nhau thành hình chữ thập nên gọi là Tứ Giao Điện.

Đêm đó Thầy trò dẫn nhau lên nóc điện, lên hương đèn cầu nguyện, rồi xuống điện nằm trên sạp bằng cau rừng, Đức Thầy nói: trên trước dạy Thầy đem mây lên non một tháng. Từ đây còn lên Lan Thiên Trường Sanh, qua Nhị Hoàng, lên núi Tổ mới trở về.

Nhưng ông Đài thấy lương thực kém khuyết mà đường sá còn xa thì sợ chết đói nên đòi về. Thế là sáng ngày mồng 10, Đức Thầy bảo sửa soạn trở về vì ở nhà có việc lộn xộn (vụ Đạo Tướng giết người tế cờ ở Tân Châu và bị Pháp tàn sát). Trên đường về, Đức Thầy có ghé điện Quan Ngự sử của cựu trào, khi Pháp thôn tính Việt Nam, vào ẩn tu cho đến đặc đạo.

Ngài bảo ông Đài lên đèn hương đánh lễ còn Ngài thì dùng tiếng bí mật nói với Quan Ngự sử. Xong xuôi Thầy trò ra đi, Thầy thì cầm một khúc cây dọn đường đi trước, còn trò thì nối gót theo sau, hết lên triền lúc xuống núi, sau đến một cái hang tối om, mùi hôi hám. Đức Thầy hỏi ông Đài: Mầy muốn coi cạp núi không ? Đây, mầy chun vô sẽ gặp. Nói xong, Ngài đẩy ông Đài vô, nhưng ông Đài thụt lại và nói:

Úy, Thầy ôi! coi kìa dấu chân ông thầy dẫm đầy hang; vô không được đâu.

Ngài nói: Sao mày nhát quá vậy. Ngài bảo mãi nhưng ông Đài không dám chun. Rồi cuộc Ngài nói: Không chun vô thì thôi. Ta hãy đi.

Nói rồi, hai Thầy trò ra đi, đến 10 giờ trở ra một cái suối lớn có chỗ rộng 100 thước tây. Đến 3 giờ, Đức Thầy dẫn đi dốc ngược lên núi vào ngay một cái điện. Ngài nói tiếng trên và bảo ông Đài lên hương đánh lễ.

Trong lúc đi đường, có khi Ngài lớn tiếng kêu chư Thần: Hỡi các vị Thánh Thần! hãy theo Thầy xuống núi cứu thế độ dân. Hôm nay Thầy đã lâm phạm rồi, sao các ông còn ở đây.

Sáng ngày 11, Thầy trò đi đến một con suối, nước đổ ồ ồ, cùng nhau xuống tắm rồi mới đi. Ngài bảo ông Đài ở sau đến cả công đất. Ngài phải dừng chơn đứng đợi, khi ông Đài đến thì hoảng hốt vì thấy một con cạp đang uống nước gần đó.

Đi đến 10 giờ trưa, ông Đài đi hết nổi, tối tắm mày mặt, ôm vào một gốc cây. Ngài trở lại vuốt ngực, đọc chú và cho ông Đài nhai một nắm lá có chất ngọt. Vài phút sau thì ông Đài khỏe lại.

Từ đó trở đi, đường sá hiểm trở, có chỗ phải bò, khi vượt lên, lúc lại tuột xuống. Ngài dẫn ông Đài lên một ngọn núi cao vót ít có cây mọc. Trên núi có suối chảy, nước trong như mắt mèo. Có lúc Ngài lội ngang suối, còn ông Đài thì vịn theo thân cây ngã ngang mà bò qua. Ngài rầy sao không lội nước thì ông Đài đáp: Lội chi cho ướt mình.

Ngài nói: Thầy đi đàng nào, trò phải đi đàng nấy. Từ đây cấm mày không đi như vậy nữa.

Đi một đỗi, Ngài ngồi lại, ôm đầu gối mà than: Phèn này chắc chết. Trên trước dẫn Thầy đến đây rồi bỏ đi đâu mất. Hôm nay Thầy có chết cũng an thân vì Thầy không có gia đình, sự sản, vợ con; chỉ thảm thương mày có con vợ, sự sản mà hôm nay nghe lời Khùng Điên đến đây tuyệt mạng, đau khổ biết chừng nào!

Ông Đài nghe nói phát sợ, nhưng cũng cố gắng đáp: trên trước còn trong mình Thầy, chớ có đi đâu.

- Sao mày biết?
- Vì Thầy nói tiếng âm đẳng điện.
- Tại miệng Thầy muốn nói.

- Tại sao miệng tôi nói không được. Thầy nghĩ coi, núi này tuy lớn, nhưng xét lại cơm khô ăn còn được ba bốn ngày.

Xin Thầy đi theo ngọn núi này, có lẽ một tuần nữa cũng trở ra. Nếu hết lương thực thì ăn đờ lá cây, đờ đói cũng được.

Đức Thầy trợn mắt hỏi: Mày chết sao dám nói vậy. Chẳng qua Thầy thử lòng mày, chớ sự nghiệp mày chừng đôi ba ngàn, gia quyến mày chừng bảy chục người, chớ bao nhiêu. Còn Thầy đây nếu mai một đi rồi thì muôn triệu tín đồ trong buổi Hạ nguơn này lấy ai dắt dẫn.

Thầy trò lại lên đường. Ông Đài vấp chơn đổ máu, nhức đi không được. Ngài liền dùng phép màu chữa cho hết đau. Ngài lại nói: Thầy trò mình đi mấy ngày đã đuối chơn, để Thầy kêu hai con cạp đặng Thầy trò mình cỡi đi cho khỏe.

Ông Đài từ chối không dám.

Ngài hỏi: Mày muốn cỡi tượng không? Ông Đài cũng không dám.

Tối đêm đó, Thầy trò ngủ dựa mé suối. Khuya lại nghe tiếng rắc rắc, ông Đài mở mắt thấy bạch hổ thì sợ quá. Đức Thầy nói: Đó là Thần Bạch Hổ đến ủng hộ chúng ta.

Sáng ngày 12, đường đi vẫn còn khó nhọc. Ông Đài thấy nhánh cây mới chặt xéo, lá còn tươi xanh, lượm lên hỏi Thầy thì Ngài cho biết: Đó là dấu hiệu trên trước dẫn đường. Thầy trò phải băng qua một truông mây mới trở ra lộ đá, đi về Cẩn Giọt đúng 6 giờ chiều. Về đây mới rõ vụ Đạo Tướng nổi dậy ở Tân Châu.

Ngày 13, lối 3 giờ chiều, xe về đến Nhà Bàn. Hương giáo Tập đến mời Thầy về nhà dùng cơm. Đêm đó có người hỏi Thầy về những vật Phật Thầy Tây An trao cho ông Đình Tây đều được Ngài trả lời rành mạch.

Có ông lại bạch Ngài rằng: Bạch Thầy, mấy ông Đạo trên núi thường luyện phép để ngày sau phò vua giúp nước? Còn Đức Thầy sao không dạy đệ tử luyện phép như Tiên đạo?

Ngài đáp: Đạo Phật chỉ dạy con người lo tu tâm sửa tánh cho được trọn lành trọn sáng, còn phù phép thuộc về tà giáo. Còn ham phù phép tức là nuôi óc cạnh tranh cầu danh lợi; phép linh cũng như cá linh: nước vừa chớm giựt, loại cá này đua nhau lên nước trước nên phải chịu chết sớm. Các ông đừng ham linh mà bỏ mình.

Sáng hôm sau, ngày 14 Đức Thầy dẫn ông Đài đi núi Trà Sư, khi

lên đến chót, Ngài chỉ con đường Nhà Bàn xuống Xà Tón và cho biết đến thời kỳ hỗn loạn thì con đường này phơi thây chạt đất, máu chảy đầy đồng.

Trưa lại Thầy trò về nghỉ và lối 4 giờ chiều, Ngài dẫn ông Đài và sáu bảy anh em tín đồ đi núi Két; lên đến Sân Tiên, Ngài ngâm cho Hương giáo Tập chép bốn bài thi sau đây:

*Non Tiên gió mát toại lòng thay!
Tức cảnh thi văn nhả một bài.
Cổ tưởng ước mong về nhược thủy,
Ngặt vì không cánh lấy gì bay.*

oOo

*Dắt xác phàm phu viếng non đoài,
Hỏi nhờ đá cục ngủ đêm nay.
Chư sơn Bảy núi đồng qui tụ,
Thầy Tổ Kiếng Tiên rõ mặt mài.*

oOo

*Nhìn xem cây cỏ gió lung lay,
Sáng lại lui chơn trở gót hài.
Vậy hỡi chư Thần mau nối gót,
Theo Thầy dắt chúng khỏi nồng cay.(1)*

(1). Theo quyển: Dõi gót theo Thầy của Ngô thành Bá tự Đài.

VIẾNG THĂM CÁC LÀNG KẾ CẬN. Sau khi dùng huyền diệu của Tiên gia chữa bệnh và đem giáo pháp nhiệm mầu của Đức Thích Ca phổ truyền bằng thi bài hay Sấm Giảng, Đức Huỳnh Giáo Chủ đã thu nhận một số đông tín đồ. Vì cảm lấy ân đức cứu tử hườn sanh, vì nhận chân Ngài qua thi văn Sấm Giảng, thiên hạ từ vùng gần đến làng xa, đổ xô nhau xin thọ giáo qui y.

Một khi đặt vững đức tin vào lòng người và nhen chút rỗi rảnh, Đức Thầy mới đi viếng các vùng lân cận, trước đến thăm viếng tín đồ, sau để đón nhận những người chưa có dịp ra mắt Ngài, mặc dầu đã nghe danh nhưng chưa được diện kiến.

Hồi xưa Đức Phật Thích Ca sở dĩ thường đi vân du nơi này chốn nọ, cốt ý là để biện giải những lý lẽ nhiệm mầu hầu phá tan tà thuyết dị đoan ngoại đạo. Do đó mà Ngài thu phục nhiều tín đồ trong hàng ngoại đạo quay về với chánh pháp, như trường hợp của Thập lực Ca Diếp. Hơn nữa dung nghi đẹp đẽ của Ngài, nếu không đi đó đi đây thì những người có duyên lành không có dịp chiêm ngưỡng, cảm mộ dung nhan, sanh lòng hoan hỷ rồi qui ngưỡng, theo như trường hợp của A-Nan tôn giả. Ngoài ra, thân Phật có phát ra hào quang, người nào may mắn xông lảy hay tiếp nhận ánh sáng từ quang ấy thì thân tâm trở

nên thanh tịnh, kích phát tâm Bồ đề, hướng về chánh pháp, cầu đạo vô sanh.

Ngày nay, Đức Huỳnh Giáo Chủ vân du, tuy không như Đức Phật, nhưng đây là một dịp để gần gũi hầu chỉ dạy mọi điều đạo đức, những lẽ nhiệm ý mầu cho những người có duyên lành sớm qui đầu Phật pháp. Cũng có trường hợp, Ngài gọi lại mỗi duyên xưa mà Ngài đã gieo trong những kiếp trước như trường hợp Ngài đến viếng làng Mỹ Hội Đông.

1. Viếng làng Mỹ Hội Đông. Làng Mỹ Hội Đông nằm trên Cù lao ông Chưởng, giáp mặt với sông Hậu và Nam ngạn Vàm Nao, đối diện với làng Hòa Hảo và cù lao Bình Thủy.

Ngài sang viếng ngày 22 tháng giêng năm Canh Thìn (1940). Trong kỳ viếng này, có hai việc đáng ghi nhận:

1. Ông Lương văn Tốt tức Thầy Tám Tốt, một vị lương y ở Mỹ Hội Đông, khi nghe Ngài đến thì ra lộ đón chào. Ông đã nghe tiếng Ngài, đã có đến ra mắt ở Hòa Hảo, nhưng còn muốn thử Ngài một lần nữa, nên khi Ngài đi ngang thì ông ra đón hỏi:

- Hôm nay, Ông Tư cũng đi du lịch nữa sao ?

Ngài cải chánh tại chỗ.

- Không ! Tôi đi ngao du mà !

Từ danh từ "du lịch", Ngài sửa lại danh từ "ngao du" đủ chứng tỏ Ngài là bậc siêu phàm.

Nghe Đức Thầy cải chính như vậy, ông Tám Tốt hết hoảng, chào Ngài một cách kính cẩn và sau đó nói cho mọi người biết, Ngài dùng hai tiếng "ngao du" đủ chứng minh Ngài không phải là người phàm như. Chỉ có bậc Tiên Thánh mới dùng hai tiếng "ngao du", thay vì "du lịch" của hàng phàm tục.

2. Ở Mỹ Hội Đông có gánh họ Lâm, trong thời kỳ Cần Vương chống Pháp đã có công cho ông Nguyễn Trung Trực tá túc, sau khi bị Pháp phá vỡ cơ sở kháng chiến ở miền Đông và Đồng Tháp, di binh về miền Tây, đến tá ngụ nhà ông Lâm Hàm Ninh ở xã Mỹ Hội Đông một thời gian. Binh tướng của Ngài thì đóng ở Tà Niên tỉnh Kiên Giang, còn riêng Ngài thì tá túc ở gánh họ Lâm, để tránh sự dòm ngó, theo dõi của Pháp và đám Việt gian tay sai. Trong lúc tá túc, Ngài thường liên lạc với Đức Cố Quản ở Bình Thạnh Đông và đặt một số người liên lạc hay vận lương cho binh sĩ đồn trú ở Tà Niên.

Một điều huyền bí là chừng như có sự giao cảm tự nhiên giữa gánh họ Lâm và Đức Huỳnh Giáo Chủ nên chỉ khi hay tin Ngài ra đời ở Hòa Hảo thì người trong gánh họ Lâm hầu hết đều đến qui ngưỡng.

Chiều ngày 20 tháng 11 năm Kỷ Mão (1939) ông Cả Mười trong

gánh Họ Lâm có đến ra mắt Ngài và được Ngài cho hai bài thơ chữ Hán như sau:

*Thiên lý vị nhiên tự sĩ hiền,
Ngôn xuất Lam Kiều dị khả biên.
Tam tấn tài phi ngô tất ảo,
Lưỡng hồn nhứt phổ họa lưỡng xuyên.*

oOo

*Thân thiện cô nhi nhược thủy hà,
Phi hùng Nhan Khước tỵ ngôn xoa.
Phổ yển tử tôn canh kiêm mộng,
Thể thống tam đồ lạc âu ca.*

Sau khi đem về nhà, ông Cả Mười mặc dầu là một nhà Nho đã cùng nhiều nhà nho khác trong làng Mỹ Hội Đông bàn mãi mà không ra nghĩa. Cho nên hôm ngày 22 tháng giêng năm Canh Thìn (1940) nhân dịp Đức Thầy viếng làng Mỹ Hội, có ghé nhà ông Cả Mười. Ông bèn xin Ngài dịch ra chữ nôm hay quốc ngữ thì được Ngài dịch ra tiếng Việt như sau:

*Trời đất chưa phân gọi sĩ hiền,
Lầu Tiên lời lẽ lạ gần biên.
Ba lần tranh đoạt, Ta ắt biển,
Gặp kẻ hai hồn độ hai xuyên.*

oOo

*Mình lành có kẻ độ qua sông,
Như có Thầy Nhan ẩn mặt hồng.
Tích trước Tiên thân thường đãi khách,
Ba đời an lạc hưởng hầu công.*

Và trong bài thơ trường thiên "Viếng làng Mỹ Hội Đông" Ngài tặng anh em tín đồ có câu:

*Duyên lành rõ được Khùng Diên,
Chẳng qua kiếp trước thiện duyên hữu phần.*

II. Viếng làng Phú An. Sau khi viếng làng Mỹ Hội Đông, Ngài đi viếng làng Phú An, một xã giáp ranh với xã Hòa Hảo, ở về phía Bắc.

Ngày 23 tháng giêng năm Canh Thìn, tức sau một hôm viếng Mỹ Hội Đông. Ngài hiệp với ông Năm Hiệu và Biện Hùm đi xe đạp lên Chợ Vàm. Trong chuyến đi này có hai việc đáng ghi nhận:

1. Trên đường đi Chợ Vàm, Ngài có cứu sống cô năm Mang mắc bệnh thời khí rất nặng, hết phương cứu chữa.

Thấy đông người tới lui, Ngài ghé hỏi, người nhà cho biết tự sự và yêu cầu Ngài cứu độ. Ngài nhận lời, bèn dùng nước lã bảo cho bệnh nhơn uống và đồng thời dạy đặt bàn hương án giữa trời.

Khi đặt xong, hỏi Ngài cho biết phải vái làm sao?
Ngài nói: Thì để cúng vái người ta.

Danh từ "người ta" quá tổng quát, nên có người hỏi lại cho rõ nghĩa hơn. Ngài không trả lời, đi thẳng lên bàn hương án, nói trống:
- Thôi! có hương rồi thì đi đi. Đừng có phá người ta.
Thế là hết bệnh, cô năm Mang được cứu khỏi.

Đoàn lữ hành tiếp tục đi thẳng lên Chợ Vàm và ghé nhà Hương Hào Phi là một gia đình đã qui ngưỡng theo Ngài từ khi Ngài mới ra đời mở đạo.

2. Khi vào nhà Hương Hào Phi, Ngài đi thẳng lên lầu. Nên biết lúc bấy giờ, còn dưới thời Pháp thống trị, mọi hành vi của Ngài đều bị lính kín theo dõi. Ngài lên lầu là cốt để tránh cặp mắt dòm ngó của công an và tránh cho những người đến tiếp xúc không bị làm khó dễ.

Ngài ngũ đêm nhà ông Phi. Đêm đó, Ngài thuyết pháp để thức tỉnh anh em tín đồ hiểu rõ sứ mạng của Ngài trong cơ hoại diệt của buổi Hạ nguơn mà quyết chí tu hành vẹn tròn đạo nghĩa hầu có:
*Trả cho rồi nợ tiền khiên,
Đến ngày hiệp mặt Kiểng Tiên vui vầy.*

Ngoài số tín đồ, Ngài còn tiếp một số nhà giáo do Ông Diệp Hồng Tô giới thiệu và nhứt là Thầy Ba Thận, một lão nho đã có lần đem thơ định thử Ngài nhưng chưa kịp đem ra thì Ngài đã đáp trước.

Đêm nay, cảm tình ông đến thăm, Ngài có cho hai bài thơ khích lệ như sau:

*Đêm vắng mà sao cảm quá dài,
Vấn nhu lão trưởng tiếng bi ai.
Tâm nơi yếu lý câu huyền diệu,
Thương thâm cho đời thương huệ mai.*

oOo

*Đoái tưởng lòng ông quá đổi hiền,
Dặm trường tới viếng mượn ngòi nghiên.
Tỏ tình yêu quý người lương thiện,
Trông đợi ngày kia khỏi xích xiềng.*

Chương V: SỨ MẠNG

Nhận thấy Đức Huỳnh Giáo Chủ ra đời trị bệnh một cách mầu nhiệm, thuyết pháp, cho bài thi cùng viết Sấm Giảng một cách phi phàm, người đời càng tọc mạch tìm hiểu xuất xứ của Ngài. Có người đường đột làm thơ hỏi Ngài là ai? Như trong phần thi họa, ông Huỳnh Hiệp Hòa ở Bình Thủy làm thơ hỏi Ngài có phải là Trạng Trình, Cử Đa, Đề

Thám không thì Ngài đáp lại một cách khéo léo trong đó cho biết Ngài là ai, nhưng phải tinh ý lắm mới thấy được, vì bài thơ ấy làm bằng Hán văn.

Đến như ông Lương Văn Tốt ở Mỹ Hội Đông thì đường đột hơn, hỏi tách bạch bằng thơ Việt, danh hiệu của Ngài, như mấy vắn sau đây:

*Mộ đạo ơn trên chưa hiệu danh,
Xin ông phân cặn chúng nghe rành.*

Thì Ngài đáp lại ngay:

*Vưng lệnh Phật tôn chưa hiệu danh,
Ngặt vì pháp luật khó phân rành.*

Cứ theo đó thì sự giáng phàm của Ngài, hẳn có sứ mạng, sắc lệnh nhưng vì hoàn cảnh không thuận tiện nên chưa có thể bộc lộ đó thôi.

Thật ra, theo Ông Thanh Sĩ, các đấng siêu phàm một khi xuống trần, nếu thật là bậc chơn chánh, có mạng lệnh thì luôn luôn khiêm tốn và kín đáo, không hề xưng danh hiệu. Bởi theo Ông Thanh Sĩ, hễ xưng thì thế nào cũng xọp, nhứt là hạng không chơn chánh, không có sứ mạng thì ưa xưng danh hiệu, xưng một cách lớn lối, lỗ bịch.

Phàm ở đời, những thứ thiệt thì ít khi bày khoe; chỉ có thứ giả mới sợ người đời không biết nên hay giả danh, lòn loẹt. Thứ thiệt dầu không bày khoe, trước sau gì, vàng y vẫn là vàng y, còn thứ xi thứ giả thì trước sau gì cũng phai màu, tróc lớp sơn phết.

Dầu không xưng hô, nhưng nếu ta tinh ý, theo dõi hành vi ngôn ngữ của họ mà ta nhận là chơn thuần mỹ thì đó là phần chơn chánh: hay đọc kỹ những gì các đấng ấy viết ra, ta cũng tìm được xuất xứ cùng cấp bậc của vị siêu phàm ấy không khó.

Ai biết chữ Hán, khi đọc hai câu sau đây của Đức Huỳnh Giáo Chủ đáp ông Nguyễn Kỳ Trân tức Chín Diệm ở Định Yên:

*Trình mỗ ngộ kim giai Cổ địa,
Xích mi hải hội luật trùng thiên.*

Hay hai câu của Ngài đáp ông Huỳnh Hiệp Hòa ở Bình Thủy sau đây:

*Tam bá ngoại niên chơn bút hiệu,
Hàn lâm nhứt đấu vịnh thiên chương.*

Thì chúng ta biết rõ Ngài là ai rồi. Dầu vậy cũng chưa rõ bằng

khi chúng ta đọc Sấm Giảng hay thi văn của Ngài, có nhiều đoạn Ngài không giấu giếm.

Xuất xứ. - Ngài không ngần ngại cho biết xuất xứ của Ngài ở cõi nào xuống, ý chừng Ngài muốn tăng trưởng đức tin, hay đánh tan sự nghi ngờ của người đời còn do dự chưa cả quyết đặt trọng lòng tin tưởng vào sự giáo độ của Ngài hầu sớm tu hành để khỏi bị đọa sa trong thời kỳ hoại diệt.

Có lẽ vì thế mà Ngài cho biết Ngài có ngôi vị bên Tây phương Cực lạc:

*Bồng Lai, Diên lại có ngôi.
Tây phương Cực Lạc, Khùng ngồi tòa sen.*

Vì thương xót vạn dân đến hồi tai ách nên đành lìa bỏ cảnh thơ tho của mùi sen báu xuống trần cứu thế độ dân:

*Cảnh Thiên Trước thơ tho nông nặc,
Chẳng ở yên còn xuống phàm trần.
Ấy vì thương trăm họ vạn dân,
Nên chẳng kể tấm thân lao khổ.*

Trong bài họa lại bài ông Tùng ở Cái Đầm, Ngài cũng xác nhận là ở Tây Phương, vì yêu dân chúng mà xuống trần:

*Cũng biết cần khôn vẫn một bầu,
Tây phương yêu chúng chẳng ngồi lâu.*

Ngài không nở yên vui nơi cõi Cực Lạc khi mà thế gian còn lắm than lao khổ:

*Nếu thế gian còn chốn mê tân,
Thì ta chẳng yên vui Cực Lạc.*

Nhứt là được lệnh của Thiên hoàng nên phải lìa chín phẩm ngọc tòa, lâm phàm giả dạng Khùng Diên truyền đạo lý, như một đoạn sau đây trong bài " Để chơn đất Bắc":

*Liên hoa chín phẩm ở Ngọc Tòa,
Được lệnh Thiên hoàng nầy sai Ta,
Hạ giới dạy khuyên truyền đạo lý,
Giả dạng Diên Khùng mượn thi ca.*

Lãnh sắc lệnh. Phương chi Ngài giáng trần kỳ nầy lo do nhiều sắc lệnh.

Ngài chịu lệnh của Phật A Di Đà:

*Muốn tu tình nay đà gặp cuộc,
Đức Di Đà truyền mở đạo lành;
Bởi vì Ngài thương xót chúng sanh,
Ra sắc lệnh bảo Ta truyền dạy.*

Và truyền dạy ở miền Nam Việt Nam:
*Khùng vưng lệnh Tây phương Phật Tổ,
Nên giáo truyền khắp cả Nam Kỳ.*

Hay là:
*Hạ ngươn sanh chúng ám u,
Tây phương sắc lệnh vân du Nam Kỳ.*

Và chịu mạng lệnh của Phật A Di Đà nên giáo pháp của Ngài truyền dạy, chuyên chú vào pháp môn Tịnh độ:
*Môn Tịnh Độ là phương cứu cánh,
Rán phụng hành kẻ phụ Phật xưa.*

Do đó, sứ mạng của Ngài đều qui vào việc dắt dìu sanh chúng về cõi Tây phương Cực Lạc:
*Chí toan gieo giống Bồ Đề,
Kiếm người lương thiện dắt về Tây phương.*

Ngoài sắc lệnh của Phật A Di Đà, Ngài còn lãnh Sắc chỉ của Đức Phật Thích Ca, như Ngài thổ lộ:
*Ta vì vưng sắc lệnh ngọc tòa.
Đền Linh Khứu sơn trung chịu mạng.*

Và giáo pháp mà Ngài lãnh phổ truyền không riêng ở Nam Kỳ mà khắp thế giới:
*Ta thừa vưng sắc lệnh Thế Tôn,
Khắp hạ giải truyền khai đạo pháp.*

Ngài tự nhận là đệ tử của Phật Thích Ca: "*Tôi vẫn không quên rằng tôi là một đệ tử trung thành của Đức Phật Thích Ca*", và thổ lộ:
*Ta là kẻ vô hình hữu ảnh,
Ẩn xác phàm gìn đạo Thích Ca.*

Mỗi đạo mà Ngài lãnh sứ mạng giáo truyền là một nền đạo vô vi, khác lối âm thầm sắc tướng của Thần Tú. Thế nên với mục đích hưng truyền hay xướng minh đạo Phật, Ngài không ngớt kêu gọi và khuyên dút:

*Khuyên sư vãi mau mau cải hối,
Làm vô vi chánh đạo mới mau;
Đạo Thích Ca nhiều nẻo cao sâu,
Hãy tìm kiếm cái không mới có.*

Vì vậy mà Ngài chủ trương: *Theo Lục Tổ chớ theo Thần Tú.*

Và Ngài xuống trần đây là nối theo chí của Phật Thích Ca:

*Ta thương đời len lỏi xuống trần,
Đạo vô vi của Phật ân cần,
Nối theo chí Thích Ca ngày trước.*

Đồng thời với sắc lệnh của Phật Thích Ca, Ngài còn lãnh Chiếu của Ngọc Hoàng Thượng Đế, như Ngài đã viết:
*Cúi đầu tâu lại cứu trùng,
Ngọc Hoàng ban chiếu lão Khùng giáo dân.*

Hay là:
*Lời văn tao nhã hữu tình,
Bởi vưng sắc lệnh Thiên đình sai Ta.*

Vừa lãnh chiếu của Ngọc Đế, vừa vưng sắc lệnh của Phật Tổ:
*Thừa vưng sắc lệnh của Trời,
Cùng ông Phật Tổ giáo đời khuyên dân.*

Ngoài lệnh của Ngọc Hoàng Thượng Đế, Ngài còn chịu lệnh của Phật Vương:
*Điên này vưng lệnh Phật Vương,
Với lệnh Phật đường đi xuống giảng dân.*

Ngài nói rõ lệnh Phật Vương qui định cho Ngài những việc gì, như đoạn văn Ngài viết sau đây:

"Phật Vương đã chỉ rõ máy diệu huyền chuyển lập Hội Long Hoa, chọn những đấng tu hành cao công quả để ban cho xứng vị xứng ngôi, người đủ thiện căn để giáo truyền Đại Đạo, định ngôi phân thứ gây cuộc Hòa Bình cho vạn quốc chư bang".

Ngài cũng còn chịu lệnh của Đức Quan Âm như Ngài đã viết:
*Quan Âm Nam Hải Phổ Đà,
Cùng Thầy ra lệnh nên Ta giáo truyền.*

Hay là:
*Lệnh Quan Âm dạy biểu Khùng troàn (truyền),
Cho bốn đạo rõ nguồn chơn lý.*

Thiên chức của Đức Quan Âm là tầm thanh cứu khổ, nhứt là trong giai đoạn khổ ách này, chúng sanh càng phải nhờ đến phép huệ linh của Ngài cứu an bá tánh.

Nói tóm lại, Đức Huỳnh Giáo Chủ xuống trần kỳ này chịu tất cả mạng lệnh của 5 vị: Đức Phật A Di Đà để phổ truyền pháp môn Tịnh độ, Phật Thích Ca để hưng truyền Chánh pháp Vô vi; Ngọc Hoàng Thượng Đế để lập bảng Phong Thần; Đức Phật Vương để lập Hội Long Hoa chọn người hiền đức đưa qua cõi Thượng ngươn an lạc và Quan

Âm Nam Hải để cứu độ chúng sanh trong thời kỳ đầy khổ ách của buổi Hạ ngươn sắp chấm dứt.

Nhiệm vụ. Với những sắc lệnh cùng chiếu chỉ truyền dạy lâm phạm, Ngài phải hoàn thành một trọng trách hết sức to tát có thể tóm lược một số trong mấy nhiệm vụ trọng yếu như sau:

1. Chấn hưng Phật pháp: Từ ngày chư Tổ bật truyền y bát đến nay, chơn pháp của Phật bị người đời làm sai tinh nghĩa nên thành ra một ngày một suy đồi. Vì vậy, Ngài lâm phạm lần này là để hoàn thành sứ mạng chấn hưng Phật pháp như Ngài đã viết:

*Phận tử xác phạm tử sẽ vưng,
Cúng dường cho Phật, Phật đàn ưng.
Dù cho phải chịu ngàn cay đắng,
Cũng nguyện đạo mầu sẽ chấn hưng.*

Hay là:

*Lòng thương lê thứ đáo Ta bà,
Thừa chuyển pháp luân dụng khuyến ca.*

2. Cứu độ chúng sanh khỏi sông mê bể khổ - Sứ mạng chánh yếu của Ngài là cứu độ chúng sanh bằng nhiều phương tiện, như Ngài đã viết:

*Thấy biển khổ đâu an lòng đặng,
Xông thuyền ra cứu vớt chúng sanh.*

Hay là:

*Ta quyết lòng rút nợ oan khiên,
Cứu bá tánh khỏi nơi lao khổ.*

Hoặc là:

*Chờ con đầy đủ nghĩa nhân,
Ra tay tế độ dắt lên về ngôi.*

3. Chỉ đường về Tây phương Cực Lạc. Với phương tiện thứ nhứt của sự cứu độ là bằng pháp môn Tịnh độ mà Ngài đã thọ lãnh của Phật A Di Đà, Ngài quyết chỉ đường cho chúng sanh về Tây phương Cực Lạc, hưởng quả bất sanh bất diệt như Ngài đã bày tỏ:

*Tìm Cực Lạc, Đây rành đường ngõ,
Hãy mau mau tu tỉnh mới mầu.
Tận thế gian còn bao lâu,
Mà chẳng chịu làm tròn nhưn đạo.*

Hay là:

*Nghe Diên dạy sau này thơi thành,
Đây chỉ đường Cực Lạc Vãng sanh.*

Hoặc là:
*Chí toan gieo giống Bồ đề,
Kiếm người lương thiện dắt về Tây Phương.*

4. Tìm con lành hay tạo hiền đức để dự Hội thi sang qua đời Thượng ngàn an lạc, đó là phương tiện thứ hai của sự cứu độ, như Ngài nhắc nhở:

*Khoa tràng lệnh mở hội thi,
Nên ta xuống bút dạy thì trần gian.
Chớ mình hồn dựa lâm san,
Thành thơ còn xuống thế gian làm gì?
Ước mơ thượng cổ hồi qui,
Thế trần no ấm phú thi an nhàn.*

Hay là:
*Khuyên trong lê thứ trẻ già,
Tu hành hiền đức Phật mà cứu cho.*

Hoặc là:
*Kẻ hiền đức sau này được hưởng,
Phép thần linh của Đức Di Đà.*

Hay tìm con lành:
*Khai ngọn đuốc từ bi chí thiện,
Tìm con lành dắt lại Phật đường.*

5. Lập Hội Long Hoa. Phương tiện thứ ba của sự cứu độ là Ngài lãnh lệnh của Đức Ngọc Đế lập bảng Phong Thần hầu phong tước cho những người có lòng trung nghĩa, như Ngài đã thổ lộ:

*Thân bản tảng mặc bộ sòng nâu,
Cuộc thiên lý một bầu đã hân.
Đến kỳ thi danh Thầy chạm bảng,
Trên đài cao gọi các linh hồn.*

6. Ông Thanh sĩ cũng nhận Đức Thầy có sứ mạng lập bảng Phong Thần:

*Khuyên đừng có lăm phân vân,
Không Thầy cái Hội Phong Thần ai phong.*

7. Đưa người đến Bồng Lai Tiên Cảnh. Phương tiện thứ năm của sự cứu độ là đưa người đến Bồng Lai Tiên cảnh hay cõi Thượng ngàn an lạc, như Ngài đã xác nhận:

*Trả nợ thế nghĩa ân trọn vẹn,
Cảnh non Bồng kỳ hẹn ngày kia.*

Hay là:
*Ước mong dân khỏi nạn tai,
Đắt dìu Tiên cảnh Bồng Lai nhiều người.*

Hoặc là:
*Khuyên dạy dân tinh minh đạo đức,
Tu hành được thấy cảnh Bồng Lai.*

Và ngày nào đó: chèo thuyền đến Bồng Lai thì ngày ấy Ngài mới thành thời, hoàn thành sứ mạng:
*Quyết chèo thuyền đến chốn Bồng Lai,
Mới ngơi nghỉ tấm thân của Lão.*

8. Trừ con nghiệt thú. Ngoài sứ mạng cứu độ người hiền, Ngài còn lãnh nhiệm vụ trừ con nghiệt súc trong ngày âm dương biến động như Ngài cho biết trước:
*Con sông nước chảy vòng cầu,
Ngày sau có việc thảm sầu thiết tha.
Chừng ấy nổi dậy phong ba,
Có con nghiệt thú nuốt mà người hung.
Đến chừng ấy thú phục tùng,
Bá gia mới biết người Khùng là ai?*

Và Ngài cũng lãnh sứ mạng tiêu diệt con long ác nghiệt:
*Thâu cho được con long ác nghiệt.
Thì khắp nơi mới biết mến yêu.*

9. Cầm cân thưởng phạt. Ngoài sứ mạng cứu độ chúng sanh, và trừ loài ác nghiệt, Ngài còn lãnh sứ mạng đại diện công lý cầm cân thưởng phạt kẻ lành dữ theo luật nhân quả báo ứng, như Ngài đã báo tin:
*Lão đây vưng lịnh Phật tôn,
Lãnh cân thưởng phạt chừa môn dữ lành.*

Hay là:
*Có ngày mở rộng qui khô,
Non Thần vang chuyển Khùng ngồi xử phân.*

10. Tá quốc an bang. Ngoài ra Ngài còn sứ mạng tá quốc an bang, xây dựng sơn hà, tạo nền hạnh phúc cho nhơn sanh trong ngày Thượng Nguơn hồi phục, như Ngài đã tiết lộ:
*Một tay tá quốc an bang,
Nước nhà vững đặt Hớn đàng hiển vang.*

Trên đây là mười trách nhiệm trọng yếu mà Ngài phải đảm phụ

và thực hiện trong kỳ chuyển kiếp lần này. Một khi hoàn thành sứ mạng, Ngài mới trở về ngôi vị cũ.

Nói tóm lại, sứ mạng của Ngài có thể đúc kết làm mấy điểm như sau:

1. Chấn hưng hay xương minh chánh pháp

2. Cứu độ chúng sanh bằng cách:

- Chỉ đường về Tây phương Cực Lạc bằng Pháp môn Tịnh Độ.

- Đào tạo hạng người hiền đức hầu có đủ điều kiện dự Hội Long Hoa, sống còn đời Thượng ngươn an lạc.

- Cứu rỗi các phần hồn đưa vào bảng Phong Thần,

- Đưa người đến Bồng Lai Tiên Cảnh hay cõi đời Thượng ngươn bằng con đường tu Tứ Ân hay Tu Nhân để làm tròn nhân đạo.

3. Trừ ác thú.

4. Cầm cân thưởng phạt kẻ lành dữ trong ngày lập Hội hay ngày phán xét cuối cùng.

5. Tá quốc an bang trong ngày Thượng ngươn xây dựng.

Chí nguyện. Để hoàn thành sứ mạng cao cả của chư Phật giao phó, Ngài đã thệ nguyện, như các Đại Bồ Tát hay Phật xưa đã thệ nguyện trước khi thực hành một sứ mạng cao cả.

Như Đức Phật A Di Đà đã phát 48 lời nguyện để thành lập cõi Cực Lạc làm nơi an trú cho những ai muốn vãng sanh về cõi của Ngài hầu dứt quả vô sanh hay bất thối.

Đến trường hợp của Đức Huỳnh Giáo Chủ cũng thế, Ngài lập thệ rất lớn làm nơi y cứ hầu có vững bước trên con đường hoàn thành sứ mạng dầu phải chịu gian nan nguy khốn:

*Cảnh thiên trước thơn tho nong nặc,
Chẳng ở yên còn xuống phàm trần.
Ấy vì thương trăm họ vạn dân,
Nên chẳng kể tấm thân lao khổ.*

Chỉ một chí hướng quyết độ đời mà thôi:

*Dầu cho xoay chuyển đất trời,
Lòng ta chí dốc độ đời mà thôi.*

Dầu phải chịu đắng cay, chẳng quản thân danh khổ lụy:

*Thương đời phải chịu đắng cay,
Thân danh chẳng quản chông gai chi sờn.*

Dầu phải làm thân lươn lấm lem bùn trịn:
*Tớ với Thầy nào quản thân lươn,
Muốn cứu thế sá chi bùn trịn.*

Dầu đời bạc đãi cũng quyết nêu cao ngọn đèn chân lý soi đường
minh thiện cho bá tánh hết tối tăm:
*Quản chi lực kém tài hèn,
Dù đời bạc đãi ngọn đèn cứ nêu.*

Chí nguyện của Ngài là độ tận chúng sanh:
*Một lòng nguyện độ tận chúng sanh.
Mặc tình trước sự ghét ưa của sanh chúng.
Quyết lòng độ tận trong sanh chúng,
Ai ghét ai ưa cũng mặc tình.*

Hay là:
*Có sông có núi cùng cây cỏ,
Độ tận chúng sanh khỏi đại khờ.*

Ngài sẵn sàng gánh chịu mọi tai nạn thế giới, sau bớt nỗi khổ
đau với những người có tâm lành quyết lòng tu tỉnh:
*Nhìn dân châu lụy ủ ê,
Biết bao trút hết gánh về Ta mang.
Mang cho hết tai nạn thế giới,
Kẻ tâm lành bớt đợi chờ trông.*

Hoặc là:
*Nghiêng hai vai gánh nặng non sông,
Với trăm họ lấm than bể khổ.*

Ngài sẵn sàng uống cho đời chén thuốc cay:
*Hay vì sanh chúng còn lao lý,
Nguyện uống cho đời chén thuốc cay.*

Và sẵn sàng chịu khổ cho bá tánh: *Ta chịu khổ, khổ cho bá tánh.*

Có thể nói, cao cả nhất là lời thệ nguyện: ngày nào thế gian còn
đau khổ thì ngày ấy Ngài chẳng riêng vui nơi cõi Tịnh độ:
*Nếu thế gian còn chốn mê tân,
Thì Ta chẳng yên vui Cực Lạc.*

Và khi nào nền Đại Đạo được khai thông, đước từ bi đước rọi

khấp, bể trầm luân đã khô cạn thì ngày ấy Ngài mới đành trở về ngôi vị cũ:

*Nếu chùng nào khai thông Đại Đạo,
Đuốc từ bi rọi khắp dương gian.
Bể trầm luân khô cạn sáu đàng,
Tăng sĩ mới trở về nơi thanh tịnh.*

Câu thệ nguyện này thật là lớn lao to tát, sánh không khác câu thệ nguyện của Đức Địa Tạng Vương Bồ Tát: *"Tôi từ ngày nay cho đến tận đời vị lai không biết bao nhiêu số, quyết vì những chúng sanh tôi khổ ở trong sáu đường mà thi thiết nhiều phương tiện khiến cho giải thoát được hết, rồi thân tôi đây mới thành Phật đạo"*

Bản nguyện bi thiết ấy được viên mãn là khi nào cõi Địa ngục bị xóa bỏ, cũng như bản nguyện của Đức Huỳnh Giáo Chủ được giải thệ là khi nào cõi thế gian khô cạn sáu nẻo luân hồi.

Cái ngày mà chúng sanh hết còn trầm luân trong bể khổ ấy, tức là ngày thế gian hết phiền não, ngày Chúa vững ngai vàng trong cõi Thượng Nguơn Thánh Đức thì ngày đó Ngài mới rời cảnh tục trở lại cảnh Tiên:

*Chúa vững ngai vàng, Sãi mới yên,
Rời ngay cảnh tục trở về Tiên.
Chẳng còn tham luyến nơi trần thế,
Vì cả thế gian hết não phiền.*

Chí nguyện của Đức Huỳnh Giáo Chủ, xem đó, thật là bi thiết, thật là vĩ đại, chỉ hàng Đại Bồ Tát mới phát hoằng thệ nguyện như thế.

Chương VI: LƯU CƯ

ĐỘNG CƠ. – Gần gót một năm ra cứu đời, dùng huyền diệu của Tiên gia độ bệnh, ra thi thơ Sấm Giảng thức tỉnh người đời, nhứt là những người có căn tu hành theo Đức Phật Thầy Tây An, đã nhận chân Đức Huỳnh Giáo Chủ là một vị siêu phàm giáng trần có sứ mạng cứu dân độ thế, nên qui ngưỡng một ngày một đông, gây thành một phong trào khá lan rộng, khiến nhà cầm quyền để ý đến, bèn cho mật thám theo dò la, nhưng chưa vội can thiệp.

a) Động cơ thứ nhứt. – Có nhiều sự việc đáng làm cho chúng e ngại, lo ngại nhứt là số tín đồ mỗi lúc mỗi tăng một cách kinh khủng.

Và điểm đáng lo ngại khiến nhà cầm quyền Pháp đi đến quyết định an trí hay lưu cư Ngài là những điểm sau đây:

Trong Sấm Giảng có những câu bộc lộ huyền cơ làm cho chúng

nghi là Ngài có mưu định Cần Vương hay chủ trương phục hồi đế nghiệp.

Để đáp ứng sự đòi hỏi của tín đồ quá đông đảo, Sấm Giảng phải in thành sách, chớ không thể chép tay hay đánh máy như lúc ban sơ. Nhưng muốn in, nhà in đòi hỏi phải có giấy phép của sở kiểm duyệt. Như có lần anh em đem kiểm duyệt, nhà cầm quyền giữ lại một thời gian, vì có những câu chúng không chấp thuận. Nếu bằng lòng sửa chữa lại, chúng mới cho phép in. Những điểm chúng kiểm duyệt là những câu nói về Thánh Chúa.

Chẳng hạn như câu:

*Chẳng qua là Nam Việt vô vương,
Nên tai ách xảy ra thảm thiết.*

Sau phải sửa lại:

*Chẳng qua là Nam Việt vô dươn,
Nên tai ách xảy ra thảm thiết,*

Hay những câu nói về thiên cơ:

*Hết Tây rồi đến Huê Kỳ,
Sứ cao thuế nặng vậy thì thiết tha.*

Sau phải sửa lại:

*Hết đây rồi đến dị kỳ,
Sứ cao thuế nặng vậy thì thiết tha.*

Hay là câu:

*Để gặp chúa ngồi mà than khóc,
Gỡ làm sao hết rồi thì về.*

Sau phải sửa lại:

*Để gặp Phật ngồi mà than khóc,
Gỡ làm sao hết rồi mà về.*

Cũng như trong bài Ngũ nguyện, về câu nguyện thứ nhất:

*"Nam mô nhứt nguyện cầu: Thiên hoàng, Địa hoàng, Nhơn hoàng
Long Hoa hải hội, Thượng Phật từ bi, Minh Vương trị chúng, thế giới
bình an".*

Sau phải sửa lại:

*"Nam mô nhứt nguyện cầu: Thiên hoàng, Địa hoàng, Nhơn hoàng,
Liên hoa hải hội, Thượng Phật từ bi, Phật vương độ chúng, thế giới
bình an".*

Ngoài ra, chúng còn cho lính theo dõi và chép được những bài chưa in ra, nhưng được truyền tay, truyền khẩu nhau có tánh cách chống Pháp.

Chẳng hạn như bài Bánh mì:

*Mì kia gốc phải nước mình không?
Nghe thấy rao mì thốt động lòng.
Chiếc bánh nảo nùng mùi khách lạ,
Bát cơm đau đớn máu ông cha.
Vần minh những vỏ trưng ba mặt,
Thăm thía tim gan ứa mấy dòng.
Nhớ lại bảy mươi năm trở ngược,
Say mì lắm kẻ bán non sông.*

Bài này chưa mấy rõ nghĩa chống Pháp bằng bài “Cờ tam sắc”
*Tam sắc cờ bay phất phới mà !
Ngồi nhìn nhớ kỹ héo lòng ta.
Thuở xưa đâu có cờ tam sắc,
Gặp cảnh vong bang ứa ruột ra.*

Về bài “Cờ tam sắc”, Đức Thầy cảm thấy thế nào cũng bị bọn gia nô của Pháp bắt bí nên chi Ngài sửa lại để đánh lạc hướng đám “chó săn chim mồi”. Ngài sửa lại như vầy:

*Tam sắc cờ bay phất phới mà
Ngồi nhìn khoảnh khoái cõi lòng ta.
Thuở xưa đâu có cờ tam sắc,
Nay hiệp Tây Đông thể ruột rà.*

Quả thật, sau đó tay sai của Pháp đến muốn nghe bài thơ ấy, nhưng cụt hứng khi nghe một tin đồn đọc lại bài thơ đã sửa chữa.

Mặc dầu sách in được kiểm duyệt, các bài truyền khẩu được lọt bỏ những điểm chống Pháp, nhưng những khoản kiểm duyệt cũng như những bài truyền khẩu có tánh cách chống Pháp được kết tập thành hồ sơ kể cả những cuộc đối đáp của Đức Huỳnh Giáo Chủ với những người đến tiếp kiến, những ý kiến được xem là bài Pháp hay phục hồi đế nghiệp hoặc phục quốc cũng được chúng sưu tầm và mật báo tất cả. Chẳng hạn như câu Ngài đáp một người hỏi Ngài tại sao tu mà còn để tóc, không thể phát như các nhà sư thì Ngài đáp một cách khí khái: Vì tôi không muốn để người ta cạo đầu.

Danh từ “cạo đầu” được bọn gia nô diễn dịch là có ý bất phục đối với nhà cầm quyền bảo hộ.

Sở Liêm phóng cho sưu tập những tư tưởng “phản nghịch” ấy lập thành hồ sơ, và sau khi nghiên cứu, chúng đi đến kết luận: Đức Huỳnh Giáo Chủ là người khá nguy hiểm và nền Đạo của Ngài là một tổ chức “chống Pháp” trá hình tôn giáo rất nguy hại cho an ninh, chánh sách thực dân thống trị. Do đó mà chúng quyết định an trí Ngài.

b) Động cơ thứ hai. – Ngoài tài liệu thu thập trong Sấm Giảng có tánh cách chống Pháp, còn có việc Ông Đạo Tương nổi loạn ở Tân Châu cũng là một động cơ khiến nhà cầm quyền Pháp quyết định lưu cư Đức Huỳnh Giáo Chủ để ngừa hậu hoạn.

Như kỳ đặng sơn thứ tư, khi còn ở trên núi Tà Lơn, Đức Thầy có nói với Biện Đài lý do tại đâu phải về. Lý do đó là vụ Đạo Tướng nổi loạn ở Tân Châu. Và khi về đến Cần Giọt được nghe tài xế và lơ xe chạy đường Châu Đốc và Cần Giọt tường thuật vụ Đạo Tướng giết người tế cờ rất rõ. Vụ ấy xảy ra như sau:

Ông Đạo Tướng tên thật là Lâm Văn Quốc, cũng gọi Đạo Quốc, có lập một am để tu tại xã Long Phú cách quận lỵ Tân Châu độ một cây số ngàn. Ông tự nhận là môn phái của Bửu Sơn Kỳ Hương gốc Thất Sơn và qui tụ một số tín đồ khá đông.

Một hôm, ông tự xưng là Minh hoàng và phong tước cho một số môn đệ, nào là chức Vương, Quốc sư, Nguyên soái, Tiên phong, Đô đốc, chuẩn bị một cuộc khởi nghĩa phục quốc. Ông huấn luyện võ nghệ, cho rèn gươm đao và khoe có phép làm súng bắn không nổ.

Thế rồi đêm mùng 8 rạng ngày mồng 9 tháng giêng năm Canh Thìn, Ông phát động cuộc khởi nghĩa. Hành động đầu tiên là giết người tế cờ. Con vật được ông chọn hy sinh là gia đình Hương tuần Hiếm bị nghi làm tay sai cho Pháp. Sau khi bố trí châu đáo, bọn ông vây nhà và bắt vợ chồng Hương tuần Hiếm chặt đầu làm lễ tế cờ, gây thành một cuộc náo loạn kinh hoàng tại Tân Châu.

Nhà cầm quyền Pháp bèn cho lính đến đàn áp. Đạo Tướng và đồng bọn tin ở tà thuật làm cho súng bắn không nổ nên hiên ngang đem gươm giáo ra chống cự. Rốt cuộc súng vẫn nổ và bọn Đạo Tướng đều bị bắn hạ; kết quả năm bảy mạng bị giết và gần 30 người bị bắt.

Thế là màn xưng bá đồ vương của Đạo Tướng chấm dứt.

Cuộc rối loạn do một nhóm người tự nhận là tu hành, là môn phái Bửu Sơn Kỳ Hương gây ra làm cho nhà cầm quyền Pháp có thái độ cứng rắn đối với Đức Huỳnh Giáo Chủ.

Để tránh hậu hoạn, một cuộc nổi dậy của tôn giáo, tương tự như vụ Đạo Tướng, nhứt là đã có tài liệu chứng thật Đức Huỳnh Giáo Chủ có tinh thần chống Pháp và đạo của Ngài thu hút tín đồ không thể tưởng tượng, có thể nguy hại cho chế độ thực dân thống trị. Nên chi bọn thực dân quyết định dời Ngài ra khỏi tỉnh Châu Đốc và an trí ở một nơi khác.

a) Đi Châu Đốc. – Quyết định này được mật báo cho quận trưởng Tân Châu lúc bấy giờ là ông Nguyễn Văn Lễ. Ông này có bà vợ là tín đồ Phật Giáo Hòa Hảo. Sau khi được chồng cho biết ý định của người Pháp, bà Lễ liền chiều ngày mồng 10 tháng 4 Canh Thìn đi xe ngựa xuống Chợ Vàm cho ông Huỳnh Hữu Phi hay cái hung tin ấy.

Ông Phi cấp tốc đi xe đạp xuống Hòa Hảo cho Đức Thầy hay để có lo toan cách ứng phó. Ngài rất thản nhiên, trong lúc anh em tín đồ đều lo âu, sợ cho Ngài phải bị tai họa đến lụy thân khổ xác.

Ngài tươi tỉnh nói để trấn an mọi người: không có gì mà phải sợ. Không ai làm hại được Thầy đâu. Anh em cứ an tâm. Mặc dầu Ngài nói vậy, chớ toàn thể tín đồ đều lo ngại.

Qua ngày sau tức ngày 12 tháng 4 năm Canh Thìn vào lúc 7 giờ,

nhà cầm quyền Pháp đến Hòa Hào chở Ngài đi Châu Đốc, vội vã đến đổi không kịp cho Ngài thay đồ hay mang hành trang theo. Lúc bấy giờ Ngài mặc áo không túi nên cái giấy thuế thân, Ngài đành lấy giấy gói lại rồi cầm trong tay.

Khi đến Châu Đốc, vài giờ sau, vâng theo lệnh của cấp trên, nhà cầm quyền địa phương cho chở Ngài rời khỏi tỉnh, thay vì đưa xuống tỉnh Long Xuyên, chúng lại đưa xuống tỉnh Sa Đéc, cách tỉnh Châu Đốc một tỉnh, ý chừng họ muốn đoạn hẳn liên lạc với quê nhà tưởng nơi xa lạ khó truyền giáo và thu hút tín đồ hơn.

Đứng trước sự dời Ngài đi đột ngột như thế anh em tín đồ đều ngơ ngác, đến rơi lệ, chỉ nhìn theo chớ không làm sao hơn được, trước sự rào đón, ngăn chặn hăm he của chánh quyền.

b) Đến Sa Đéc. – Đến Sa Đéc, Ngài được đưa đến sở mật thám, lúc bấy giờ do ông cò Bazin điều khiển. Gặp lúc ông này đi vắng, bà vợ người Việt có tâm mộ đạo, đối xử rất tử tế. Đến khi cò Pháp về, bèn hỏi Ngài có phải Ngài là tác giả mấy quyển Sấm Giảng không? Ngài nhận chính tay Ngài viết. Viên cò không tin với sức học của Ngài có thể sáng tác nổi, nên chỉ muốn thử Ngài. Nếu thật ông viết thì ông thử viết cho tôi coi.

Ngài không ngần ngại đem giấy mực ra viết bài “Sa Đéc” trước mặt viên cò Bazin, rồi đọc cho ông cò nghe.

Trong bài này Ngài tỏ bày nỗi lòng bi cảm đối với anh em tín đồ trong những dòng thống thiết như sau:

*Muốn lập đạo có câu thành bại,
Sự truân chuyên của khách thiên môn.
Khấp sáu châu nức tiếng người đồn,
Ta chịu khổ, khổ cho bá tánh.
Tiếng gọi đời sông mê hã lánh,
Chạm lợi quyền giàu có cạnh tranh.
Bước chông gai đường đủ sỏi sành,
Đành tách gót lìa quê hương đã.
Ta cũng chẳng lấy chi buồn bã,
Bởi sự thường của bực siêu hơn.
Dầu gian lao dạ sắt chẳng sờn,
Miễn sanh chúng thông đường giải thoát.
Cơn đông tổ mịt mù bụi cát,
Chẳng nao lòng của đấng từ bi:
Vì Thiên Đình chưa mở hội thi,
Nên Lão phải phiêu lưu độ chúng.
Kẻ ác đức cho rằng nói túng,
Nó đâu ngờ lòng Lão yêu đương.
Xe rồ xăng vọt chạy bãi bươn,
Đến khuất dạng tình thương náo nức.
Khấp bá tánh chớ nên bực tức,
Bởi nạn tai vừa mới vấn vương.*

*Chốn Liên Đài bát ngát mùi hương,
Nhờ chỗ ấy mới thi công đức.*

Đọc xong, viên cò Pháp phải nhận Ngài là một thiên tài xuất chúng và cho về ngụ nhà ông Phán Đăng.

Tưởng đến Sa Đéc, Ngài sẽ dừng chơn ở yên để tiếp tục cuộc hóa độ, đáp lại lòng mong cầu của mọi người, chớ có dè dặt nhà cầm quyền ở đây thấy ảnh hưởng của Ngài quá lớn, thu hút người khắp nơi tấp nập kéo đến, nên quyết định cấm Ngài truyền đạo. Thế là Ngài lên đường đi tỉnh khác, tùy Ngài chọn lựa.

Hay tin, anh em tín đồ rất lo buồn, nhưng theo Ngài thì đó là một dịp cho Ngài phổ thông rộng rãi mỗi đạo.

*Ta còn thương, thương trò liu điu,
Chớ cũng mừng được dịp phổ thông.*

Mà cũng là cơ thử thách của tạo hóa để xem người hành đạo có vững chí làm theo lời Ngài chỉ dạy hay không?

*Việc khó khăn lắm lúc khô hài,
Ấy cũng bởi thày lay ông Tạo.
Ông nhồi quả cho người hành đạo,
Lúc nguy nàn thối chí cùng chẳng ?
Nếu bền lòng vị quả cao thẳng,
Chẳng chặt dạ bỏ lẩn Phật Thánh.*

c) Đến Cần Thơ. – Được tin nhà cầm quyền Sa Đéc ra lệnh trục xuất Ngài, ngày 17 tháng 4 Canh Thìn anh em tín đồ đem xe đến đưa Ngài xuống Cần Thơ, rồi cô Hai Gương thỉnh Ngài về ở nhà Hương Bộ Võ Mậu Thạnh là cậu của cô ở làng Nhơn Nghĩa, rạch Sua Đũa, cũng gọi là kinh Xà No.

Đến đây Ngài được ở yên nên khởi lại việc cho thuốc, cho thi bài, tiếp tục cuộc hoằng hóa như hồi còn ở Hòa Hảo. Nhân việc phát phù trị bệnh, Ngài còn làm một bài thơ về giấy vàng có hàm ý tiên tri sự biến đổi thời cuộc.

*Giấy vàng nay đã giá cao tăng,
Bìa trắng lại chê vội bỏ lẩn.
Thương thảm chúng quăng năm kệt hóc,
Chủ nhà quét tước lượm lẩn xăng.*

Trong thời gian lưu cư tại Nhơn Nghĩa, Ngài sáng tác và thi họa cũng nhiều. Số tín đồ thân nhận cũng khá đông, như Ngài đã viết:

*Nhân dân bá tánh cũng con lành,
Thầy dạy cho đều khắp chúng sanh.
May mắn vận thời đưa đến chốn,
Tiền khiên dẹp gát kiếm con lành.*

d) Vào bệnh viện Chợ Quán. – Nhận thấy ảnh hưởng ở đây

cũng vang dội và thu hút tín đồ một cách phi thường, nhà cầm quyền không muốn cho Ngài hoạt động nữa. Như đã biết, Ngài được tự do chọn lấy chỗ lưu cư do đó Ngài đưa đơn xin đi Bạc Liêu.

Thế là ngày 29 tháng 6 năm Canh Thìn, Ngài từ giã Nhơn Nghĩa, nhưng khi ra đến Cần Thơ, nhà cầm quyền giữ Ngài lại và đưa vào bệnh viện Chợ Quán lấy cớ khám nghiệm coi Ngài có mắc bệnh thần kinh không?

Khi vào đây, ban sơ chưa ai biết Ngài. Ngay như viên lương y cai quản bệnh viện là ông Trần Văn Tâm cũng ngộ nhận nên mới nói bỡn khi gặp Ngài: Ở ngoài xé hết bao nhiêu giấy thuốc thân của người ta rồi? Nhưng khi thấy cử chỉ của Ngài đoan trang và số tín đồ đến thăm quá đông mới nghi Ngài là ông Đạo.

Ông bèn đem những điều đọc trong một quyển sách Pháp về đạo Phật mà ông còn thắc mắc đến chất vấn thì được Ngài giải đáp một cách tinh thông, khiến ông phải ngạc nhiên đến khâm phục. Càng kính phục hơn nữa là khi Ngài cho thấy điều huyền diệu, như một hôm ông vào phòng Ngài thì thấy một cụ già đầu râu bạc phiếu nằm trên giường. Ông tưởng đi lộn phòng, bèn trở ra để tìm phòng, nhưng khi định tình xem lại số phòng quả quyết chính là phòng của Ngài, nên quay trở vào thì lạ thay, thay vì ông lão khi nãy lại là Đức Huỳnh Giáo Chủ. Chừng đó ông mới hoàn toàn tín phục, xin thọ giáo qui y. Nhờ vậy Ngài tiếp tục công việc hoằng hóa dễ dàng. Mỗi ngày người đến xin thuốc, cũng như hàng thức giả đến hỏi đạo và qui ngưỡng càng lúc càng đông.

Trong lúc ở bệnh viện, có một việc đáng nêu ra là trường hợp của anh gác cửa. Anh này lúc đầu tỏ ra khó khăn đối với anh em tín đồ đến thăm. Anh có một người mẹ đau mắt, chữa nhiều thầy mà không khỏi, khi nghe Ngài chữa bệnh kỳ diệu thì đưa mẹ đến. Ngài chỉ cho một chai nước lã về nhỏ, thế mà khỏi bệnh. Anh đem lòng khâm phục, gọi Ngài là Phật sống. Từ đó trở đi, anh đối xử rất cảm tình với anh em tín đồ không làm khó khăn như trước.

Trong thời gian ở Chợ Quán, Ngài viết nhiều bài vở, nhưng đáng kể là quyển **"Những điều sơ lược cần biết của kẻ tu hiền"** và quyển **"Khuyến Thiện"** chỉ rõ tận tường pháp môn Tịnh độ.

Hơn một năm cầm giữ Ngài để thí nghiệm, có thể do sự báo cáo của Bác Sĩ Tâm, nhà chức trách thấy Ngài không có gì tỏ ra mắc bệnh thần kinh, nên xét theo lời xin trước kia khi Ngài ở Xà No, bèn chấp thuận cho Ngài lưu cư về Bạc Liêu.

Và có thể nhận thấy tại Chợ Quán, nơi phồn hoa đô hội có nhiều phần tử thức giả qui ngưỡng nên sợ ảnh hưởng của Ngài lan rộng cả vùng Saigon Chợ Lớn, Gia Định, vì vậy mà định dời Ngài đi chỗ khác. Xét lại Bạc Liêu là một tỉnh ở mút miền Nam nước Việt lại là tỉnh, phần đông dân cư thuộc thành phần lai Miên lai Tàu, chuyên việc buôn bán, nếu đưa Ngài đến đó khó mà gây ảnh hưởng sâu rộng được.

Mặc dầu chấp nhận dời Ngài về Bạc Liêu nhưng nhà cầm quyền

còn cố giữ lại trong một tuần lễ để giao cho sở mật thám dò xét. Họ đưa Ngài vào bót Ca-ti-na (Poste Catinat) ngày 11 tháng 5 Tân Tỵ (1941).

Đến ngày 19 nghĩa là sau 8 ngày giam giữ, Ngài mới lên đường đi Bạc Liêu.

đ) Đến Bạc Liêu . – Ngài định đến ngụ tại nhà ông Hội Đồng Điều như Ngài đã dự tính khi ở Nhơn Nghĩa, nhưng nhà cầm quyền không chấp thuận bảo Ngài chọn chỗ khác, cố ý làm khó dễ nhứt là làm ngược lại ý định của Ngài.

Trong số anh em tín đồ ở đây, có bà Cò tàu Hảo đóng vai trọng yếu. Bà đến thương lượng với ông bà Võ Văn Giỏi, cựu thơ ký soái phủ Nam Kỳ thì được ông bà sẵn sàng nghinh tiếp. Ngài đến trình với Công an và được chấp thuận với điều kiện là không được: phát phù trị bệnh, thuyết pháp độ nhơn và mỗi tuần, vào ngày thứ hai phải đến trình diện Công an một lần.

Nhơn đó, Ngài có làm ba bài thơ tức cảnh như sau:

*Việc chi mà phải đi trình báo,
Mỗi tháng bốn kỳ nhọc căng Ông.
Đợi máy huyền cơ xoay đến mức,
Tính xong cuộc thế lại non Bông.*

*Thứ hai hừng sáng mưa tầm tã,
Lính đứng ngoài đường giục giã Ông.
Kiếp khách trần gian vay lăm nợ,
Để đền trọn nghĩa với non sông.*

*Người cười người nhạo bảo Ông điên,
Ông chẳng giận ai cũng chẳng phiền.
Chỉ tiếc trần gian đùa quá vội,
Chưa tường Điên tục hay Điên Tiên.*

Vì cấm đoán đến viếng thăm, anh em tín đồ không vào cửa được, đành đứng lóng nhóng bên ngoài rồi về, tạo thành tiếng đồn đến nhà cầm quyền. Hơn nữa theo sự dò xét của công an cũng thấy đúng sự thật nên từ đó sự canh phòng cũng lơ đi. Nhờ vậy Ngài tiếp xúc được nhiều nhân sĩ và hào phú đến vấn an qui y, trong số ấy được biết: ông Cả Hốt (tức Dương Vĩnh Phước), ông bà Chung Bá Khánh, ông bà Võ Văn Giỏi... trở thành tín đồ thuần thành.(1)

(1). Cũng trong thời gian này (năm 1942), tác giả ra mắt Đức Thầy và được Ngài tiếp kiến từ 7 giờ sáng đến 2 giờ trưa, khi thấy dọn cơm mới bái tạ lui ra.

Trong thời gian ở Bạc Liêu, Ngài sáng tác rất nhiều bài vở, nhứt

là lỗi tản văn, giải bày về giáo lý nhà Phật, như Thập Nhị Nhân Duyên, Tứ Diệu Đế...

Cũng nên nói qua tình hình trong lúc này. Quân đội Nhật đã vào Đông Dương và lấn dần quyền hành của chính phủ thuộc địa Pháp. Người Nhật cho chiêu mộ người Việt vào quân đội. Có một số người Việt hưởng ứng, gia nhập hàng ngũ và được đưa về Đông Kinh huấn luyện, khi thành tài trở lại hoạt động nơi nước nhà với ý định hợp tác với quân Nhật gỡ ách nô lệ, lấy lại chủ quyền quốc gia.

Trong hàng ngũ những người ái quốc ra hợp tác với quân Nhật, có tín đồ Phật Giáo Hòa Hảo. Hẳn họ có bốn phận phải cứu Đức Thầy ra khỏi sự kềm kẹp của người Pháp, nên vận động với nhà binh Nhật ở Sài Gòn và được sự chấp thuận.

Và lại, người Nhật nhận thấy Phật Giáo Hòa Hảo có một khối tín đồ to tát ở miền Nam, có thể lợi dụng lòng yêu nước của họ trong công cuộc hạ Pháp, nếu thi ơn giải cứu được vị Giáo Chủ của họ. Như thế sẽ mua chuộc được cảm tình của khối quần chúng đông đảo này.

Mưu định giải cứu Đức Thầy có thể nhà cầm quyền Pháp dò biết, nên chúng định lưu cư Ngài qua Ai Lao. Nhưng chúng chẳng dè quân Nhật lại ra tay trước.

Sở Hiến Binh Nhật bèn phái ông Kimura cùng đi với một vài tín đồ Phật Giáo Hòa Hảo xuống Bạc Liêu rước Ngài về Sài Gòn trong đêm mồng 2 tháng 9 năm Nhâm Ngọ (11-10-1942).

Vì đi đêm lại không rành đường nên tài xế lái xe đi đường về Cà Mau, đến Tắc Vân xe hư máy. Ông Kimura phải mượn xe của Bang trưởng Triều Châu chạy trở lại Bạc Liêu rồi thẳng đường về Sài Gòn. Vì vậy mà Pháp hay tin kịp.

e) Về Sài Gòn. – Nhưng xe vừa đến ngã ba Trung Lương (Mỹ Tho) thì gặp xe công an chặn lại. Vì thế xảy ra tai nạn đụng xe làm cho ông Lâm Thơ Cứu theo hầu Ngài bị thương ở sọng mũi, còn Ngài chỉ bị thương xoàng. Công an Pháp cho điệu tất cả về Sài Gòn. Hay tin này nhà binh Nhật can thiệp và phản kháng kịch liệt. Bọn Pháp giành bắt Đức Thầy còn nhà binh Nhật thì quyết giựt lại viện cố Đức Thầy có liên lạc với Trùng Khánh. Trước sự can thiệp quyết liệt của nhà binh Nhật, bọn Pháp đành nhượng bộ. Thế là Đức Thầy được giải cứu. Nhà binh Nhật đưa Ngài về phòng Thương Mãi (Hội trường Diên Hồng) lúc bấy giờ là cơ sở của Hiến Binh Nhật. Ngài lưu lại đây trong vòng hai tháng rồi dọn về số 148 đường Lefèvre, hiện nay là đường Nguyễn Công Trứ, phía sau Thượng Nghị Viện. Sau đó ít lâu dọn qua căn số 150 kể đó cho đến ngày Nhật đảo chánh Pháp.

Từ khi quân Nhật giải cứu Đức Thầy và đem Ngài về ở tại phòng Thương Mãi, trong vòng bảo vệ của Hiến Binh Nhật, thì quân Pháp khởi sự khủng bố tín đồ Phật Giáo Hòa Hảo vì chúng cảm thấy số phận

của chúng lâm nguy nếu để quân đội Nhật lôi cuốn được sự hợp tác của khối tín đồ đồng đảo này.

Nhiều nơi tín đồ bị bắt bớ, những người có uy tín ở Lục tỉnh phải tìm đường ẩn lánh lên Sài Gòn nhờ sự che chở của Đức Thầy. Vì vậy mà Ngài phải dành cả căn phố cho anh em tá túc. Về thực phẩm thì anh em ở Lục tỉnh thường xuyên tiếp tế.

Có hôm, sau khi dùng cơm trưa, anh em nằm nghỉ, Đức Thầy bước qua thấy anh em nằm sấp lớp không khác gì tắm trong nông thì nói rằng: Có khác gì tắm đâu, khi ăn dẫu no rồi thì nằm nghỉ. Nhưng đây là thứ tắm không kéo kén.

Đây là những anh em hữu phước được Đức Thầy chở che nên thoát khỏi sự khủng bố của quân Pháp.

Chỉ thảm thương cho một số anh em khác, vì không kịp thoát thân nên bị quân Pháp bắt và đày đi. Người lên Bà Rá, kẻ ra Côn Đảo. Có một số lớn đã bỏ thân nơi rừng thiêng nước độc hay gửi xương ngoài Côn Đảo. Trong bảng "**Những Thánh tử Đạo**" nên ghi nhớ những tên Ông Cả Đô, Ông Cả Từ, ông Dương Thiện Tứ tự Sừ.

Trong lúc tá túc tại nhà ở đường Lefèvre, có một số anh em tín đồ, vì chờ mãi thời cuộc mà không thấy biến chuyển nên đâm ra chán nản, hoặc than trách hoặc bỏ đi.

Cũng có người tỏ ý không bằng lòng khi Đức Thầy để cho người Nhật bảo vệ. Như thế sợ e mang tiếng ỷ lại vào ngoại bang thì Ngài có làm hai câu đối sau đây để tỏ ý chí bất khuất của Ngài:

***Trương Tiên Tá Hồn phi thân Hồn,
Quan Thánh cư Tào bất đê Tào.***

Mặc dầu chưa tung bay cất cánh, thỏa chí chim bằng, Ngài cũng bắt đầu tiếp xúc các nhà trí thức, nhứt là những nhóm ái quốc, thừa cơ hội uy thế của Pháp bị quân Phù Tang làm giảm hạ, đứng ra tập hợp hàng ngũ, tổ chức thành đoàn thể chánh trị, đương nhiên thân Nhật. Trong số đó được biết nhóm ông Ngô Đình Đẩu, Trần Văn Ân... trong Ủy Ban Trung Ương Việt Nam Phục Quốc Hội, nhóm Việt Nam Thanh Niên Ái Quốc Đoàn của ông Đinh Khắc Thiệt.

Đối với đoàn Thanh Niên Ái Quốc, Ngài có phái ông Hồ Nhật Tân đến tham gia các phiên họp để trợ trường tinh thần và tài chánh Ngài cũng có làm thơ tặng đoàn để khích lệ chí anh hùng, đề cao lòng yêu nước, trong những câu như sau:

*Thanh niên nghĩa vụ phi thường,
Phận là phải biết yêu thương giống nòi.
Nay chẳng lẽ ngồi coi thẳng bại,
Của cọp rồng trên dãy đất ta.
Một khi cọp đã lìa nhà,
Biết rồng có chịu buông tha chẳng cùng?
Vậy anh em phải chung lưng lại,
Dùng sức mình đánh bại kẻ thù;*

*Tỏ ra khí phách trượng phu,
Vung long tuyến kiếm tận tru gian thần.
Xưa nước đã bao lần khuynh đảo,
Được cứu nguy nhờ máu anh hùng;
Hy sinh báo quốc tận trung,
Đem bầu nhiệt huyết so cùng sắt gang,
Việt Nam là giống Hồng Bàng,
Muôn đời xa lánh tai nạn diệt vong.*

Ngài không ngớt tiếp xúc và chuẩn bị hàng ngũ, vì Ngài tiên đoán cơ hội sẽ đến cho dân Việt Nam tranh đấu, giành lại chủ quyền đã mất trong tay Pháp ngót 80 năm nay. Ngày mà mọi người mong đợi ấy đã đến. Đó là ngày mồng 9 tháng 3 năm 1945, ngày Nhật đảo chánh Pháp, ngày Đức Huỳnh Giáo Chủ chấm dứt giai đoạn ràng buộc bước sang giai đoạn công khai hoạt động đấu tranh.

THIÊN THỨ HAI

GIAI ĐOẠN HOẠT ĐỘNG ĐẤU TRANH

Chương VII: Vận Động Độc Lập

Ngay khi Nhật đảo chánh Pháp ngày 9-3-1945, chánh quyền Nhật lên thay thế chánh quyền Pháp, các đảng phái quốc gia được tự do hoạt động. Đức Huỳnh Giáo Chủ, để ứng phó với tình thế mới, bèn đưa ra một tổ chức tranh đấu lấy tên là Việt Nam Độc Lập Vận Động Hội.

ĐỘC LẬP VẬN ĐỘNG. – Đứng trước việc thay đổi đột ngột tình hình nước nhà, có hai việc khẩn cấp cần phải làm: một là ngăn chặn mọi sự trả thù trong dân chúng; hai là phải tổ chức hàng ngũ đấu tranh.

1. Ngăn chặn các cuộc trả thù. – Trong thời kỳ Pháp thuộc, bọn thực dân thi hành một chánh sách hết sức hà khắc đối với nhân dân, nhứt là những phần tử yêu nước. Phụ họa theo bọn tham tàn cướp nước, còn có một đám tay sai, đành cam tâm làm tôi tớ cho ngoại địch vì một chút lợi danh, đem thân làm những việc bỉ ổi, sâu

dân một nước, giết hại đồng bào. Đó là những hạng cường hào ác bá trong hương thôn và đám chó săn chìm nổi ngoài thành thị.

Ý lại thể lực thực dân che chở, chúng đã gây nên bao nhiêu tội lỗi trong nhân dân, kết thành thù oán, nhỏ nhất thì là thù oán cá nhân, lớn hơn thì là thù oán giữa tộc họ làng nước.

Một khi cơ cấu đàn áp bị phá vỡ, đương nhiên sức đối kháng sẽ chỗi dậy. Để thỏa mãn thù oán cá nhân, nhiều cuộc giết hại, thanh toán đã xảy ra.

Để ngăn chặn mọi hành động trả thù riêng, như đốt phá nhà cửa, hoặc trộm cướp, sát nhân, làm rối trật tự, có hại cho sự kiến thiết "quốc gia", Đức Huỳnh Giáo Chủ đã tha thiết kêu gọi lòng "từ bi bác ái, dĩ đức háo sanh khoan hồng đại độ" đối với hạng người lầm đường lạc lối, gây nên lắm tội tình, và đồng thời khuyên tất cả đồng bào muốn tỏ ra xứng đáng là "Một người dân một nước tự do thì hãy quên hết những mối thù hềm ganh ghét, đừng bày ra cái họa nôi da xáo thịt khiến cho ngoại nhân khinh bỉ một dân tộc như dân tộc Việt Nam ta đã có nhiều tấm lòng nhân hậu và những trang lịch sử vẻ vang".

Lời kêu gọi ấy đã cứu được bao nhiêu giọt máu đổ ra, chẳng những giữa đồng bào với đồng bào mà còn giữa đồng bào với ngoại chủng, chẳng phụ lời kêu gọi tha thiết đầy lòng đạo đức từ bi của Ngài: "*Trước kia chúng nó hà khắc ta, chúng đã đành; ngày nay ta hà khắc lại, sao đành. Vì lòng chúng nó đầy sự hung tàn, còn lòng ta lại đầy nhân ái*".

2. Đoàn kết và tổ chức. – Hành động thứ hai của Ngài là đồng thời với sự ngăn chặn mọi cuộc trả thù còn phải thực hiện cho được sự đoàn kết giữa các giới đồng bào để tranh đấu cho sự độc lập nước nhà.

Để thực hiện cuộc đoàn kết ấy, Ngài cho ra đời một tổ chức mệnh danh là Việt Nam Độc Lập Vận Động Hội, kêu gọi các tầng lớp nhân dân thuộc thành phần: trí thức Việt Nam, các bạn thanh niên, các nhà thương mãi, nông gia, thợ thuyền, các cụ đồ nho, các nhà sư hãy cùng nhau đoàn kết thành một lực lượng vận động cho cuộc độc lập quốc gia.

Trong bản hiệu triệu, Ngài có viết:

"Gần ngót trăm năm nay đồng bào trải biết bao cay đắng, lớp kẻ thù giày đạp, lớp quan lại tham ô, vì thế nên người dân Việt Nam gánh vác biết bao nhiêu sưu thuế nặng nề. Kẻ thù đã lợi dụng chánh sách ngu dân để nhồi sọ quần chúng, gây mầm chia rẽ Bắc, Nam, Trung, phá rối sự đoàn kết, hầu mong cho cuộc đô hộ được vĩnh viễn trên giải non sông đất nước mà Tổ Tiên ta phải biết bao máu đào mới gây dựng được.

"Vả lại từ trước cho đến nay các bậc anh hùng, các nhà chiến sĩ khắp ba kỳ đã bao phen vùng vẫy chống lại quân thù mong gây dựng lại nền Độc lập cho quê hương đất Việt".

"Nhưng than ôi ! chỉ vì thiếu khí giới tối tân, chỉ vì sơ đường luyện tập

mà giọt máu anh hùng đành hòa với bao nhiêu giọt lệ, khóc phút sa cơ, để lại cho người đồng thời và cho đoàn hậu thế muôn vàn tiếc thương ân hận”.

Rồi Ngài kêu gọi:

“Hỡi đồng bào Việt Nam !”

“Chúng ta đã bước và đang bước đến một khúc nghiêm trọng trên lịch sử. Giờ đây ta đã có thêm nhiều đặc quyền lo lắng đến cái giang san gấm vóc của Tổ Tiên ta di truyền lại.

“Vận động cuộc Độc Lập!

“Vận động cuộc Độc lập!

“Phải ! Toàn quốc phải liên hiệp vận động cho cuộc Độc lập. Đây là cái chủ trương duy nhất của Việt Nam Độc Lập Vận Động Hội”.

Sau ngày đảo chánh 9-3-1945, mọi giới đồng bào, nhứt là các nhà trí thức đều tỏ vẻ lạc quan, tin chắc theo lời hứa hẹn của quân đội Nhật, nước Việt Nam sẽ tuyên bố hoàn toàn độc lập.

Phương chi, sau ngày đảo chánh Pháp, Hoàng đế Bảo Đại tuyên bố Việt Nam là một nước Độc lập, hủy bỏ tất cả hòa ước đã ký với Pháp, nhứt là có chánh phủ Trần Trọng Kim là một chánh phủ của một quốc gia độc lập thì còn gì phải vận động nữa, như Đức Huỳnh Giáo Chủ đã chủ trương.

Trong một cuộc lễ mừng ngày độc lập, tổ chức tại vườn Ông Thượng tức vườn Tao Đàn, nhiều chánh khách lấy làm lạ sao Đức Thầy còn đưa ra lời Hiệu triệu kêu gọi đồng bào các giới tham gia Việt Nam Độc Lập Vận Động Hội để cùng nhau “vận động cuộc độc lập” cho quốc gia thì Ngài có cho biết rằng: Việt Nam chúng ta chưa độc lập đâu. Cần phải tích cực vận động mới mong thực hiện được.

Lời nói của Ngài quả thật không sai. Cuộc chiến tranh dai dẳng kéo dài một phần tư thế kỷ, gieo tang tóc cho đất nước, đau khổ cho đồng bào, đủ xác nhận lời nói của Đức Huỳnh Giáo Chủ là lời tiên tri, biết trước thời cuộc.

ĐI KINH LÝ. – Sau cuộc đảo chánh ngày 9-3-1945, tình hình trở nên bất ổn ở các tỉnh do sự thay đổi đột ngột chánh quyền từ tay người Pháp qua tay người Việt. Nhiều nơi dân chúng chống lại viên quan người Việt mới nhậm chức, vì lẽ quan ấy đã gây lăm tội tình trong thời kỳ Pháp thuộc. Có nơi, bộ máy an ninh sụp đổ vì các viên chức Pháp bị bắt cầm tù, nên xảy ra lăm trò cướp bóc, giết người vì thù oán cá nhân.

Nhà binh Nhật bèn yêu cầu Đức Thầy về các tỉnh miền Tây để trấn an dân chúng cùng xếp đặt việc trị lý cho có qui mô, bởi chúng biết ảnh hưởng của Ngài ở Hậu Giang và chỉ có Ngài mới đủ uy tín dàn xếp.

Ngài nhận thấy cũng là cơ hội cho Ngài thăm anh em tín đồ nhứt là Thánh Địa Hòa Hảo, Đức Ông Đức Bà đã xa cách tính ra gần sáu

năm, và cũng là dịp cho Ngài soát lại cơ cấu của nền Đạo hầu chấn chỉnh lại cho phù hợp lại với sự đổi mới của đất nước.

Ngài khởi hành hồi 2 giờ rưỡi chiều ngày mồng 9 tháng 2 năm Ất Dậu, nhằm ngày 22-3-1945. Sau đây là lộ trình của cuộc kinh lý:

Ngày 9-2 Ất Dậu rời Sài Gòn, ghé Mỹ Tho, Cái Lậy, Vĩnh Long và đến Cần Thơ. Ngài ở đây ba hôm mới đi Long Xuyên.

Ngày 13-2 Ất Dậu (nhằm ngày 26-3-1945) đến Long Xuyên và nghỉ ở đây một đêm.

Sáng ngày 14-2 Ất Dậu (nhằm 27-3-1945) đi Châu Đốc và ở đây một đêm.

Sáng ngày 15-2 Ất Dậu (28-3-1945) về Hòa Hảo thăm thân sinh và ở đây một ngày.

Ngày 16-2 Ất Dậu (29-3-1945) đi Long Xuyên và ở đây 2 ngày.

Sáng ngày 19-2 Ất Dậu (1-4-1945) đi về Sài Gòn có ghé Sa Đéc.

Sau cuộc kinh lý Hậu Giang của Đức Thầy người Nhựt thấy uy thế của Ngài rất lớn ở vùng châu thổ sông Cửu Long. Ngài đi đến đâu đều được khối tín đồ hùng hậu nghinh tiếp nhiệt liệt, nên có ý lo sợ lực lượng quần chúng Phật Giáo Hòa Hảo có thể làm trở ngại chương trình Liên – Á của quân Phiệt Nhựt; vì vậy họ có ý muốn Đức Thầy đứng trên vị trí tôn giáo hoạt động hơn trên địa hạt chánh trị. Có lẽ vì thế mà chương trình của Việt Nam Độc Lập Vận Động Hội không thực hiện.

Chương VIII: TỔ CHỨC HÀNG NGŨ

Đức Thầy vẫn biết tham vọng của quân phiệt Nhựt muốn thực hiện cái ác mộng làm chủ Đông Á, như Ngài đã thấy thâm tâm của họ, khi chiếm Đông Dương hay Tân Gia Ba, thay vì tuyên bố cho các phần đất thuộc địa này được độc lập, giao trả quyền cai trị lại cho bốn xứ, họ lại thi hành chánh sách "dịch chủ tái nô", nghĩa là họ thay thế địa vị của bọn thực dân cũ để xây dựng chế độ thực dân mới của họ.

Đức Thầy vẫn biết tham vọng ấy nên chi đã thổ lộ tâm tư trong hai câu đối:

*Trương Tiên tá Hồn phi thân Hồn,
Quan Thánh cư Tào bất đê Tào.*

Ngài sở dĩ đi với Nhựt là để khỏi bị Pháp mưu hại mà thôi. Ngài sống với Nhựt cũng như Quan Công xưa kia sống với Tào Tháo trong lúc thất thủ để chờ cơ hội thoát ly.

Phương chi Ngài biết trước thời cơ, thế nào quân Nhựt vận số cũng không chịu nổi cuộc phản công của Đồng Minh hết năm Dậu (1945) nên chi trong một bữa ăn đãi quan Nhựt, nhằm ngày 30 tức ngày chay lạt, mà Ngài cho làm gà. Có người tín đồ nhắc Ngài thì Ngài nói: người Nhựt ăn không hết nửa con gà.

Như vậy Ngài đã biết trước Nhựt không tồn tại hết nửa năm Dậu

(1945). Ngài đã thấu rõ máy huyền cơ nên chi Ngài âm thầm lo liệu để kịp kỳ ứng phó với thời thế.

BAN TRỊ SỰ PHẬT-GIÁO-HÒA-HẢO. – Từ ngày Đức Thầy ra đời cho đến khi bị đưa đi lưu cư, không có khoảng thời gian nào rảnh để cho Ngài sắp xếp nền Đạo thành một tổ chức có qui mô, hệ thống. Mãi cho đến khi được đưa về Sài Gòn, nương náu trong vòng bảo vệ của Hiến Binh Nhựt, nghĩa là từ ngày dời về căn nhà ở đường Lefèvre, Ngài mới được rảnh trí để lo sắp xếp nội bộ: Tổ chức các Ban Trị Sự.

Mặc dầu gọi là Ban trị Sự và nền Đạo nên danh là Phật Giáo Hòa Hảo, nhưng về tổ chức chưa dựa vào điều lệ hay nội qui nào. Ngài chọn lựa trong hàng tín đồ thuần thành những người có đạo hạnh và uy tín trong vùng rồi chỉ định hoặc làm Hội Trưởng Tỉnh bộ, Quận bộ hay Thôn bộ. Người được chọn sẽ tùy tiện giới thiệu thêm người khác. Thành thử trong Ban Trị Sự không có con số nhất định.

Đó là tình trạng các Hội trưởng trong Ban Trị Sự Phật Giáo Hòa Hảo hồi lúc Đức Thầy còn bị ràng buộc nương náu trong vòng bảo vệ của Hiến Binh Nhựt.

Do sự tổ chức rời rạc ấy mà trong lúc Đức Thầy đi kinh lý miền Tây, cuộc tiếp rước không được nhất trí và xảy ra những điều phiền toái làm cho Ngài khó xử trí khi có nhiều tín đồ giành nhau đón Ngài về nhà mình.

Đến nay được công khai hoạt động, nhất là để chấm dứt tình trạng tổ chức rời rạc, Ngài mới nghĩ đến sự chỉnh đốn lại các Ban Trị Sự và tổ chức thành hệ thống.

Mặc dầu không có điều lệ, Đức Thầy cũng đã có ý niệm về hình thức Ban Trị Sự gồm có 1 Hội Trưởng, 1 Phó Hội Trưởng, 1 Thư ký, 1 Thủ bản, 1 viên tổ chức, 1 viên liên lạc, 1 viên tuyên truyền, một số kiểm soát và cố vấn.

Sau khi chỉnh đốn xong cơ cấu các cấp Tỉnh, Ngài mới nghĩ đến việc sắp xếp cơ quan Trung Ương. Cứ như được biết vào khoảng tháng 5 năm 1945. Ban Trị Sự Trung Ương được thành hình trong đó Đức Thầy giữ chức Chánh Hội Trưởng, còn ông Lương Trọng Tường chức Chánh Thư Ký (1). Ngoài ra còn được biết quý ông Trần Văn Tâm, La Văn Thuận và một số nữa không nhớ tên, lãnh các chức vụ khác trong Ban Trị Sự Trung Ương.

(1). Cứ như được biết Đức Thầy có cấp cho ông Tường giấy chứng minh chức Chánh Thư Ký, nhưng vài hôm sau thì thâu hồi.

VIỆT NAM PHẬT GIÁO LIÊN HIỆP HỘI. – Thật ra thì khi Ngài về ở căn nhà đường Lefèvre, Ngài đã dự thảo chương trình thống hợp các tông phái Phật Giáo thành một lực lượng lấy tên là Việt Nam Phật Giáo Liên Hiệp Hội.

Trong bài Hiệu Triệu của Việt Nam Độc Lập Vận Động Hội, Ngài đã có lời kêu gọi thống nhất giới tu hành theo Phật Đạo như sau:

Các bậc Tăng Sư, Thiên Đức! Các Cụ có nhớ chăng? Trên lịch sử Việt Nam thời xưa, nhà Đại Đức "Khuông Việt" đầu khoác áo cà sa rời miền tục lụy, thế mà khi Quốc gia hữu sự cũng ra tay gánh vác non sông,

"Từ khi người Pháp qua chiếm đất ta, bề ngoài gọi rằng cho ta tự do tín ngưỡng; nhưng bên trong tìm đủ mọi cách âm thầm chia rẽ và phá hoại cho tín đồ nhà Phật không có sức đoàn kết chấn hưng hầu bài trừ cái lưu tệ dị đoan mê tín.

"Đã vậy lại không có cơ quan tuyên truyền thống nhất, cũng chẳng có trường chung đào luyện Tăng Sư. Các cụ nên biết: hễ nước mất thì cơ sở của Đạo phải bị lấp vùi, nước còn nền Đạo được phát khai rực rỡ."

Để cụ thể hóa sự đoàn kết, Ngài thành lập Việt Nam Phật Giáo Liên Hiệp Hội với tôn chỉ liên hiệp các tông phái đạo Phật, các nhà Sư, các nhà trí thức có xu hướng về Phật Giáo, để:

1. Tìm cách nâng cao tinh thần đạo Phật.
2. Tìm những phương tiện cứu giúp kẻ nguy nạn vì thời cuộc hiện tại gây ra.
3. Giúp đỡ lẫn nhau trong việc quan, hôn, tang tế.
4. Bình vực lẫn nhau trong sự tín ngưỡng tự do.

Để đạt mục đích trên, Hội sẽ tổ chức ba đặc ban:

a) **Ban nghiên cứu Đạo Phật** gồm có những nhà Sư, những nhà thông thái để hằng ngày tra cứu kinh điển dịch sách hay viết sách nói về Đạo Phật.

b) **Ban Huân luyện và truyền bá** gồm các nhà Sư, cư sĩ trí thức hoạt động được hội phái đi các nơi giảng giải Đạo Phật cho đại chúng, hoặc giả mở trường dạy Đạo Phật.

c) **Ban chẩn tế** gồm có các nhà hảo tâm thiện nam tín nữ hoạt động chuyên lo cứu giúp kẻ nghèo nàn đói khó, tật bệnh, hoặc giả thành lập các nhà dưỡng lão hay nuôi kẻ mồ côi người tàn tật.

Nếu có thể được, mua trữ thuốc men vải sớ, lúa gạo để dành cho cuộc phước thiện.

Vấn tưởng Hội sẽ được các nhà Sư hưởng ứng, nhưng trái lại, vì tinh thần "riêng chùa riêng Phật" nên Hội đành chết non.

ĐI KHUYẾN NÔNG. – Bắt đầu từ năm 1944 trận thế chiến thứ hai trở nên ác liệt do Đồng Minh phản công thắng lợi ở mặt trận Thái Bình Dương. Việt Nam bị phong tỏa, hàng hóa không nhập cảng được trở nên khan hiếm đắt đỏ, trái lại lúa gạo vì không xuất cảng được nên mất giá rẻ mạt. Trong lúc đồng bào miền Bắc thiếu gạo ăn thì ở Sài Gòn người Pháp dùng lúa thế cho than chum các nhà máy điện. Vì giá lúa quá rẻ, nông gia bắt đầu bỏ ruộng hoang, xoay qua làm nghề

khác. Tình hình nông nghiệp lâm nguy.

Để cứu vãn tình thế, người Nhựt yêu cầu Đức Huỳnh Giáo Chủ đi khuyến nông, vì chúng biết Ngài có ảnh hưởng rất lớn vùng châu thổ sông Cửu Long là vùng đất phù sa màu mỡ, vừa lúa của miền Nam, trong lúc bình thường đã sản xuất chẳng những dư sức nuôi miền Trung miền Bắc mà còn thừa thãi xuất cảng ra nước ngoài đem lại cho nước nhà một nguồn ngoại tệ rất lớn.

Thừa cơ hội này, Đức Thầy nhận lời đi khuyến nông trước là khuyến khích nông dân, sau là củng cố hàng ngũ. Hơn thế nữa riêng Ngài cũng cảm thấy có nhiệm vụ thiêng liêng đối với dân tộc, nên chi Ngài đứng ra cổ võ đồng bào miền Nam, ngoài việc tăng gia sản xuất còn chung sức, nào tiền nào gạo chở ra cứu giúp, và cũng là dịp cho Ngài thăm viếng khuyến miễn tìn đồ bấy lâu xa cách.

Cuộc hành trình này được mệnh danh là cuộc Khuyến nông, kéo dài trong hai tháng, đi khắp các tỉnh miền Tây Nam Việt, diễn thuyết 107 nơi, số người đến nghe trùng trùng điệp điệp.

Bấy lâu có người mộ đạo đã tự qui y mặc dầu chưa hề gặp Ngài, cũng có người nghe danh cảm mộ mà không biết mặt, nay nghe tin Ngài về thì vô cùng hân hoan phấn khởi. Sự vui mừng của anh em tín đồ trong mong Ngài về không còn bút mực nào tả cho hết. Người ta dựng lên những cổng chào ở mỗi chặng đường và dài theo lộ đặt bàn hương án tỏ lòng kính mộ không khác quang cảnh khi rước sắc Thần trong làng. Trên đường Ngài đi qua, già trẻ nữ nam sắp hàng theo hai bên vệ đường làm thành hàng rào dài, đứng chực chờ cả ngày cả buổi, không quản nắng mưa miễn được chiêm ngưỡng dung nhan. Có điều làm cho mọi người cảm động là mỗi khi Ngài đi qua, nhiều cụ mừng đến rơi lệ đầm dề, nghẹn ngào chào mừng không nên tiếng.

Và một khi Ngài đi qua rồi thì anh em rùng rùng, hoặc đạp xe hoặc kéo bộ chạy theo tạo thành một quang cảnh tấp nập làm trở ngại cuộc lưu hành. Vì vậy mà Ngài ra lệnh, ai ở đâu thì tiếp rước ở đó, chớ không được qua vị trí khác. Mặc dầu có lệnh cấm, nhưng cũng có người khéo léo tìm cách đi trước, bằng đường thủy thay vì bằng đường bộ.

Vì số người đến đón quá đông nên cuộc tiếp rước phải tổ chức ở những nơi rộng rãi, thường là sân vận động, đình chùa hay rạp hát mới chứa hết.

Ở mỗi địa điểm tập hợp, người ta có dựng một diễn đài cao để cho mọi người ba bên bốn bề, dầu ở xa cũng trông thấy hình dáng, gương mặt hay bộ tịch của Ngài khi lên thuyết giảng.

Mặc dầu đông đảo không thể tưởng tượng, nhưng khi Ngài cất tiếng thì đầu đó đều lặng lẽ, cho nên dầu ở xa cũng nghe tỏ rõ. Ngài có một giọng nói thanh tao, trong trẻo, hấp dẫn lạ thường, vừa hùng hồn vừa truyền cảm. Ai nghe cũng xúc động, khi mũi lòng rơi lệ, lúc phấn khởi hân hoan.

Ngài nói thao thao bất tuyệt, ai ai cũng nhận Ngài có tài hùng biện, nói rất khỏe, nói không vấp, nói có mạch lạc, rất hấp dẫn. Có ngày, Ngài đăng đàn 5, 6 chỗ, nói ngót hai ba tiếng đồng hồ mà

không thấy mệt, không tiếng khan. Mỗi ngày dờ chỗ nhiều lần mà không nơi nào diễn giải giống nơi nào, đầu người với trình độ nào nghe cũng thích thú.

Vì Ngài ám thông tâm lý nên nói rất phù hợp mọi căn cơ, khi thì với giọng bình dị khi thì văn vẻ cao siêu. Do đó người nghe không thấy chán, mặc dầu đứng lâu 2, 3 tiếng đồng hồ, càng nghe càng thấy khoái cảm, say mê.

Với bất cứ đề tài nào, Ngài cũng nói trôi chảy, thông suốt từ cảnh đồng bào chết đói ngoài Bắc, hết sức thâm cảm, qua những lời thiết tha kêu gọi nông dân nỗ lực cấy cày, đến những giáo lý cao siêu của nhà Phật, đề tài nào Ngài cũng diễn giảng thao thao bất tuyệt, nhả ngọc phun châu, càng lúc càng thu hút đông người đến nghe, đổ xô như nước lũ.

Trong thời gian "đi khuyến nông" có vài việc làm cho Ngài bức mình là anh em tín đồ tranh nhau rước Ngài về nhà riêng. Cho được công bằng, khỏi mất lòng người này, được lòng người khác, Ngài chỉ chấp nhận đến hội quán, bằng không thì đến ở nhà hàng.

Sau đây là lộ trình khuyến nông:

Khởi hành tại Sài Gòn ngày mồng 1 tháng 5 năm Ất Dậu, nhằm ngày 10-6-1945, đi thẳng xuống Cần Thơ rồi đến Cái Răng, Sóc Trăng, Bãi Xào.

Sau khi thuyết giảng tại Sóc Trăng và Bãi Xào, phái đoàn đến Bạc Liêu ngày mồng 6 tháng 5 năm Ất Dậu tức ngày 15-6-1945. Đến đây Ngài nghỉ ở nhà ông Võ Văn Giỏi.

Chiều ngày mồng 7 tháng 5 năm Ất Dậu, Ngài thuyết giảng tại đình Tân Hưng trong châu thành Bạc Liêu.

Ngày mồng 8 tháng 5 năm Ất Dậu, Ngài khuyến nông ở Vĩnh Châu và chiều lại thuyết giảng tại Sóc Đồn làng Hưng Hội.

Ngày sau tức ngày 9 tháng 5 năm Ất Dậu, Ngài đi thăm Linh Quang Tự của ông Chung Bá Khánh dựng trong đồn điền của ông ở làng Vĩnh Lợi và thuyết Pháp rồi nghỉ trưa ở đây. Chiều lại Ngài trở về nhà ông Võ Văn Giỏi ở Bạc Liêu. Trong thời gian ở Bạc Liêu, Ngài có đi Hòa Bình, Gia Rai và Cà Mau.

Ngày 12 tháng 5 năm Ất Dậu nhằm ngày 21-6-1945 phái đoàn từ giã Bạc Liêu đi Rạch Giá, trải qua Vị Thanh, Giồng Riềng, và đến Rạch Giá ngày 16 tháng 5 năm Ất Dậu, ở nhà ông Nguyễn Công Hầu.

Hôm sau, ngày 17 tháng 5 Ất Dậu, Ngài đi Cái Sắn, Tân Hội rồi trở về Rạch Giá, nghỉ hai ngày 19 và 20.

Ngày 21 tháng 5 năm Ất Dậu, Ngài đi Sóc Xoài và Ba Hòn bằng ghe máy.

Trong thời gian ở Rạch Giá, Ngài diễn giảng tại rạp Hòa Lạc và đến thăm đình thờ Quan Thượng Đẳng Đại Thần Nguyễn Trung Trực và quan Phó Cơ Điều tại làng Vĩnh Thanh Vân trong châu thành Rạch Giá.

Từ giã Rạch Giá, phái đoàn đi Hà Tiên nơi đây có sẵn xe của ông

Phán Hồ Viết Long và thầy thuốc Đỗ Văn Viễn chực chờ rước về Châu Đốc. Khi xe về gần tới Châu Đốc thì được tin Hà Tiên bị Đồng Minh dội bom. Ngài vừa ghé nhà ông Phán Long thì chợ Châu Đốc có báo động. Ngày ấy Ngài dùng cơm nhà thầy thuốc Viễn và nghỉ đêm ở đó.

Sáng hôm sau, Ngài thuyết giảng tại sân vận động. Trưa lại Ngài đi Bình Di thuyết giảng tại làng Khánh Bình.

Hôm sau Ngài thuyết giảng ở Tịnh Biên rồi bận về có ghé Xà Tón, Thới Sơn, Nhà Bàn. Khi tới núi Sam Ngài có viếng mộ Phật Thầy và tỏ ra buồn bực.

Ngày hôm sau, Ngài đến thuyết giảng tại chợ Cái Dầu làng Bình Long.

Bữa sau Ngài qua Tân Châu, thuyết giảng tại sân vận động, dùng cơm trưa nhà ông Quan Hữu Kim, rồi đi Hồng Ngự, thuyết giảng tại nhà Hương Sư Sô, Hội Trưởng Ban Trị Sự Quận Hồng Ngự. Chiều lại Ngài về tới Hòa Hảo ngày 20 tháng 5 năm Ất Dậu, nhằm ngày 5-7-1945.

Trên đường về Hòa Hảo, Ngài cho ghe máy ghé thăm ông Năm Hiệu. Ngài lên tới nhà thì ông Năm Hiệu đã tắt thở trước đó 10 phút.

Ngài dặn trong gia đình ngày mai (17-5-Ất Dậu) khi Ngài thuyết giảng ở Chợ Vàm về sẽ an táng.

Đêm về Hòa Hảo anh em tín đồ tự lại đông đảo xếp hàng từ trong nhà Đức Ông ra đến đại lộ, lên đến Chợ Cái Tắc (Mỹ Lương), Đức Thầy phải đi bộ cho anh em thấy mặt qua ánh sáng của chiếc đèn "măng-sông" do một người xách theo.

Sáng ngày 27 tháng 5 Ất Dậu, Ngài dẫn đoàn Chợ Vàm làng Phú An, tổ chức tại sân vận động. Buổi trưa Ngài dùng cơm tại nhà Hương Hào Phi.

Trên đường về, Ngài có ghé đưa linh cữu ông Năm Hiệu ra phần mộ.

Chiều ngày hôm đó, Ngài thuyết giảng tại đình Hòa Hảo.

Trong mấy ngày ở Hòa Hảo, Ngài có làm lễ đem lư hương từ Tổ Đình xuống chùa An Hòa Tự, nhằm ngày 30 tháng 5 Ất Dậu (15-7-1945)

Sáng ngày mồng 1 tháng 6 năm Ất Dậu, Ngài qua Năng Gù nơi đây có xe Ban Trị sự tỉnh Long Xuyên đón Ngài rước về tỉnh lỵ Long Xuyên, tới đây độ 11 giờ và ở trọ nơi khách sạn của tỉnh thành.

Ngày mồng 2 tháng 6 năm Ất Dậu, Ngài đi Vĩnh Trạch và Núi Sập.

Ngày 3 tháng 6 năm Ất Dậu Ngài đi thuyết giảng ở Chợ Mới.

Ngày 4 tháng 6, Ngài đi Mỹ Luông.

Ngày 5 tháng 6, Ngài đi Đốc Vàng, chiều trở về Mỹ Hội Đông.

Sáng hôm sau Ngài thuyết giảng tại sân vận động của làng này rồi về Long Xuyên và thuyết giảng tại công sở làng Mỹ Phước (Châu thành Long Xuyên).

Ngày hôm sau Ngài đi Cái Sắn.

Hôm sau, Ngài đi Thốt Nốt và chiều trở về nghỉ tại Long Xuyên.

Đến 11 giờ đêm, Ngài đi luôn về Cần Thơ để hôm sau thuyết giảng tại sân vận động.

Bữa sau, Ngài đi Xà No thăm Hương Bộ Thạnh rồi thuyết giảng tại Cái Tắc. Bữa sau nữa, Ngài đi khuyến nông tại Phụng Hiệp và Cái Răng. Và mấy ngày sau đó, Ngài đi thuyết giảng ở Trà Mơn, Ô Môn, Cờ Đỏ.

Sau Cần Thơ, Ngài đi Sa Đéc, Cao Lãnh, Vĩnh Long, Tam Bình, An Trường, Trà Vinh, Cà Long đến Bến Tre rồi trở về Sài Gòn.

Mặc dầu, cuộc khuyến nông kéo dài trong 2 tháng nhưng không nơi nào Ngài ở lâu. Ngài chỉ đi thoáng qua cho anh em tín đồ được trông thấy dung nhan của Ngài cho thỏa lòng bấy lâu mong ước. Tuy Ngài đã đi rồi, nhưng anh em vẫn ghi đậm hình dáng của Ngài vào tâm não, nhứt là lời vàng ngọc của Ngài đã khuyến giáo. Anh em đa số đều thuộc nằm lòng những đoạn trong bài khuyến nông và nông nã thi hành theo lời của Ngài tha thiết kêu gọi:

*Giờ đây xem lại mùa màng,
Năm rồi miền Bắc tan hoang còn gì.
Chỉ có xứ Nam kỳ béo bở,
Cơ hội này bỏ dở sao xong.
Cả kê điền chủ, phu nông,
Đứng lên đừng để ruộng đồng bỏ hoang.
Muốn cứu khỏi tai nạn của nước,
No dạ dày là chước đầu tiên;
Nam kỳ đâu phải sống riêng,
Mà còn cung cấp cho miền Bắc Trung.*

Hoặc là:

*Kẻ phụ tá cũng trọng trách,
Cứu giống nòi quét sạch non sông;
Một phen vác cuốc ra đồng,
Thề rằng ruộng phải được trồng lúa khoai;
Mưa nắng ai đâu nài thân xác,
Chí hy sanh dầu thóc cũng cam;
Miễn sao cho cánh đồng Nam,
Dồi dào lúa chín gặt đem về nhà.
Chừng ấy mới hát ca vui vẻ,
Ai còn khi là kẻ dân ngu;
Không đem được chút công phu,
Không đem sức lực đền bù nước non.
Gởi một tấm lòng son nhắn nhủ,
Khuyên đồng bào hãy rữ cho đồng ;
Nắm tay trở lại cánh đồng,
Cần lao nhẩn nại Lạc Long cổ truyền.*

Sau 2 tháng đi khuyến nông về, đã có nhiều tai biến xảy ra tại Sài

Gòn, khiến Ngài vô cùng bi thảm viết ra bài thơ sau đây diễn tả cảnh Đồng Minh dội bom tàn phá Sài Gòn:

*Lìa Sài Gòn trong vòng hai tháng,
Khi lộn về tiệm quán tanh banh;
Bởi chúng pháo lữ phi hành,
Quảng bom mù quáng tan tành còn chi.
Động lòng của kẻ tử bi,
Tây phương tâu lại A Di Phật Đà.
Rằng bên thế giới Ta bà,
Chúng sanh tàn sát cũng là vì tham.
Di Đà mở cuộc hội đàm,
Cùng chư Bồ Tát quyết đăm pháp lành.
Tịnh bình rước khắp chúng sanh,
Làm cho giác ngộ hiền lành như Ta.
Công đồng hoạch định san hà,
Nước ai nấy ở nhà nhà tự do.*

Điều được biết là sau khi khuyến nông về. Ngài không lại căn nhà ở đường Lefèvre nữa mà đi thẳng lên biệt thự số 38 đường Miche (nay là đường Phùng Khắc Khoan) là nơi anh em tín đồ đã xếp đặt sẵn trong lúc Ngài đi Hậu Giang.

Chương IX: CHUẨN BỊ ĐẤU TRANH

Trong thời gian Đức Thầy đi khuyến nông tình hình quốc tế chuyển biến rất gấp, Sài Gòn liên tiếp bị oanh tạc; Đồng minh phản công thắng lợi khắp các mặt trận. Tin tức hàng ngày không ngớt loan báo Quân Mỹ hết chiếm đảo này đến chiếm đảo khác. Lực lượng của Nhật Hoàng mỗi ngày mỗi rút lui về căn cứ cuối cùng là quần đảo Phú Tang.

Sau cuộc khuyến nông. Đức Thầy trở về Sài Gòn vào khoảng cuối tháng 7 dương lịch. Cảnh tượng cho thấy quân Nhật không còn sức kháng cự lâu dài, có thể đi đến đầu hàng như Đức Quốc Xã ở Châu Âu. Ngay trong ngày 26 tháng 7 năm 1945, các đài phát thanh Đồng Minh nhứt loạt phổ biến lời kêu gọi Nhật đầu hàng vô điều kiện, theo quyết định của Tam cường tại Hội nghị Postdam vừa họp ngày 17-7-1945.

Đức Huỳnh Giáo Chủ đã nhìn thấy trước thời cuộc nên chi đã thổ lộ trong câu “Nhật không ăn hết nửa con gà” cũng như Ngài tổ chức Hội Vận động Độc lập thì hẳn Ngài phải tiên liệu mọi việc để kịp đối phó với biến chuyển sắp xảy đến.

Do đó khi đi khuyến nông về, Ngài liền bắt tay vào việc tổ chức các cơ cấu có tánh cách võ trang quân sự.

ĐỘI BẢO AN. – Ngài đã thấy trước Nhựt sẽ đầu hàng. Trong tình trạng này hương thôn sẽ trải qua một giai đoạn hỗn độn, vô trật tự hay có thể nói vô chánh phủ. Trước kia, khi Nhựt đảo chánh Pháp, đã chuẩn bị sẵn một bộ máy cai trị để thay thế, nhờ vậy mà giữ được an ninh trật tự, bởi bộ máy hành chánh được duy trì và tiếp tục hoạt động.

Nay nếu như Nhựt đầu hàng, bộ máy cai trị của Nhựt sẽ sụp đổ, trong lúc không có bộ máy cai trị hữu hiệu khác thay thế thì sao khỏi gây nên tình trạng rối loạn, vì cơ quan an ninh đã trở thành bất lực hay vô hiệu. Trong khoảng lê minh đó, chi cho khỏi xảy ra cướp bóc, giết hại do đám người thừa nước đục thả câu, gây nên để thỏa mãn dục vọng và thù oán cá nhân.

Để kịp thời ứng phó với cuộc biến chuyển sắp tới, điều hay nhất là Đức Thầy đưa ra một tổ chức ưu tiên điều động quần chúng thành những Đội Bảo An với mục đích:

- 1. Giữ việc trị an trong làng để phòng ngừa trộm cướp, giải tán những cuộc ẩu đả, bắt các đám cờ bạc, giữ gìn trật tự.*
- 2. Bảo vệ mùa màng.*
- 3. Tìm bắt kẻ gian.*

Cứ mỗi làng, tùy theo dân số nhiều ít mà tổ thành những Đội Bảo An, gồm những thanh niên thanh nữ, do một Đoàn trưởng chỉ huy. Cứ mỗi Tiểu đội có 1 Tiểu đội trưởng, mỗi Trung đội có 1 Trung đội trưởng. Tất cả đều đặt dưới quyền điều khiển của một viên Đoàn Trưởng.

Trong xã ấp, những nơi có vườn xoài, vườn tre, những nơi có bóng mát đều có lập sân tập võ, do một võ sư đứng ra huấn luyện. Ngoài các Đội Bảo An nam còn có các Đội Bảo An nữ, ngày đêm tập luyện võ thuật côn quyền và đao kiếm. Trên đường đi, ngày đêm không dứt tiếng đếm bước: một hai, một hai..., nhứt là những đêm trăng thanh, cảnh tượng tập dượt thật là nhiệt náo. Nam theo nam, nữ theo nữ, xếp thành hàng ngũ chỉnh tề, áo khăn đồng phục. Tinh thần thượng võ lên cao không lúc nào bằng.

Cũng nhờ các Đội Bảo An này, khi Nhựt đầu hàng mà làng xã trật tự được duy trì, an ninh được đảm bảo, nhứt là trong thời kỳ lực lượng kháng chiến rút lui, cơ quan hành chánh hoàn toàn sụp đổ.

ĐỆ TƯ SƯ ĐOÀN. – Sau việc thành lập Đội Bảo An một lực lượng bán quân sự, đoàn ngũ hóa nhân dân thành một lực lượng có nhiệm vụ bảo vệ hương thôn, Ngài còn thành lập lực lượng quân sự có nhiệm vụ to lớn hơn, là bảo vệ đất nước chống xâm lăng ngoại địch.

Sở dĩ Ngài gấp rút cho thành lập lực lượng quân sự là tình hình càng trở nên nghiêm trọng. Nhiều tin tức bất lợi dồn dập đưa đến.

Ngày 6 tháng 8 năm 1945 cả thế giới đều chấn động về quả bom nguyên tử của Mỹ thả xuống nước Nhật. Có thể nói đây là lần đầu tiên trên lịch sử nhân loại, một quả bom nguyên tử của Mỹ ném xuống thành phố Quảng Đảo của Nhật. Cả thành phố kỹ nghệ này trong nháy mắt bị hủy diệt bình địa với mấy trăm ngàn dân bị giết.

Ngày 7 tháng 8 năm 1945, Thủ Tướng Trần Trọng Kim xin từ chức toàn bộ nội các và được vua Bảo Đại lưu lại xử lý thường vụ.

Ngày 8 tháng 8 năm 1945, Nga tuyên chiến với Nhật và xua quân vào chiếm Mãn Châu. Cũng trong ngày này, một quả bom nguyên tử thứ hai của Mỹ thả xuống thành phố Trường Kỳ một thành phố kỹ nghệ của Nhật bị hủy diệt ra tro bụi với mấy trăm ngàn dân chết chảng toàn thây.

Hai ngày sau tức ngày 10 tháng 8 năm 1945, Nhật Hoàng triệu tập nội các phiên họp bất thường và khẩn cấp để quyết định xin đầu hàng Đồng Minh qua trung gian của Tòa Đại Sứ Thụy Điển.

Đứng trước những biến cố dồn dập xảy ra, cho thấy có thể đưa đến nhiều bất trắc cho Việt Nam, các đoàn thể tôn giáo cũng như chánh trị ở Sài Gòn khẩn cấp lo phòng bị để kịp thời ứng phó với tình hình, nhứt là về phương diện võ bị.

Trước tình cảnh của một chiếc thuyền sắp đắm, mọi người trên thuyền chỉ còn một phương pháp là mạnh ai nấy lợi, tự lo lấy cách thoát thân (Sauve qui peut).

Đó là tâm trạng các đoàn thể và chánh trị ở Sài Gòn đã đồng ý nhau, mỗi đoàn thể tổ chức lấy một Sư đoàn, tự triệu tập lấy binh sĩ và sĩ quan, tự võ trang cũng như tự lo liệu lấy quân nhu hay tiếp tế.

Vấn đề khó nhứt là sĩ quan hay cấp bậc chỉ huy, không thể một sớm một chiều mà tạo nên được, nhưng trong mỗi đoàn thể, thế nào cũng có người từng đi lính cho Pháp hay cho Nhật và được thăng lên cấp bậc sĩ quan, vì vậy mà sự thành lập sư đoàn phải dành quyền cho mỗi đoàn thể chiêu tập. Phương chi, trong thời kỳ Nhật chiếm đóng Đông Dương đã có nhiều đoàn thể tổ chức quân sự để hợp tác với

Nhật chống Pháp. Nay chỉ còn tập hợp và hoàn bị lại tổ chức thành Sư đoàn thì không phải là khó.

Kể ra có 4 Sư đoàn có thể triệu tập:

- Dân quân Cách mạng Đệ nhất Sư Đoàn của Trần Văn Giàu.

Giàu.

- Dân quân Cách mạng Đệ Nhị Sư Đoàn của Cao Đài.

- Dân quân Cách mạng Đệ Tam Sư Đoàn của Nguyễn Hòa Hiệp.

Hiệp.

- Dân quân Cách mạng Đệ Tứ Sư Đoàn của Phật Giáo Hòa Hảo.

Hảo.

Đệ nhất Sư Đoàn tập hợp những phần tử Cộng sản hay thân Cộng đặt dưới quyền chỉ huy của Trần Văn Giàu, còn Kiều công Cung lãnh chức Phó.

Đệ nhị Sư Đoàn là của Cao Đài Giáo do Vũ Tam Anh chỉ huy.

Đệ tam Sư Đoàn, chính là Dân Quốc quân của Nguyễn Hòa Hiệp biến thành. Dân Quốc quân là một lực lượng quân sự tổ chức trong thời Nhật Bản, do Nguyễn Hòa Hiệp tập hợp các phần tử thân Nhật hay hợp tác với Nhật.

Còn Đệ tứ Sư Đoàn chỉ mới dự định tổ chức chớ chưa kịp tập hợp, vì Phật Giáo Hòa Hảo, trong thời kỳ Nhật Bản, không có tổ chức quân đội.

Thật ra, chẳng phải đợi nước đến trôn mới nhảy. Trong lúc đi khuyến nông, Đức Thầy đã lo liệu thành lập một lực lượng quân sự rồi để kịp đối phó với biến chuyển sắp tới. Ngài đã ra lệnh cho tuyển chọn 500 binh sĩ đưa lên Sài Gòn để huấn luyện hầu tổ chức lực lượng quân sự.

Ngài ra lệnh cho Ban Trị Sự tỉnh Gia Định mượn được Trường Võ để làm nơi tạm trú cho binh sĩ trong thời kỳ huấn luyện. Về phần huấn luyện thì Ngài giao cho Cai Tri (1) vốn là một Cai đội trong hàng ngũ lính tập, đứng ra tập dượt. Việc tiếp tế lương thực thì có các Ban Trị Sự các tỉnh miền Tây lo liệu.

(1). Nay là Thượng Tọa Thích Pháp Trí.

Cai Tri phân ra nhiều nhóm để huấn luyện. Lớp nào tập tại Trường Võ, lớp nào tập tại Ngã tư Bình Hòa, lớp nào tập tại Đất Thánh Tây. Ngày ngày trên những khúc đường nói trên, binh sĩ Hòa Hảo xếp thành hàng ngũ dượt tới dượt lui theo tiếng đếm bước: một hai, một

hai...

Thật ra thì Đệ tứ Sư Đoàn còn trong vòng tập luyện chớ chưa tập hợp bởi chưa tổ chức ban chỉ huy. Đức Thầy có cắt đặt một vài người để giao thiệp và vận động vũ khí, quân nhu với Nhật. Nhưng công cuộc đang tiến hành thì xảy ra việc Trần Văn Giàu khủng bố Phật Giáo Hòa Hảo nên Đệ Tứ Sư Đoàn đành chết trong trứng nước.

Về sau, Cộng sản đoạt lấy danh nghĩa Đệ Tứ Sư Đoàn, thì tình hình quốc tế càng trở nên cấp bách, tiến đến giai đoạn chấm dứt chiến tranh.

Ngày 14 tháng 8 năm 1945, Hoa Kỳ chấp nhận cho Nhật đầu hàng vô điều kiện. Mãi cho đến ngày ấy Nhật mới chịu giao trả Nam Bộ cho chính phủ Việt Nam. Bảo Đại hạ chiếu cử ông Nguyễn Văn Sâm đang có mặt tại Huế, làm Khâm Sai Nam Bộ và ra lệnh cho ông cấp tốc về Sài Gòn nhận chức, thì liền hôm sau, ngày 15 tháng 8 năm 1945, Nhật Hoàng kêu gọi toàn dân Nhật phải hạ súng.

Ngày 17 tháng 8 năm 1945. Bảo Đại kêu gọi các "nhà ái quốc hữu danh đã nỗ lực chiến đấu cho quyền lợi dân chúng và nền độc lập nước nhà" mau mau ra giúp nước hầu "củng cố nền độc lập của nước nhà và bảo vệ quyền lợi của dân tộc".

MẶT TRẬN QUỐC GIA THỐNG NHỨT. – Đồng thời với tổ hợp quân sự, các đảng phái, tôn giáo còn tổ hợp nhau thành một lượng chính trị, lấy tên là Mặt Trận Quốc Gia Thống Nhất với mục đích:

- Chống đế quốc Pháp,
- Chống họa thực dân,
- Bảo vệ trị an,
- Bài trừ phản động.

Mặt trận thống hợp tất cả các đảng phái, tôn giáo trong nước như:

- Việt Nam Quốc Gia Độc Lập Đảng của quý ông Nguyễn Văn Sâm, Hồ Văn Ngà, Nguyễn Bảo Toàn, Phan Khắc Sửu, Trần Văn Ân...
- Thanh Niên Tiền Phong của Bác sĩ Phạm Ngọc Thạch.
- Nhóm trí thức.
- Liên đoàn Công chức,
- Tinh độ cư sĩ của ông Lâm Văn Hậu.
- Cao Đài Giáo
- Việt Nam Độc Lập Vận Động Hội (Phật Giáo Hòa Hảo)
- Nhóm Đệ Tứ Quốc Tế của quý ông Tạ Thu Thâu, Trần Văn

Thạch.. Nhóm này về sau mới gia nhập.

Mặt trận chánh thức thành lập vào ngày 14-8-1945 và thường hội họp ban đêm hoặc ở nhà ông Huỳnh Văn Phương ở Chợ Lớn, Trụ sở Tổng Công Đoàn ở đường Lagrandière (nay là đường Gia Long), hoặc Trường Vẽ Gia Định nơi Đức Huỳnh Giáo Chủ tạm mượn nơi làm chỗ tập họp chiến sĩ để thành lập Đệ Tứ Sư Đoàn, nút là Trụ sở Việt Nam Quốc Gia Độc Lập Đảng tại đường Léon Combes (nay là đường Sương Nguyệt Ánh).

Ngày 21-8-1945, Mặt Trận có tổ chức một cuộc biểu tình tại Sài Gòn.

MẶT TRẬN VIỆT MINH. – Tình hình trở nên khẩn cấp từ giờ từ phút. Người ta bắt đầu nghe đến danh từ Việt Minh.

Ngày 23-8-1945 có tin Việt Minh đã cướp chánh quyền ở Hà Nội và thành lập chánh phủ Trung Ương Lâm thời.

Qua ngày 24-8-1945 tại Huế cử hành lễ thối vị của Bảo Đại trao quyền lại cho đại diện chánh quyền Hà Nội gồm có quý ông: Nguyễn Lương Bằng, Trần Huy Liệu và Cù Huy Cận.

Cũng trong ngày ấy, ông Nguyễn Văn Sâm, Khâm sai Nam Bộ cho dời thủ lãnh V.M. ở Sài Gòn đến nhường lại quyền hành.

Và ngày 25-8-1945 Lâm Ủy Hành Chánh Nam Bộ do ông Trần Văn Giàu làm chủ tịch, long trọng làm lễ ra mắt trong một cuộc biểu tình khắp các đường phố. Đâu đâu người ta cũng nói đến Việt Minh và bàn tán về V.M. cướp chánh quyền. Vậy Việt Minh là gì? Ý nghĩa nó ra sao?

Danh từ Việt Minh là do Việt Nam Độc Lập Đồng Minh, gọi tắt là: Việt Minh là một mặt trận, cứ theo tôn chỉ trong bản Điều lệ:

"Liên hợp tất cả các tầng lớp nhân dân, các đảng phái cách mạng, các đoàn thể dân chúng yêu nước đặng cùng nhau đánh đuổi mối dã man xâm lược, làm cho Việt Nam hoàn toàn độc lập, dựng lên một nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa".

Về điều kiện gia nhập thì "Việt Nam Độc Lập Đồng Minh" kết nạp từng đoàn thể. Không cứ đảng phái nào của người Việt Nam hay các dân tộc thiểu số sống trong nước Việt Nam hay các dân tộc thiểu số sống trong nước Việt Nam, không phân biệt giai cấp tôn giáo và xu hướng chánh trị, hể thừa nhận mục đích, tôn chỉ và chương trình của V.M. và được Tổng bộ V.M. thông qua thì được gia nhập V.M.

Cứ xem qua tôn chỉ thì V.M. là một mặt trận gồm đủ các thành phần V.M. là một mặt trận gồm đủ các thành phần trong xã hội, thể tất chánh phủ do V.M. tổ chức phải là một chánh phủ liên hiệp và điều hành theo nguyên tắc dân chủ.

Nhưng sự thật thì không thế. Về hình thức thì có vẻ liên hiệp. Song về điều hành thì hoàn toàn thuộc về Cộng Sản Đệ Tam Quốc Tế độc tài lãnh đạo.

Đây xem thành phần của Lâm Ủy Hành Chánh Nam Bộ, gồm có

9 Ủy viên mà hết 4 Ủy viên là Cộng sản như :

- Trần Văn Giàu, Chủ tịch kiêm Ủy trưởng Quân sự.
- Nguyễn Văn Tạo, Ủy trưởng Nội vụ kiêm Tổng Thư ký,
- Dương Bạch Mai, Thanh Tra chánh trị miền Đông kiêm Tổng

Giám đốc Công an.

- Nguyễn Thành Tây, Thanh Tra chánh trị miền Tây. Còn lại 5 Ủy viên:

- Ủy trưởng ngoại giao: Phạm Ngọc Thạch, chỉ huy Thanh niên Tiền Phong đã tuyên bố chiều ngày 22-8-1945 ly khai Mặt Trận Quốc Gia Thống Nhất và gia nhập, theo Mặt Trận Việt Minh.

- Ủy trưởng Tuyên Truyền: Huỳnh Văn Tiểng thuộc Đảng Tân Dân Chủ, thân Cộng.

- Ủy trưởng Tài chánh: Từ Bá Đức thuộc Dân Chủ Đảng.

- Ủy trưởng Canh Nông: Ngô Tấn Nhơn thuộc Việt Nam Quốc Gia Độc Lập Đảng ly khai.

- Ủy trưởng Lao Động: Hoàng Đôn Văn thuộc Tổng Công Đoàn thiên tả.

Tất cả quyền hành đều tập trung vào tay Trần Văn Giàu, nghĩa là Độc tài Cộng Sản Đệ Tam Quốc Tế, chớ không phải là một Chánh phủ liên hiệp đúng theo tôn chỉ của Mặt Trận Việt Minh. Vì vậy khi thấy danh sách niêm yết, Đức Huỳnh Giáo Chủ hạ lời phê bình: "Đó là một hành động độc tài, trái với chánh thể dân chủ Cộng Hòa".

Sau ngày Lâm Ủy hành chánh Nam Bộ thành lập, tình hình trở nên nghiêm trọng đòi hỏi một sự đoàn kết toàn dân mới mong cứu vãn. Thế mà Lâm Ủy tỏ ra bất lực, hơn nữa dở ngón độc tài đối với các đảng phái trong nước, càng làm cho thế nước lâm nguy, sự đoàn kết rời rã.

Nhứt là sau ngày 2 tháng 9 năm 1945, toàn quốc tổ chức cuộc biểu tình khổng lồ mừng ngày nước nhà độc lập, cuộc xô xát xảy ra giữa khối quần chúng biểu tình với đám thực dân Pháp đang nuôi mộng trở lại đô hộ Đông Dương mà Lâm Ủy lại tỏ ra thái độ khiếp nhược càng làm cho các đảng phái phẫn uất cực độ.

Trong lúc đó, những tin bất lợi cho nền độc lập quốc gia dồn dập đưa đến. Nào là chi đội thứ 11 của Pháp (Ille RIC) trước kia bị Nhứt tước khí giới, nay được Đồng Minh võ trang trở lại và quân đội Pháp đã xuống chiến hạm Richelieu và Triomphal sắp đổ bộ lên Vũng Tàu.

Trước kia các đảng phái quốc gia lầm tưởng V.M. là bạn tranh đấu bên cạnh Đồng Minh sẽ được Đồng Minh ủng hộ, bắt Pháp phải trả chủ quyền Việt Nam lại cho Việt Minh; nhưng đến chừng đọc truyền đơn của Trần Văn Giàu cho rải và dán khắp nơi mới ngã ngựa. Trong truyền đơn ấy, Trần Văn Giàu tuyên bố:

- Đối với Nga là bạn,
- Đối với Tàu như răng với môi,
- Đối với Mỹ chủ trương thương mại nên không có mộng xâm

lãng.

- Đối với Anh nội các Attlee (thủ lãnh Đảng Lao Động) mới lên

nắm chánh quyền khuynh tả.

- Vì vậy bề ăn nói của chúng ta rất dễ dàng.

Nghe Trần Văn Giàu tuyên bố như thế, các đoàn thể đều ngao ngán, mới vỡ mộng, té ra Lâm Ủy Hành Chánh do Trần Văn Giàu thành lập không phải là chánh phủ V.M. bạn của Đồng Minh.

Các đảng phái trong Mặt Trận Quốc Gia Thống Nhất cảm thấy có phận sự bắt Lâm Ủy Hành Chánh phải cải tổ thành một chánh phủ V.M. nghĩa là một chánh phủ Liên Hiệp gồm đủ các phần tử quốc gia yêu nước hầu có đủ lực lượng đối phó với thời cuộc.

Sau phiên họp tại nhà ông Huỳnh Văn Phương ở Chợ Lớn, Ông Dương Văn Giáo được hội nghị phái đến gặp Trần Văn Giàu để đưa nguyện vọng cải tổ Lâm Ủy Hành Chánh. Giàu chỉ hứa suông chứ không đáp ứng theo sự đòi hỏi của Mặt Trận.

Ngày 4 tháng 9 năm 1945, Mặt Trận lại họp tại Trường Võ Gia Định do Đức Huỳnh Giáo Chủ chủ tọa, còn ông Đặng Văn Ký làm Thư ký, có hai ông Cao Hồng Lãnh và Hoàng Quốc Việt đại diện Tổng bộ Việt Minh ngoài Bắc vừa phái vào tham dự. Ông Hoàng Quốc Việt chấp nhận đề nghị cải tổ Lâm Ủy và yêu cầu Mặt Trận chọn người. Phiên họp đã khuya nên hẹn tái họp ngày 7 tháng 9 năm 1945 tại trụ sở Tổng Công Đoàn đường Lagrandière (nay là đường Gia Long).

Trong phiên họp đêm 7 tháng 9 năm 1945, ông Hoàng Quốc Việt có trình bày sứ mạng của các đại biểu được cử vào Nam là để cùng các đồng chí Nam Bộ thỏa thuận tu chỉnh lại Kỳ Bộ Việt Minh. Ý kiến này khơi mào cho một cuộc tranh luận sôi nổi chung quanh vấn đề "V.M.giả" với "V.M. thật".

Nên biết, ngay khi V.M. nắm chính quyền ở ngoài Bắc, Đức Huỳnh Giáo Chủ đã phái ông Nguyễn Xuân Thiếp ra Bắc tiếp xúc với Tổng Bộ Việt Minh và lãnh chỉ thị về Nam.

Ngài đã nắm chắc tài liệu về tổ chức V.M. nên mới hỏi hai đại biểu Tổng Bộ V.M. rằng: "Đại biểu chánh thức của Việt Minh Nam bộ là ai?".

Ông Hoàng Quốc Việt bèn nói rõ: "Chính ông Huỳnh Phú Sổ".

Ngoài nhãn hiệu "V.M.giả", Trần Văn Giàu còn mang thêm hồ sơ "đi đêm với Pháp" nên không được Đông Dương Cộng Sản Đảng tín nhiệm. Hồ sơ này do ông Huỳnh Văn Phương tiết lộ.

Bị lật tẩy, Trần Văn Giàu vô cùng phẫn uất; thốt ra giọng hằn học đối với Đức Huỳnh Giáo Chủ, nhưng đại biểu các đảng phái khéo giàn xếp nên rốt cuộc Lâm Ủy Hành Chánh được cải tổ, đổi lại thành Ủy Ban Nhân Dân Nam Bộ do Phạm Văn Bạch làm chủ tịch còn Trần Văn Giàu làm Phó kiêm Ủy Viên quân sự.

Hội nghị kéo dài trong bầu không khí nặng nề, đến 21 giờ thì Lý Huê Vinh, cánh tay mặt của Giàu bước vào đưa cho Giàu một điện tín cho hay Hòa Hảo nổi lên đảo chánh và đã chiếm cứ Cần Thơ (2).

(2). Đây là 1 bức điện tín giả tạo, vì thật ra ngày hôm sau tức 8-9-1945 mới có cuộc biểu tình ở Cần Thơ.

Ông Giàu hỏi gay gắt Đức Huỳnh Giáo Chủ: Ông chương giáo nghị sao?

Đức Huỳnh Giáo Chủ đáp: Tôi tin chắc cuộc đảo chánh ấy không có, hay là một cuộc ngộ nhận. Nếu có, sự hội họp các tín đồ Hòa Hảo ở Cần thơ thì đó là một sự huy động về tôn giáo mà thôi. Là người lãnh đạo Hòa Hảo, tôi nhận chịu trách nhiệm đối với chánh phủ. Tôi sẽ gửi đại diện về Cần Thơ nội trong đêm nay để biết rõ tình hình rồi sẽ phúc trình tường tận.

Ông Cao Hồng Lãnh cũng yêu cầu Ngài can thiệp gấp. Phe ông Giàu muốn quản thúc Đức Thầy nhưng các đại biểu can thiệp nên không có việc gì đáng tiếc xảy ra. Đức Thầy được thông thả ra xe về.

CUỘC BIỂU TÌNH Ở CẦN THƠ. – Sự thật thì không có cuộc đảo chánh ở Cần Thơ như bọn Trần Văn Giàu vu khống mà là một cuộc biểu tình của tín đồ Phật Giáo Hòa Hảo tổ chức tại Cần Thơ ngày 8-9-1945 để phản đối chế độ độc tài. Trên lịch sử chống độc tài, có thể nói: tín đồ Phật Giáo Hòa Hảo là chiến sĩ tiên phong trên đất nước Việt Nam.

Đây là một cuộc biểu tình lớn nhất xảy ra ở miền Tây với những khẩu hiệu phản ảnh trung thực nguyện vọng của nhân dân khát khao dân chủ, đòi quyền được tự vệ chống xâm lăng đang lấp ló trước ngưỡng cửa Việt Nam:

- Võ trang quần chúng.
- Tẩy uế những phần tử thúi nát trong Ủy Ban Hành Chánh Nam Bộ.
- Ủng hộ chánh phủ Việt Minh.

Cho được hợp pháp, Ban tổ chức có xin phép với Ủy Ban Hành Chánh tỉnh Cần Thơ và được chấp thuận nhưng đến giờ chót bọn độc tài đổi thái độ (1).

(1). Đây là âm mưu có tính toán để gài bẫy tín đồ P.G.H.H.

Chúng ra lệnh giải tán và trong lúc những người biểu tình lần lượt ra về, chúng cho nổ súng vào đám quần chúng không võ trang.

Một số tín đồ bị giết, còn lại bao nhiêu chúng bắt giam, trong số đó được biết quý ông: Huỳnh Thạnh Mậu, bào đệ của Đức Thầy, ông Nguyễn Xuân Thiếp tức thi sĩ Việt Châu, người đã được Đức Thầy phái ra Bắc liên lạc với Tổng Bộ Việt Minh, ông Trần Ngọc Hoàn, trưởng nam của ông Trần Văn Soái tức Năm Lửa, ông Lâm Thành Nguyên, ông Chung Bá Khánh, Ông Đỗ Hữu Thiều, nhiều nhân viên trọng yếu trong Ban Trị Sự các tỉnh.

Ngày mồng 2 tháng 9 năm Ất Dậu (7-10-1945) chúng ra lệnh hành quyết ba ông: Mậu, Thiếp và Hoàn tại sân vận động Cần Thơ.

Còn các ông Chung Bá Khánh, Đỗ Hữu Thiều, Võ Văn Thới, Nguyễn Hữu Giáp, Lâm Thành Nguyên... thì chúng cho dời đi Vàm Láng Thè (Trà Vinh) và hành quyết ngày 24-9 Ất Dậu. Chỉ trừ ông Lâm Thành Nguyên nhờ giả điên nên được chúng tha khỏi chết.

TAI NẠN. – Sau đêm 7-9-1945, mặc dầu chúng để cho Đức Thầy được tự do ra về, vì sự can thiệp của đại diện các đảng phái, nhứt là có sự hiện diện của quý ông Cao Hồng Lãnh và Hoàng Quốc Việt đại biểu Tổng Bộ Việt Minh được phái vào, nên bọn Trần Văn Giàu chưa dám làm hống, nhưng trong thâm tâm vẫn ôm mối hận thù về việc bị lộ tông tích đi đêm với Pháp. Vì vậy Trần Văn Giàu tìm cách hại Đức Thầy cũng như bao nhiêu phần tử quốc gia khác bằng thủ đoạn hết sức đê tiện là vu khống và vu khống.

Đây là ngón gian manh nhứt của bọn độc tài. Sáng ngày 8-9-1945, một thông cáo được đưa ra trên mặt báo chí:

"Chánh phủ lâm thời Nam bộ đang dự bị lập Ủy ban điều tra mỗi tỉnh, mục đích là để xem xét và tố cáo bọn phản quốc; bọn này sẽ bị Tòa Án Nhân Dân trừng trị, tài sản của họ sẽ bị tịch thu, ruộng đất của họ sẽ bị lấy lại chia cho dân nghèo".

Với bản thông cáo này, mặc tình bọn độc tài Trần Văn Giàu tác oai tác quái. Hàng vạn đồng bào bị giết cũng vì bản án Việt gian khủng khiếp, làm đẫm máu một đoạn sử Việt Nam. Cái thủ đoạn vu khống đê hèn này, trước hết chúng đem áp dụng với đối với Đức Thầy và tín đồ Phật Giáo Hòa Hảo.

Đêm mồng 4 tháng 8 năm Ất Dậu (9-9-1945) Trần Văn Giàu ra lệnh cho thuộc hạ bao vây văn phòng Đức Thầy tại số 8 góc đường Sohier-Miche (nay là góc đường Tự Đức – Phùng Khắc Khoan) nơi Đức Thầy dùng làm trụ sở cho Việt Nam Độc Lập Vận Động Hội.

Trước khi bao vây, Trần Văn Giàu dùng qui kế bằng điện thoại kêu ngay Ngài nói chuyện để biết chắc chắn Ngài có tại văn phòng, thế mà khi chúng đến bao vây và lục soát thì không tìm ra Ngài. Chúng bắt một số tín đồ đưa lên xe chở đi. Trong số anh em bị bắt kể lại, lúc ấy anh em cố tìm xem coi Đức Thầy có bị bắt hay không, đến chừng không thấy, anh em mới vững dạ để cho chúng đem về giam ở khám công an rồi vài ngày sau đưa vào nhà lao.

Khi bọn chúng đi rồi, trong văn phòng còn lại một số anh em tín đồ ngỡ ngác thì Ngài từ trên lầu bước xuống. Anh em bu lại hỏi Ngài làm sao chúng lục soát mà không gặp thì Ngài trả lời là Ngài đứng tại góc thang lầu, chúng có rọi đèn chóa nhưng không thấy. Nhờ vậy mà Ngài được yên ổn. Liên đó anh em đưa Ngài ra ngõ sau vượt qua một bức tường thì có xe chực sẵn rước Ngài đi Gia Định.

Ngày sau Ban Trị Sự Tỉnh Gia Định được lệnh đưa Ngài lánh nạn lên Biên Hòa, tạm ẩn nơi nhà ông Phán Ký; ở đây không đầy mười hôm, V.M. tình nghi do dẫm, một tín đồ bèn đưa Ngài đi Long Thành vào ở trong vườn trà huế, sở hữu của ông Phán Ký, cách lộ trên một cây số, ở khoảng cây số 51 đường Sài Gòn đi Long Thành.

Tưởng đâu đến đây sẽ được ở yên, nào ngờ gặp phải hàm oan. Số là khi Ngài đến thì trong xóm xảy ra một vụ cướp bóc. Họ nghi cho mấy anh hộ vệ của Ngài là gian tế nên kéo nhau đến vây bắt. Một số anh em bị bắt, may mà Ngài thoát khỏi. Hay tin chẳng lành, Ban Trị Sự Tỉnh Gia Định đến can thiệp mới giải oan mấy anh em hộ vệ ấy.

Thấy không thể ở lâu nơi đây được, nên liền sau đó, anh em hộ vệ đưa Ngài xuống Bà Rịa, ẩn lánh ở Cỏ May.

Khi mới đến, Ngài ở trong một chiếc ghe chở muối hư, sau bị theo dõi nên phải đi sâu vào rừng chà là, nương náu nơi nhà một người khách trú, tuy không phải tín đồ nhưng tiếp đãi Ngài rất hậu.

Trong một bài tự thán, Ngài đã bộc lộ nỗi lòng đau khổ của Ngài trong mấy vần thơ:

*Nước non tan vỡ bởi vì đâu!
Riêng một Ta mang nặng khối sầu.
Lòng những hiến thân mưu độc lập,
Nào hay tai họa áp bên lâu.*

*Bên lâu tiếng súng nổ vang tai,
Trời đất phụ chi kẻ trí tài.
Mưu quốc hóa ra người phản quốc,
Ngàn thu khối hận để nào phai.*

*Từ ấy lao mình vượt khổ nguy,
Băng rừng lội suối giả man di.
Ngày mong ải Bắc oan này giải,
Đem sức ra nâng lá quốc kỳ.*

Chương X: DẪN THÂN

Sau khi Đức Thầy lên đường lánh nạn, tình hình trong nước trở nên trầm trọng. Đứng trước nạn xâm lăng của quân Pháp được Anh và bạn Đồng Minh ủng hộ, đang chực chờ tái chiếm Đông Dương, bọn Trần Văn Giàu chẳng những không tìm phương đối phó, mà lại lo đàn áp các đảng phái quốc gia, những phần tử yêu nước bằng lối vu khống ghép cho những tội phản quốc, làm Việt gian để đánh mờ dư luận, che mắt thế gian về tung tích của mình "làm Việt gian, đi đêm với Pháp" mà ông Huỳnh văn Phương có đủ tài liệu trong tay khi ông làm Tổng Giám Đốc công an trong thời chánh phủ Trần Trọng Kim và Nguyễn văn Sâm làm Khâm sai Nam Bộ.

Do chánh sách vu khống ấy mà máu đồng bào đổ quá nhiều, gây nên nạn cốt nhục tương tàn, phá tan sự đoàn kết quốc gia. Hằng ngày đều có những tin bắt bớ khủng khiếp và hành quyết đồng bào vô tội vì

danh từ Việt Gian. Một thảm họa khốc liệt đã gieo khắp non sông nước Việt.

Nào là tin Tạ Thu Thâu bị bắt ở Quảng Ngãi, nào lãnh tụ quốc gia bị bắt và bị thủ tiêu.

Trong lúc đó thì quân Pháp nhờ quân Anh yểm trợ trở lại chiếm Sài Gòn ngày 23-9-1945 rồi lần lượt các tỉnh miền Nam. Ủy Ban Hành Chánh Nam Bộ trước hơn ai hết, cuốn gói bỏ Sài Gòn rút về Chợ Đệm, nơi đây cho hành quyết một số lãnh tụ có tiếng như Hồ Văn Ngà, Huỳnh Văn Phương, Hồ Vĩnh Ký, Bùi Quang Chiêu...

Trước sự tấn công mãnh liệt của quân Pháp, Ủy Ban Hành Chánh Nam Bộ rút về Rạch Giá rồi sau cùng về Cà Mau, hợp với Kiều công Cung và Đào văn Trường thành lập Ủy Ban Kháng Chiến Nam Bộ, nhưng không được khuyến khích trong nhân dân vì phong trào chống độc tài một ngày một bành trướng. Nguyễn Hòa Hiệp kéo Đệ Tam Sư Đoàn về án ngữ Cao Lãnh và Đồng Tháp phát động phong trào chống độc tài đỏ.

Ở Hậu Giang, anh em tín đồ Phật Giáo Hòa Hảo vì bị đàn áp nghiệt ngã, đứng lên chống lại. Một cuộc xô xát đẫm máu xảy ra giữa Việt Minh và Hòa Hảo của nhóm võ sĩ mà Đức Thầy kết nạp vào hàng ngũ Đội Bảo An.

Trên bước đường lánh nạn, Ngài vô cùng đau khổ nhìn thấy non sông một ngày một tràn ngập "lũ Tây di", cũng vì bọn cường quyền ngu si thi hành chánh sách độc tài đảng trị, giết hại đồng bào, gây cảnh nời da xáo thịt, có lợi cho bọn xâm lăng cướp nước.

Ngài đã thống thiết thốt ra những lời bi cảm trong một bài thơ tự thán như sau:

*Gió hiu hắt bên rừng quạnh quẽ,
Nhìn non sông đượm vẻ tang thương.
Mỗi tình chủng loại vẫn vương,
Thấy quân xâm lược hùng cường căm gan.
Vừa toan rút gươm vàng ngăn giặc,
Bỗng họa đâu gieo rắc bất kỳ.
Cường quyền một lũ ngu si,
Oan này hận ấy sử ghi muôn đời.
Truyền khắp nước muôn lời vu cáo,
Dùng trăm ngàn thói bạo hiếp dân;
Làm cho trong nước rẻ phân,*

*Làm cho giặc Pháp một lần sứt răng.
Vây cũng gọi an bang định quốc,
Rồi rút lui bỏ mất thành trì.
Giống nòi nữ giết nhau chi,
Bạng duật tương trì lợi lũ ngư ông.*

Trong khoảng cuối năm Ất Dậu, quân Pháp có mặt khắp miền Nam, bọn Trần văn Giàu đã đào tẩu về miền Bắc. Anh em tín đồ đã liên lạc được với Đức Thầy và lo liệu đưa Ngài trở về Chợ Lớn vào thượng tuần tháng chạp năm Ất Dậu. Tính ra từ ngày Ngài ngộ nạn tại đường Sohier lánh thân lên Biên Hòa, Long Thành, Bà Rịa, Cỏ May, Rừng Chà Là cho đến ngày hồi cư trên bốn tháng.

Anh em đưa Ngài vào trú ngụ ở một tiệm khách làm bia đá ở bến Lê Quang Liêm trong Chợ Lớn; nơi đây chỉ mượn được một chỗ để giường đủ cho Ngài và một tín đồ theo hầu Ngài ẩn thân.

Mặc dầu trái lăm hồi gian truân nguy khốn, lòng yêu nước nồng nàn của Ngài không vì thế mà núng nao trước sự thành bại. Ngài cương quyết tiếp tục cuộc tranh đấu, nguyện đền bồi ơn đất nước:

*Nếu mất thôi đành xong món nợ,
Nay còn há để ngó lơ sao?
Dọc ngang chí cả dù lao khổ,
Thất bại đâu nào dạ núng nao.*

*Thất bại đâu nào dạ núng nao,
Non sông bao phủ khí anh hào.
Phen này cũng quyết đền ơn nước,
Máu giặc nguyện đem nhuộm chiến bào.*

Từ hôm trở lại Chợ Lớn, Ngài đã hoàn toàn hóa trang: tóc hót ngắn (1), phục sức như người Tàu, mang kiếng trắng và đi xe đạp. Nếu không để ý hay quen biết thì không thể nào nhận ra Ngài, vì từ cách đi đứng đến nói năng Ngài đã biến thành một người Tàu. Anh em tín đồ đã lo cho Ngài có một cái giấy Tàu. Hơn nữa Ngài nói tiếng Tàu như người Tàu thì còn ai biết Ngài là người Việt.

(1). Từ ngày vào bệnh viện Chợ Quán, Ngài đã hót tóc ngắn rồi.

Lần lượt sự liên lạc với anh em tín đồ ở Hậu Giang được nối lại nhưng rất hạn chế, chỉ những người được phép mới đến gặp Ngài, khi thì ở vườn hoa khi thì ở tiệm nước Bông gia hay ở tiệm cơm chay Phật Hữu Duyên ở Chợ Lớn.

Khi nắm vững tình hình trong nước, Ngài mới khởi sự tiếp xúc lại với các chánh khách, lãnh tụ các đảng phái quốc gia và sau nhiều lần

trao đổi ý kiến và hội họp, cùng đi đến quyết định xây dựng lại một lực lượng tranh đấu mới để kịp thời đối phó với tình thế mới.

Ngài nhứt quyết dẫn thân vào cuộc đấu tranh đầu phải gian lao, miễn được bảo tồn non nước Việt. Chí khí cứu nước, chống xâm lăng đã bộc lộ tràn trề trong bài thơ "Rút áo cà sa" như sau:

*Thấy dân thấy nước nghĩ mà đau,
Quyết rút cà sa mặc chiến bào,
Đuổi bọn xâm lăng gìn đất nước,
Ngọn cờ độc lập phất phơ cao.*

*Ngọn cờ độc lập phất phơ cao,
Nòi giống Lạc Hồng hiệp sức nhau.
Tay súng tay gươm xông trận địa,
Dầu cho giặc mạnh há lòng nao.*

*Dầu cho giặc mạnh há lòng na,
Nam Việt ngàn xưa đức khí hào.
Lúc giặc xâm lăng mưu thống trị,
Anh hùng đâu sá cảnh gian lao.*

*Anh hùng đâu sá cảnh gian lao.
Chiến địa giao phong rướn máu đào;
Miễnặng bảo toàn non nước cũ,
Giữ an tánh mạng cả đồng bào.*

MẶT TRẬN QUỐC GIA LIÊN HIỆP VIỆT NAM. – Vào khoảng đầu năm 1946, Ngài đã tiếp xúc lại với các lãnh tụ quốc gia và đã cùng nhau thảo luận sự tổng hợp các lực lượng quân sự bị rời rạc trước sự càn quét của quân đội Pháp và sự đàn áp, khủng bố của Việt Minh Cộng sản, thành một trận tuyến, cấp bách cứu vãn tình thế nước nhà, khi bọn Trần văn Giàu tẩu đảo về Bắc, quần chúng xơ xác trước sự tấn công của quân xâm lăng.

Ngày 2-4-1946, Huỳnh văn Trí tức Mười Trí chỉ huy Chi đội 4 Vệ Quốc Đoàn, triệu tập tại Bà Queo một hội nghị bất thường và đã đi đến thành lập Ủy Ban Liên Hiệp Kháng Chiến, thay thế Ủy Ban Hành Chánh và Kháng Chiến Nam Bộ.

Sau khi sự liên hiệp quân sự thành lập, các thành phần quốc gia thấy cần thực hiện sự liên hiệp chánh trị. Do đó ông Vũ Tam Anh, Trưởng Đệ Nhị Sư Đoàn hiệp với tướng Mười Trí triệu tập tại Bà Queo nơi bản dinh của Mười Trí, một Đại hội nghị quân chính gồm đông đủ đại diện các đoàn thể chính trị, tôn giáo và các lực lượng võ trang.

Đại diện tôn giáo gồm có:

- Đức Huỳnh Giáo Chủ Phật Giáo Hòa Hảo.
- Lê Văn Tỵ đại diện Cao Đài Tây Ninh.
- Giáo sư Huỳnh Thơ Hương đại diện Cao Đài kháng chiến Hậu

Giang.

- Lâm Văn Hậu đại diện Tịnh Độ cư sĩ.
- Linh mục Nguyễn Bá Sang đại diện Thiên Chúa Giáo.

Đại diện các đoàn thể chánh trị gồm có:

- Phạm Thiều đại diện Phòng chánh trị khu 7
- Trần Văn Lâm đại diện V.N. Quốc Dân Đảng
- Phạm Ngọc Chiêu đại diện Đảng Thống Nhất
- Mai Thọ Trân thay mặt Hà Huy Giáp, đại diện Tổng Công Đoàn

và Kỳ Bộ V.M.

- Nguyễn Văn Sâm và Nguyễn Bảo Toàn, Lãnh tụ và Tổng thư ký V.N. Quốc Gia Độc Lập Đảng

- Phạm Hữu Đức, Nguyễn Văn Nhân đại diện Huỳnh Long Đảng.

Đại diện các lực lượng quân sự gồm có:

- Lê Trung Nghĩa đại diện Lực lượng Kháng chiến
- Phan Đình Công thay mặt Nguyễn Bình khu trưởng Khu 7
- Huỳnh Văn Trí chỉ huy trưởng Vệ Quốc Đoàn Bà Queo kiêm đại

diện Liên chi Bình Xuyên.

- Lai Hữu Tài đại diện Vệ Quốc Đoàn địa phương Sài Gòn Chợ

Lớn.

- Phạm Hùng Đức chỉ huy trưởng Chi đội 5 Vệ Quốc Đoàn.
- Huỳnh Tấn Chùa chỉ huy trưởng Chi đội 12 Vệ Quốc Đoàn.
- Vũ Tam Anh chỉ huy trưởng Đệ nhị Sư đoàn Dân quân Cách

mạng.

- Châu Tỳ chỉ huy trưởng Du kích quân địa phương Sài Gòn Chợ

Lớn

- Từ Văn Ri và Từ Huỳnh chỉ đội trưởng và Đội trưởng Chi đội 12
- Lâm Văn Đức chỉ đội Trưởng Chi đội 25
- Nguyễn Văn Đội tự Sáu Đội, Chi đội 7 đổi lại Trung đoàn 307
- Nguyễn Văn Mười, Chi đội trưởng chi đội 8, Lực lượng Cao Đài

Kháng Chiến Tây Ninh.

Hội nghị họp ngày 20 tháng 4 năm 1946 vào 13 giờ. Sau ba ngày đêm thảo luận sôi nổi, mọi người đều chấp nhận và tuyên bố thành lập: Mặt Trận Quốc Gia Liên Hiệp Việt Nam để huy động toàn lực các đoàn thể tôn giáo, chánh trị, quân sự...chống xâm lăng.

Một Ban Chấp hành được thành lập với thành phần như sau:

Chủ tịch: Hoàng Anh (Bí danh của Đức Thầy)

Phó Chủ tịch: Vũ Tam Anh

Thư ký: Mai Thọ Trân

Tuyên Truyền: Lê Trung Nghĩa

Ủy viên Quân sự: Huỳnh Văn Trí

Cố vấn: Phạm Thiều, Phạm Hữu Đức, Trần Văn Lâm

Ngoài ra còn thành lập Ủy Ban Quân sự Tối cao. Võ phòng đặt tại ấp Tám làng Vĩnh Lạc (miệt Bà Queo, 18 thôn vườn trầu) và có một tờ

báo bí mật: tờ Tự Do làm cơ quan tranh đấu.

Mặt trận có phái người đi hoạt động miền Trung và Bắc để thành lập ở mỗi nơi một Mặt Trận có thống nhất lực lượng toàn quốc chống xâm lăng.

Riêng về khu Sài Gòn, Đức Thầy, ông Lê Trung Nghĩa và giáo sư Phạm Thiều lãnh công tác vận động dân chúng kháng chiến ủng hộ Mặt Trận. Công cuộc bị bại lộ, một số người bị bắt trong đó có cha Luật, cha Sang. Rất may là Đức Thầy, ông Lê Trung Nghĩa và một nữ liên lạc viên thoát khỏi.

Chúng có tìm đến lục soát chỗ Đức Thầy ở, nhưng không tìm thấy tài liệu cất dưới gối, mặc dầu chúng đã lật qua lật lại nhiều lần.

Thấy bại lộ, Đức Thầy cho dời phòng đi nơi khác và căn dặn phải mượn một căn nhà có ngõ hậu. Anh em tín đồ cũng rón rốn gần đó một chỗ ở như ý muốn.

Có một hôm Đức Thầy về nghỉ; lối nửa đêm Ngài thức giấc bước ra cửa sau đi tiểu thì liền lúc đó bọn Công an Pháp đến kêu cửa phía trước và tràn vào lục soát, rọi đèn khắp phía sau mà không thấy Đức Thầy. Khi bọn chúng đi rồi, Ngài bước vào nhà, anh em theo ủng hộ hỏi Ngài sao biết có cuộc khám xét mà lánh thân và ẩn cách nào mà bọn chúng rọi đèn không thấy thì Ngài đáp: Ngài đi tiểu chớ có biết bọn chúng đến xét đâu mà tránh, Ngài đứng tiểu phía sau chớ có đi đâu, tại chúng rọi không thấy.

Cũng trong thời gian Ngài ở trọ căn nhà này, tuy gọi là mượn chỗ ở, nhưng Ngài thường đi luôn, lâu lâu mới về nghỉ năm ba hôm để tiếp xúc với anh em tín đồ dưới Hậu Giang lên, rồi thì vắng mặt. Cô chủ nhà có một cô em gái thấy Đức Thầy thì đem lòng thầm yêu. Để thức tỉnh lòng phàm của con người trần tục, Ngài có làm ba bài thơ "Tình yêu" như sau:

***Ta có tình yêu rất đượm nồng,
Yêu đời yêu lẫn cả non sông;
Tình yêu chan chứa trên hoàn vũ,
Không thể yêu riêng khách má hồng.***

***Nếu khách má hồng muốn được yêu,
Thì trong tâm chí hãy xoay chiều.
Hướng về phụng sự cho nhân loại,
Sẽ gặp tình Ta trong khối yêu.***

***Ta đã đa mang một khối tình,
Dường như thệ hải với sơn minh.
Tình yêu mà chẳng yêu ai cả,
Yêu khắp muôn loài lẫn chúng sinh.***

Ai cũng nhận Mặt Trận Quốc Gia Liên Hiệp quả là một Mặt trận thống hợp các lực lượng quốc gia, tạo thành một thể vững mạnh cho chánh nghĩa dân tộc được quần chúng ủng hộ, nhiệt liệt tham gia. Quân Pháp đâm ra lo ngại mà Cộng sản cũng canh cánh phập phồng không khéo Mặt Trận Liên Hiệp sẽ làm lu mờ Mặt Trận Việt Minh, nên chi Cộng sản tìm cách ngăn chặn và mưu toan phá cho tan vỡ.

Về phía quân Pháp thì chúng đổi chiến lược, thay vì đem toàn lực tấn công các lực lượng cộng sản, chúng đâm mũi dùi vào hàng ngũ quốc gia. Ở thành chúng cho công an cảnh sát lục soát, chặn bắt các nhân viên của Mặt Trận và phá vỡ các ổ liên lạc. Hơn 150 nhân viên của Mặt Trận bị bắt, trong đó có quý ông Nguyễn Trung Chánh, Nguyễn Thanh Tân bị đày đi Côn Đảo. Ở bưng, chúng đem toàn lực thủy lục không quân tấn công các căn cứ quốc gia, đánh đồn về biên giới Cao Miên (Quéo Ba, Thổ Địa, Bình Hòa).

Thừa dịp Mặt Trận Quốc Gia đang đối phó với xâm lăng, Cộng sản tung ra Hội Liên Hiệp Quốc Dân Việt Nam (gọi tắt là Hội Liên Hiệp), dùng một danh từ tương tự (Liên Hiệp) để gây sự hiểu lầm trong các giới đồng bào, với dụng ý đem Hội Liên Hiệp đánh tráo Mặt Trận Liên Hiệp. Nguyễn Bình và Phạm Thiều tuyên bố rút khỏi Mặt Trận và đề nghị đổi Mặt Trận Liên Hiệp thành Hội Liên Hiệp, nhưng đề nghị này không được các đoàn thể quốc gia chấp nhận.

Thế là, Cộng sản, trong lúc tình thế nước nhà đang nguy ngập trước nạn xâm lăng, hẳn tâm dùng thủ đoạn mượn danh nghĩa chánh phủ giải tán Mặt Trận thẳng tay khủng bố các đoàn thể quốc gia. Cuộc khủng bố giữa Quốc Cộng bùng nổ ở miền Nam cũng như ở miền Bắc.

Do thỏa hiệp 6-3-1946, ký kết với Pháp, chánh quyền Cộng sản liên quân với Pháp đàn áp các lực lượng quốc gia ngoài Bắc. Việt Nam Quốc Dân Đảng và Việt Nam Cách Mạng Đồng Minh Hội bị tấn công đến tan rã hàng ngũ phải chạy sang Trung Hoa.

Còn ở miền Nam thì các đoàn thể quốc gia bị khủng bố tới tấp. Đứng trước sự phản bội của Cộng sản, Đức Thầy liền triệu tập Đại hội để quyết định thái độ. Đứng trước nguy cơ của đất nước, các đoàn thể không tự cho phép dùng võ lực đối phó lại, sợ làm suy giảm tiềm lực kháng chiến của quốc gia, nên chấp nhận tạm giải tán Mặt Trận vào thượng tuần tháng 7 năm 1946, nhưng cương quyết không nhận tham gia Hội Liên Hiệp Quốc Dân Việt Nam.

Đứng trước sự phản bội của Cộng sản, nhứt là sự cốt nhục tương tàn do chánh sách khủng bố của chế độ độc tài gây nên, Đức Thầy vô

cùng thống khổ, viết ra những dòng thơ bộc lộ tâm can của một chiến sĩ đặt quyền lợi quốc gia trên mọi quyền lợi bè phái hay thù riêng, giong lên "Tiếng chuông cảnh tỉnh":

*Hãy tỉnh giấc hỡi muôn ngàn chiến sĩ,
Mở lòng ra thương nghĩ sanh linh.
Đồng bào ai nữ dút tình,
Mà đem chém giết để mình an vui.*

*Dù lúc trước nếm mùi cay đắng,
Kẻ độc tài đem tặng cho Ta;
Sau này Tòa án quốc gia,
Sẽ đem kẻ ấy mà gia tội hình.*

*Lúc bây giờ muôn binh xâm lược,
Đang đập vày non nước Việt Nam,
Thù riêng muôn vạn cho cam,
Cũng nên gát bỏ để làm nghĩa công.*

Rồi Ngài kêu gọi mở lòng khoan dung tha thứ và vì nghĩa đồng chủng đồng bào, hãy hiệp lực đoàn kết nhau chống phân ly (bọn Nam Kỳ tự trị) và chống xâm lược (Pháp).

*Khắp Bắc Nam Lạc Hồng một giống,
Tha thứ nhau để sống cùng nhau.
Quý nhau từng giọt máu đào,
Để đem máu ấy tưới vào địch quân.*

*Đấng anh hùng vang lừng bốn bể,
Các sắc dân đều nể đều vì,
Đồng bào nữ giết nhau chi,
Bạng duật tương trì lợi lũ ngư ông.*

*Hỡi những kẻ có lòng yêu nước,
Nghe lời khuyên tỉnh được giấc mê.
Anh em lớn nhỏ quày về,
Hiệp nhau một khối chớ hề phân ly.*

*Đả đảo bọn Nam kỳ nô lệ,
Kiếp cúi lòn thế hệ qua rồi.*

*Lời vàng kêu gọi khắp nơi,
Anh em chiến sĩ nhớ lời Ta khuyên.*

VIỆT NAM DÂN CHỦ XÃ HỘI ĐẢNG. – Mặc dầu Mặt Trận chánh trị không còn hoạt động, nhưng về mặt quân sự, Đức Thầy vẫn còn hợp lực với các nhà chỉ huy quân sự như Huỳnh văn Trí, Lê văn Viễn và các trưởng chi đội thuộc thành phần quốc gia đấu tranh chống xâm lăng.

Đứng trước tình hình đất nước càng ngày càng nguy ngập, Ngài nhận thấy không thể tranh đấu thuần mặt quân sự mà cần phải tranh đấu về mặt chánh trị mới mong chống xâm lăng Pháp và ngăn chặn được nạn độc tài giành lãnh đạo kháng chiến là điều thất lợi cho công cuộc kháng chiến chống xâm lăng về phương diện đối ngoại cũng như về phương diện đối nội.

VỀ ĐỐI NGOẠI. – Nếu để Cộng sản hay cán bộ Cộng sản Đệ Tam Quốc tế lãnh đạo kháng chiến chắc chắn sẽ không được sự ủng hộ của Đồng minh không cộng sản. Do đó cuộc kháng chiến phải đau khổ, gây nhiều tang tóc cho quốc gia, thảm hại cho đồng bào. Trái lại, nếu người quốc gia lãnh đạo kháng chiến, chắc chắn sẽ được các nước Đồng minh dân chủ ủng hộ, nhờ đó mà cuộc kháng chiến không dai dẳng. Như trường hợp của Nam Dương, ban đầu cuộc kháng chiến do Sokarno một lãnh tụ thân Trục Phát xít lãnh đạo, thấy bất lợi nên nhường quyền lãnh đạo kháng chiến lại cho Bác sĩ Djarir thân Đồng minh, nhờ vậy mà các nước dân chủ ủng hộ, bắt Hòa Lan phải rút lui, trả quyền tự chủ cho Nam Dương.

VỀ ĐỐI NỘI. – Cộng sản khi lên nắm chánh quyền đã thi hành chánh sách độc tài đảng trị, giết hại đồng bào, gây tang tóc cho quê hương, vì vậy mà không thực hiện sự đoàn kết toàn dân. Hơn nữa thiếu chánh nghĩa dân tộc, Việt Minh không thể thủ lấy vai trò lãnh đạo chánh trị. Vì vậy mà cuộc kháng chiến kéo dài gây điều linh cho đất nước, đau khổ cho đồng bào.

Bởi nhìn thấy những trở ngại như đã nói trên, Đức Thầy, muốn cho cuộc kháng chiến hữu hiệu mau đạt thắng lợi, vừa được cảm tình các nước dân chủ bên ngoài vừa được sự ủng hộ nhiệt liệt của toàn dân bên trong, cần phải có một lực lượng đoàn kết quốc gia, nêu cao được ngọn cờ chánh nghĩa dân tộc.

Mặt Trận Quốc Gia Liên Hiệp đã phá tan, không vì thế mà không tiếp tục tranh đấu. Đức Thầy bèn nghĩ đến sự tái tạo một lực lượng chánh trị khác khả dĩ kịp thời ứng phó với thời cuộc và đủ sức chống xâm lăng cứu nước.

Mặt Trận Quốc Gia Liên Hiệp tuy qui tụ được nhiều đoàn thể tôn giáo, chánh trị, nhiều lực lượng võ trang nhưng với tổ chức mặt trận, sự lãnh đạo bao giờ cũng lỏng lẻo rất dễ bị phá hoại, tan rã.

Cho được thống nhất hành động, lãnh đạo duy nhất cần phải tổ chức thành một chánh đảng, gồm những thành phần thuần nhất (homogène) cùng chấp nhận một đường lối, lập trường tranh đấu chung và cùng chịu khế mình vào những kỷ luật sắt.

Khi hội hợp và gần gũi nhau tranh đấu trong Mặt Trận Quốc Gia Liên Hiệp, Đức Thầy đã tìm thấy những bạn tri kỷ, những người có thể trở thành đồng chí, cùng đứng chung trong một tổ chức chặt chẽ, có lập trường, kỷ cương hẳn hoi: tổ chức một chánh đảng quốc gia, gồm nhiều thành phần cùng chung một chí hướng.

Ngài nhận thấy Phật Giáo Hòa Hảo là một tổ chức qui tụ các thành phần nông dân, chỉ có lòng thiết tha yêu nước và dám hành động cách mạng nhưng lại kém văn hóa, vì là thành phần bạc đãi trong xã hội, thường bị bóc lột sức lao động, sống một đời cần cù, mãi lo ăn lo mặc không rồi thì còn đâu được rỗi rảnh để trau giồi về mặt văn hóa, trí thức.

Trái lại đảng viên của Việt Nam Quốc Gia Độc Lập Đảng của quý ông: Nguyễn Văn Sâm, Nguyễn Bảo Toàn, Lâm Văn Tết, Lê Văn Thu, Trần Văn Ân... là một tổ chức khá quan trọng qui tụ hầu hết các thành phần trí thức thành thị, có những cán bộ xuất thân trong hàng khoa bảng, có những đảng viên từng được trui luyện trong các cuộc tranh đấu quần chúng thợ thuyền, nhưng nếu đem sánh với khối nông dân của Phật Giáo Hòa Hảo thì họ trở nên thiếu số.

Vì vậy nếu đứng riêng rẽ tranh đấu, mỗi đoàn thể không sao tạo thành một lực lượng hùng hậu khả dĩ thay đổi được thế cờ, chuyển được vận nước; bởi một đảng có lực lượng quần chúng nhưng thiếu cán bộ điều khiển, còn một đảng có thừa cán bộ chỉ huy nhưng lại không có khối quần chúng ủng hộ.

Nếu hai lực lượng này được hợp nhất và nếu có thể qui tụ thêm vài thành phần nữa, thành một chánh đảng thì chắc chắn đủ sức tranh đấu chuyển được thế nước, đem lại thắng lợi cho quốc gia, và đủ sức lãnh đạo nước nhà theo một chương trình cấp tiến, phù hợp với

nguyện vọng của toàn dân và tiến kịp trào lưu thế giới.

Nhận thức được sự cần thiết xây dựng một lực lượng chính trị duy nhất, các nhà lãnh đạo của hai đoàn thể Phật Giáo Hòa Hảo và Việt Nam Quốc Gia Độc Lập Đảng, thống hợp nhau thành Việt Nam Dân Chủ Xã Hội Đảng, gọi tắt là Dân Xã Đảng.

Đó là hai thành phần cốt cán của Đảng Dân Xã, nhưng ngoài hai thành phần này, Đảng còn kết nạp các thành phần khác, tuy không quan trọng về lực lượng quần chúng, nhưng có một số cán bộ tiên tiến trong những tổ chức: Cần Lao, kháng chiến, thanh niên...

Ban lãnh đạo tổ chức theo hình thức chủ tịch đoàn gồm tối đa 15 nhân viên gọi là Ủy viên Trung Ương, có thể mỗi ủy viên đảm trách một nhiệm vụ. Trung Ương Đảng bộ được tổ chức và gồm có :

- Nguyễn Bảo Toàn, Tổng Bí Thư
- Nguyễn Văn Sâm, Ủy viên Trung Ương đặc trách Ngoại Giao
- Trần Văn Ân, Ủy viên Trung Ương đặc trách Tuyên Truyền
- Lê Văn Thu, Ủy viên Trung Ương đặc trách Huấn Luyện
- Lâm Văn Tết, Ủy viên Trung Ương đặc trách Tài Chánh
- Đỗ Phong Thuận, Ủy viên Trung Ương đặc trách Tài Chánh
- Trần Văn Tâm, Ủy viên Trung Ương đặc trách Thủ Quỹ
- La Văn Thuận, Ủy viên Trung Ương đặc trách Liên Lạc.

Còn Đức Huỳnh Giáo Chủ, Ngài chỉ giữ chức Ủy Viên Trung Ương không có đặc trách một nhiệm vụ nào cả.

Cứ xem thành phần của Ban Chấp Hành Trung Ương ai cũng thấy hầu hết những chức vụ quan trọng đều giao phó cho anh em bên Việt Nam Quốc Gia Độc Lập Đảng. Đức Thầy giao trọn bộ máy điều hành Đảng cho anh em thuộc thành phần trí thức và có thành tích đấu tranh, có uy tín trong nhân dân, từng tham gia các phong trào chống Pháp và từng vào tù ra khám như quý ông: Nguyễn Bảo Toàn, Nguyễn Văn Sâm, Trần Văn Ân...

Có người hỏi Đức Thầy sao lại trao cả bộ máy điều khiển Đảng cho anh em Việt Nam Quốc Gia Độc Lập Đảng, không sợ người ta lợi dụng để làm nấc thang danh lợi hay sao thì Ngài có trả lời đại khái như sau:

Phàm hợp tác thì nên thành thật. Đã tin nhiệm thì phải dùng và đặt để đúng chỗ, xứng với tài năng của người. Việc cứu nước là việc chung, mình nên ủng hộ cho người ta làm, chớ đừng ganh tỵ, tranh giành mà hư việc lớn. Mình nên thực tâm đem khối quần chúng hùng

hậu của mình ủng hộ cho các chiến sĩ cách mạng tranh đấu cho đất nước. Ngày nào mình thấy họ có ý lợi dụng hay không thực tâm tranh đấu cho quyền lợi quốc gia thì mình rút sự ủng hộ lại. Quần chúng là của mình, mất mát đâu mà sợ.

Trung Ương Đảng Bộ cho mở khóa huấn luyện chánh trị đầu tiên tại Sài Gòn và đồng thời cho xuất bản tờ Quần Chúng làm cơ quan tranh đấu. Toà soạn đặt tại đường Chaigneau, nay là Tôn Thất Đạm, có cả máy in riêng. Uy thế của Đảng một ngày một lớn mạnh thu hút một số đông trí thức thành tham gia vào cuộc đấu tranh chống xâm lăng bằng hai đường lối: cách mạng ở bưng và đường lối chánh trị ở thành.

Vì sợ ảnh hưởng của Đảng Dân Xã, Cộng sản tìm cách phá hoại bằng lối tung lựu đạn vào tòa soạn báo Quần Chúng; còn thực dân Pháp thì tìm cách ám hại Ủy viên Trung Ương.

THAM CHÁNH. – Mặc dầu đã thành lập Đảng Dân Xã, hoạt động chánh trị ngoại thành với tờ báo Quần Chúng làm cơ quan ngôn luận, nhưng Ngài ít ở Sài Gòn, mà thường có mặt ở chiến khu. Ngài đi chơn khắp miền Đông nào là: Bà Queo, Hòa Bình, Quáo Ba, Vườn Thơm, Thổ Địa, Chòi Mòi, Bù Lu, Mộc Hóa, Lạc An, An Phú Đông... sát cánh với anh em chiến sĩ, các cấp thuộc thành phần quốc gia như: Huỳnh văn Trí, Lê văn Viễn.

Nhận thấy ảnh hưởng của Đảng Dân Xã được các thành phần trí thức thành thị tham gia khá đông và tiếng nói chánh nghĩa của báo Quần Chúng được đồng bào trong nước hân hoan tiếp nhận và dư luận quốc tế đặc biệt chú ý, Cộng sản mấy lần phá hoại hàng ngũ quốc gia không thấy hiệu quả, nên phen này thay đổi chánh sách khủng bố ra chánh sách hòa dịu đối với Đức Huỳnh Giáo Chủ mong được hợp tác trở lại để tăng cường lực lượng kháng chiến hầu có đủ sức chống xâm lăng, nhứt là lực lượng võ trang của Phật Giáo Hòa Hảo đã từng biểu diễn trong nhiều cuộc đột kích thắng lợi quân Pháp ở nhiều nơi.

Để nối lại liên lạc hầu đi đến sự hợp tác, Trương Phong Phạm Thiều tìm đến gặp Đức Thầy.

Trong cuộc đàm thoại, Phạm Thiều có ý trách anh em tín đồ ở Hậu Giang gây nên cuộc xô xát giữa V.M. và Hòa Hảo thì Đức Thầy có đáp: Đứng về mặt tôn giáo, lấy đức hiếu sinh của nhà Phật làm tiêu chuẩn song tôi đã ra làm chánh trị thì những sự xô xát thương tâm do bên V.M. gây ra, tín đồ Phật Giáo Hòa Hảo chỉ đứng về phương diện tự

vệ mà thôi.

Sau đó một thời gian, trong lúc Ngài ở Tổng bản dinh Bộ đội An Điền, Phạm Thiều có gửi đến cho Ngài 5 bài thơ khích tướng, có ý mời Ngài tham chánh cứu dân cứu nước, dẹp bỏ mối hiểm xửa:

*Mưa gió thâm canh mãi dập dồn,
Âm u tràn ngập cả càn khôn.
Hỡi ai thức ngủ trong đêm ấy,
Có thấu tai chắng tiếng quốc hồn.*

*Sao còn khắc khoải mối hiểm xửa,
Trang sử chùi đi những vết nhơ.
Gìn giữ tim son không chút bợn,
Mặc toà dư luận thấu hay chưa.*

*Sao còn lãnh đạm với đồng bang,
Toan trút cho ai gánh trị an.
Thảm kịch "tương tàn" chưa hết diễn,
Long Xuyên, Châu Đốc lụy muôn hàng.*

*Sao còn ngần ngại chẳng ra tay,
Trước cảnh xâm lăng cảnh đọa đày.
Ngọn lửa binh đao lan khắp đất,
Phật Trời soi thấu cũng châu mày.*

*Chẳng có cà sa chẳng chiến bào,
Về đây tham chánh mới là cao,
Non sông chờ đợi người minh triết,
Chớ để danh thơm chỉ Võ Hầu.*

Ngày 1 tháng 10 năm 1946, Đức Thầy gửi bài thơ họa lại nguyên vận như sau:

*Những nỗi đau thương mãi dập dồn,
Càng nhiều luân lạc lại càng khôn.
Lặng nhìn thế sự nào ai ngủ,
Chờ dịp vung tay dậy quốc hồn.*

*Từ bi đâu vướng mối hiểm xửa,
Nhưng vẫn lọc lừa bợn sạch nhơ.*

*Nếu quả tri âm tri ngộ có,
Thì là hiệp lực hiểu hay chưa?*

*Nhìn xem Trung quốc khách lân bang,
Cứ cố xô ngằm sao trị an?
Nếu thiệt hai bên đồng hiệp trí,
Kẻ gây thảm kịch phải qui hàng.*

*Lắm kẻ chực chờ đặt phòng tay,
Mà sao chánh sách bắt dân đày.
Vẫn còn áp dụng vì phe đảng,
Chẳng muốn xông ra sợ cháy mày.*

*Thà ở trong quân mặc chiến bào,
Ngày qua sẽ biết thấp hay cao.
Nào ai dám sánh mình mình triết,
Mà dám lăm le mộng Võ Hầu.*

Trước tình thế nước nhà càng ngày càng trở nên nguy ngập, do nạn Thực dân xâm lược, đồng bào bị giết, nhà cửa vườn tược bị tàn phá tan hoang, Đức Thầy trong tuần tháng 10 năm 1946 chấp nhận tham chánh, nhưng với một chức vụ hết sức khiêm tốn, có thể nói một chức vụ tượng trưng cho tình đoàn kết chống xâm lăng: Ủy viên Đặc biệt trong Ủy Ban Hành Chánh Nam bộ.

Ngài đã giải bày lý do của sự tham chánh ấy trong một bản tuyên bố đăng trên báo Quần Chúng ngày 14-11-1946, như sau:

"Hôm nay, nhận rõ cuộc tranh đấu cho tổ quốc còn dài và cần nhiều nỗ lực, hưởng ứng với tiếng gọi đại đoàn kết của chánh phủ Trung Ương, tôi quyết định tham gia hành chánh với những mục đích này:

1. Để tỏ cho quốc dân và chánh phủ thấy rằng chúng tôi chủ trương thống nhất lãnh thổ và độc lập quốc gia.
2. Để biểu dương tinh thần đoàn kết của dân tộc hầu mau đem thắng lợi cuối cùng.
3. Để tỏ cho các đảng phái thấy rằng chúng tôi không khi nào có những tham vọng cao sang vương bá hay vì hềm riêng mà hờ hững với phận sự cứu quốc.

Biểu lộ tấm lòng thành thật ấy, tôi chỉ nhận một nhiệm vụ cần thiết, hạp với hoàn cảnh và năng lực mình, cố gắng giàn xếp về hành chánh

và quân sự để củng cố tăng cường lực lượng của quốc gia."

Để giàn xếp các cuộc xô xát giữa Việt Minh và Hòa Hảo – Dân Xã, Ngài chấp nhận thành lập một Ủy Ban Hòa Giải gồm có ba thành viên:

Đại diện Cộng Sản : Hoàng Du Khương

Đại diện Thiên Chúa Giáo : Linh mục Lê bá Luật

Đại diện Phật Giáo Hòa Hảo : Mai văn Dậu

Linh mục Lê bá Luật đúng lý đóng vai trò là trung gian, nhưng theo dư luận, ông thuộc thành phần Thiên Chúa giáo thân Cộng. Thành thử ông Mai văn Dậu phải luôn luôn ở thế chống đối. Và lại ông là người cương trực và khôn ngoan nên đại diện kia không thể lừa hay lấn áp. Nhờ vậy mà một số cán bộ Dân Xã được cứu thoát.

Vì có sự chênh lệch cho nên công cuộc xô xát giữa V.M. và Hòa Hảo lại bùng cháy mãnh liệt hơn trước. Việt Minh lợi dụng tư thế chánh quyền dở thủ đoạn đàn áp và thủ tiêu tín đồ Hòa Hảo và đảng viên Dân Xã, khiến Đức Thầy phải di hành về miền Tây để giàn xếp.

CHI ĐỘI 30. – Trong thời kỳ toàn dân kháng chiến lúc bọn Trần văn Giàu rút về Rạch Giá rồi cuối cùng chạy về Cà Mau, quân Pháp trở lại chiếm cứ miền Nam ngày ngày đi ruồng bố hết làng này sang làng khác, đốt phá nhà cửa, giết hại lương dân, nhân dân của mỗi địa phương tự động tổ chức lấy lực lượng võ trang chống Pháp. Ban sơ dùng tầm vông vạt nhọn chống lại thần công đại bác của giặc, nhưng nhờ chiến thuật du kích nhân dân đoạt thủ được súng đạn của giặc mà dần dần tổ thành những đội nghĩa quân, do nhân dân cung cấp lương thực và nhiều khi đóng góp tiền bạc mua sắm khí giới. Những đội nghĩa quân lần lần trưởng thành những tiểu đội, trung đội võ trang có phận sự bảo vệ hương thôn chống lại cuộc ruồng bố của Pháp, bắt đầu từ đó.

Phương chi, trong thời kỳ Nhứt bốn, có nhiều đoàn thể hợp tác với Nhứt được Nhứt võ trang nên thành lập riêng những lực chiến đấu.

Đức Huỳnh Giáo Chủ không chịu nhờ Nhứt về quân sự, nên không có tổ chức lực lượng được Nhứt võ trang như các đoàn thể khác. Mặc dầu không hợp tác hay nhờ Nhứt võ trang, nhưng tín đồ Phật Giáo Hòa Hảo để tự vệ và đóng góp vào công cuộc kháng chiến chống xâm lăng cũng tự động tạo lập các lực lượng võ trang.

Khi Đức Huỳnh Giáo Chủ chấp nhận tham chánh, Ngài đã có một lực lượng quân sự võ trang rồi. Đó là nghĩa quân Cách mạng Vệ Quốc

Liên Đội Nguyễn Trung Trực.

Để thống nhất lực lượng kháng chiến, sắp xếp có thứ tự và cùng đặt dưới sự chỉ huy duy nhất, Đức Thầy đem những đội võ trang ấy tổ chức thành một chi đội trong hàng ngũ Vệ Quốc Đoàn Việt Nam. Đó là Chi đội 30 mà Ngài giao quyền chỉ huy cho ông Nguyễn giác Ngô lúc bấy giờ từ Côn Đảo mới trở về, vì đã bị Pháp bắt và kêu án, đày đi Côn Đảo về tội tham gia và hoạt động cho Phật Giáo Hòa Hảo. Ngoài thành tích là một tín đồ trung thành dám hy sinh địa vị cho Đạo và chịu khổ cực đi đày trong ba năm, ông Nguyễn giác Ngô vốn là một quân nhân của Pháp làm đến chức quản trong hàng ngũ lính tập; chính do cái khả năng quân sự đó Ngài giao quyền chỉ huy Chi đội 30 cho ông.

Tuy các lực lượng võ trang của Phật Giáo Hòa Hảo đã hòa mình vào đại gia đình Vệ Quốc Đoàn Việt Nam, nhưng vì sự tản mác quân đội nên sự chỉ huy rất khó và lực lượng không được tập trung để chiến thắng quân giặc lúc bấy giờ đã tràn ngập miền Nam và đặt vững cơ sở quân sự khắp nơi.

Để thống nhất hành động, gây lấy tin tưởng trong lòng dân, cũng như tinh thần tranh đấu của chiến sĩ, Đức Thầy hợp với các nhà lãnh đạo "Liên quân" (được thành lập sau khi Mặt Trận Quốc Gia Liên Hiệp bị Nguyễn Bình ra lệnh giải tán, gồm các chi đội quốc gia đặt dưới quyền chỉ huy thống nhất của hai tướng Huỳnh văn Trí và Lê văn Viễn) thảo luận để thành lập một Liên khu quốc gia ở miền Tây hầu phân tán lực lượng của Pháp đặng có cứu vãn miền Đông đang bị giặc lấn áp.

(1)

(1). Đề nghị này được chánh quyền Trung ương chấp nhận do Điện văn ngày 28-1-1947.

Để chuẩn bị kế hoạch đã định (thành lập một chiến khu quốc gia ở miền Tây), về mặt quân sự, Đức Thầy ra lệnh cho ông Nguyễn giác Ngô mở trường huấn luyện quân sự, tại núi Dài đào tạo cấp tốc 10.500 quân, đủ khả năng chiến đấu. Một Ban Giám Đốc thành lập, do kinh lý Nguyễn văn Nghiêm chỉ huy. Còn phần huấn luyện thì giao cho ông Lê Hoài Nam cùng 4 sĩ quan Nhứt cấp tá phụ trách.

Đồng thời, Ngài cũng cho đào tạo nhân viên cứu thương, sắm dụng cụ y khoa và thuốc men. Công việc mua sắm và chuyên chở thì

giao cho Sáu Rớt tức Trần văn Tươi, hiện nay là Đại Tá trong Quân đội Cộng hòa.

Ngài cũng ra lệnh cho tín đồ miền Tây lo quân nhu và thực phẩm để tiếp tế cho số quân đang tập dượt và số quân sau này khi hoàn thành Liên khu Quốc gia.

Có người thắc mắc hỏi Ngài: Tập luyện 10.500 quân rồi lấy súng ống đầu võ trang thì Ngài có đáp: Sợ là sợ mình không có người cầm súng, chớ đừng sợ không có súng.

Đó là về mặt quân sự. Nhưng quan trọng là mặt chánh trị và ngoại giao. Nếu mạnh về mặt quân sự mà yếu về mặt chánh trị và ngoại giao thì cuộc tranh đấu sẽ cô thế, thiếu chánh nghĩa, chẳng những không được người trong nước sẵn sàng hy sinh tham gia mà cũng không được các nước dân chủ bên ngoài ủng hộ.

MẶT TRẬN TOÀN QUỐC. – Vì vậy mà đồng thời với sự chuẩn bị thành lập Quân khu Quốc gia, Ngài còn lo liệu thành lập một mặt trận chánh trị có ảnh hưởng quốc tế. Ngài bèn ra lệnh cho ông Nguyễn Hoàn Bích tức Nguyễn Bảo Toàn lên đường sang Trung Hoa, với sứ mạng ngoài đại diện cho Đảng Dân Xã, còn đại diện Phật Giáo Hòa Hảo và Cao Đài Giáo, hai tôn giáo có một lực lượng hùng hậu ở miền Nam để hiệp với các nhà cách mạng Việt Nam lưu vong ở Trung Hoa, thành lập mặt trận chánh trị, qui tụ các lực lượng chánh trị thành một khối duy nhất tranh đấu cho chánh nghĩa quốc gia, đòi lại chủ quyền dân tộc.

Những nhà cách mạng lưu vong này vốn là những lãnh tụ các đảng chánh trị miền Bắc, sau khi bị Cộng sản liên quân với Pháp đánh bật ra khỏi Bắc Việt chạy sang Trung Hoa nhờ sự che chở của chánh phủ Trùng Khánh cầu viện Trung Quốc giúp đỡ xây dựng lại lực lượng quân sự chờ cơ hội kéo về nước.

Sau khi tiếp xúc và thảo luận, ngày 27-2-1947, Mặt Trận Quốc Gia Thống Nhất Toàn Quốc gọi tắt là Mặt Trận Toàn Quốc được thành lập tại Nam Ninh (Trung Hoa).

Mặt trận gồm các đoàn thể sau đây tham gia:

- Việt Nam Cách Mạng Đồng Minh Hội
- Việt Nam Quốc Dân Đảng
- Việt Nam Dân Chủ Xã Hội Đảng và P.G.H.H.
- Việt Nam Quốc Gia Thanh Niên Đoàn
- Cao Đài Giáo

- Đoàn thể Dân Chúng

- Liên Đoàn Công chức

Một Ban Chấp Hành Trung Ương thành lập, phân phối trách nhiệm như sau:

- Chủ tịch: Cụ Nguyễn Hải Thần thuộc Việt Nam Cách Mạng Đồng Minh Hội,

- Ủy viên Ngoại giao: ông Nguyễn Tường Tam thuộc Việt Nam Quốc Dân Đảng.

- Tổng thư ký: ông Nguyễn Hoàn Bích thuộc Việt Nam Dân Chủ Xã Hội Đảng, đại diện cho Cao Đài giáo và Phật Giáo Hòa Hảo

Ngoài ra còn có quý ông: Trần Côn tức Trần văn Tuyên, Lưu Đức Trung tham gia hoạt động.

Về đại diện trong nước thì giao cho ông Nguyễn văn Sâm, dùng tờ Quần Chúng làm cơ quan ngôn luận cho Mặt Trận.

Mặt Trận có liên lạc với công dân Vĩnh Thụy lúc bấy giờ ở Hương Cảng với mục đích xây dựng giải pháp quốc gia để tranh đấu đòi Pháp trả lại chủ quyền cho nhân dân Việt Nam.

Về sau, Bảo Đại chấp nhận theo kế hoạch của Pháp trở về nước làm Quốc Trưởng, chủ trương đem Việt Nam đứng trong Liên Hiệp Pháp.

Như thế, sứ mạng của Mặt Trận không thành, nghĩa là không tạo được thế chánh trị bên ngoài làm hậu thuẫn cho thế kháng chiến quốc gia bên trong. Dầu không đạt thành ý nguyện, Mặt Trận cũng đã làm được một việc có ích lợi cho dân tộc là Khai sinh giải pháp quốc gia cho vấn đề Việt Nam.

DI CHUYỂN VỀ MIỀN TÂY. – Mặc dầu có Ủy ban Hòa Giải đứng ra giàn xếp, nhưng vì thành phần trong Ủy ban quá chênh lệch, trong lúc bên Hòa Hảo Dân Xã chỉ có một đại diện thì bên V.M Cộng sản có đến 2 đại diện (1 của Cộng sản và 1 của Thiên chúa giáo thân cộng) thành thử không có cuộc giàn xếp nào được ổn thỏa. Cán bộ V.M. thường lợi dụng và nhân danh chánh quyền đàn áp và thủ tiêu tín đồ Hòa Hảo và đảng viên Dân Xã, càng làm cho cuộc xô xát giữa V.M. và Hòa Hảo tăng gia.

Với mục đích giàn xếp và chấm dứt cuộc lưu huyết ở Hậu Giang, Đức Thầy cần phải về miền Tây và hẹn với Ung văn Khiêm, đại diện Cộng sản sẽ gặp nhau tại Long Xuyên.

Thế là Đức Thầy chuẩn bị di chuyển về miền Tây. Nhưng trước

khi rời miền Đông, theo lời mời của Lê Trung Nghĩa, một phái đoàn gồm có Đức Thầy, Huỳnh văn Trí và Lai Hữu Tài đại diện cho Lê văn Viễn Phó khu trưởng, đến Tòa Thánh Tây Ninh hội kiến với Đức Hộ Pháp Phạm công Tắc vào hạ tuần tháng 3 năm 1947. Hai nhà lãnh đạo tôn giáo thỏa thuận nhau nhiều vấn đề cứu nước và hẹn sẽ gặp lại.

Trước khi về miền Tây, Ngài cũng đã gửi về trước một nhóm văn nhân, chuẩn bị xuất bản một tờ báo trong khu làm cơ quan cho Liên Khu Quốc gia. Nhưng rất rủi, nhà văn Khổng Dương bị tàu binh Pháp bắn chết tại vàm kinh Phong Mỹ. Chỉ có nhà văn Nguyễn Duy Hình và một số ký giả may thoát nạn.

Trước nhóm văn nhân này, cuối năm Bính Tuất, Ngài cũng phái ông Lê văn Thu về miền Tây mở lớp huấn luyện chánh trị cho cán bộ Đảng Dân Xã tại rạch Cái Gút, xã Nhơn Mỹ, trên cù lao Ông Chưởng, quận Chợ Mới,

Đức Thầy cho Bộ đội Phòng vệ và anh em tín đồ chuẩn bị lên đường. Lúc 9 giờ tối ngày 23-3-1947 nhằm ngày 1 tháng 2 nhuận Đinh Hợi, Đức Thầy cho di chuyển ra khỏi Vàm Vè. Đến 6 giờ sáng hôm sau thì đoàn binh đến thôn Thủy Đông và chiều hôm đó di chuyển đến thôn Thuận Nghĩa Hòa vào lúc 8 giờ tối.

Ngày 5-4-1947 (14 tháng 2 nhuận) vào 2 giờ chiều Đức Thầy đến từ giã anh em trong Chi đội 4 và 25 của Bình Xuyên đóng tại Sông Xoài và Vịnh Sao. Đến 5 giờ chiều, Đức Thầy lên đường về miền Tây. Vào lúc 1 giờ khuya, đoàn binh đến trạm gát của Chi đội 18 của V.M. do Chi đội Xuyên chỉ huy. Chúng có bắt giữ ba chiếc ghe trong đoàn, về sau chúng trả tự do cho chiếc của Bà xã Được trước. Đến 6 giờ sáng thì di chuyển đến kinh Gãy.

Ngày 6-4-1947 vào lúc 8 giờ, đoàn binh đến chợ Tháp Mười, và 1 giờ trưa thì đến chợ Cái Bè, 2 giờ chiều đến Ba Sao, 5 giờ chiều đến vàm kinh Phong Mỹ.

Vào khoảng 3 giờ rưỡi sáng thì Đức Thầy đến ngọn Ba Răng và lên văn phòng đặt tại nhà ông Bí thư Ban chấp hành Thôn Phú Thành, nơi đây đã có Chi đội 30 Vệ Quốc Đoàn Việt Nam do ông Nguyễn giác Ngô chỉ huy, chực sẵn tiếp rước và bố phòng.

Về đến đây có 2 việc khủng bố của V.M. giết hại tín đồ Hòa Hảo và đảng viên Dân Xã làm cho Ngài xúc động.

Ngày 13-4-1947 một chiến sĩ Dân Xã trong Bộ đội Lưu động số 1 đi hút tót tại chợ Ba Răng bị cán bộ V.M. ấp vào bắt đem đi chặt đầu.

Cũng trong ngày đó, anh Nguyễn Ngọc Phước Bí Thư Tỉnh đảng

bộ Rạch Giá bị Trung đội 12 thuộc Đại đội 66/22 bắt và đem hành quyết trong đêm 13 rạng 14-4-1947.

Ông Mai Văn Dậu có về báo cáo với Đức Thầy và thú nhận bất lực trong việc can thiệp.

THỌ NẠN. – Hôm sau, Đức Thầy có nhận được 2 bức thư, một của Trần Văn Nguyên, Đặc phái viên kiêm Thanh Tra chánh trị miền Tây Nam bộ và một của Bửu Vinh, mời Ngài đến dự Hội nghị họp tại làng Tân Phú để định liệu kế hoạch hòa giải giữa V.M và Hòa Hảo Dân Xã.

Vào lúc 7 giờ sáng ngày 15-4-1947 (24 tháng 2 nhuận) Đức Thầy xuống ghe đi với 3 người chèo, 4 tự vệ quân, ông Đại đội trưởng ĐĐ/2 và người thư ký văn phòng là ông Huỳnh Hữu Thiệp.

Lối 8 giờ sáng ghe tới chợ Ba Răng, có Trần Văn Nguyên xuống bến đón Ngài lên chợ, Ngài diễn giảng trước đông người kêu gọi sự đoàn kết chống xâm lăng và gát bỏ hận thù giữa V.M. và Dân Xã. Trưa lại Ngài dùng cơm với Trần Văn Nguyên trong một căn phố gần đó. Sau bữa cơm, độ 12 giờ, Trần Văn Nguyên và một thư ký xuống đi chung ghe với Ngài đến Đốc Vàng hạ thuộc thôn Tân Phú. Đến đây, một bản hiệu triệu được công bố, cho biết các cấp chỉ huy hai bên đang bắt tay nhau lo việc hòa giải và kêu gọi hai bên đừng xô sát nhau.

Sau khi dùng cơm chiều, Đức Thầy lại nghỉ ở nhà một tin đồn gần đó.

Hôm sau, ngày 16-4-1947 (25 tháng 2 nhuận), lối 7 giờ sáng Đức Thầy trở lại hội đàm với Trần Văn Nguyên, rồi phái ông Ngô Trung Hưng cùng một nhân viên của Trần Văn Nguyên đi các thôn hòa giải.

Sau khi dùng cơm trưa, Đức Thầy xuống ghe nghỉ thì Bửu Vinh đến đưa thư yêu cầu được gặp Ngài.

Trong cuộc hội kiến, Bửu Vinh báo cáo rằng Dân Xã giết V.M. ở Lấp Vò và buộc Đức Thầy phải đi, nhưng Ngài tỏ ra cương quyết biện bác và đòi Bửu Vinh cùng đi.

Bửu Vinh khước từ và đòi phải cho bộ đội có vũ trang theo phòng vệ mới đi. Ngài trả lời một cách cứng cỏi: Tại sao tôi có một ít người không có bộ đội ủng hộ lại dám vào sào huyệt các ông. Như thế quý ông không thành thật.

Bửu Vinh không trả lời được nên buộc lòng nhận đi và yêu cầu Đức Thầy đến văn phòng của y để cùng đi. Liền lúc đó, Trần Văn

Nguyên đến trao cho Ngài một mảnh giấy nói rằng có điện tín từ Ủy ban Hành Chánh Nam Bộ mời Đức Thầy trở về miền Đông lập tức dự phiên họp bất thường.

Đức Thầy trả lời không thể trở về dự phiên họp được vì còn lo việc hòa giải. Chiều hôm ấy Trần văn Nguyên từ giã Ngài vào lúc nhá nhem tối.

Y lời hẹn, Đức Thầy xuống ghe đến văn phòng Bửu Vinh, có một liên lạc viên dẫn đường. Trời tối đen như mực, bỗng có tiếng kêu: ghe ai đó? Sao giờ này đã thiết quân luật mà còn dám đi!

Người liên lạc trả lời: Đi lại văn phòng ông Bửu Vinh.

Liền đó có lệnh: Ghe ghé lại. Rồi thì đèn chóa rọi xuống, khi biết là ghe của Đức Thầy, chúng nói ông Bửu Vinh mời Đức Thầy lên văn phòng.

Đức Thầy cùng 4 tên tự vệ quân lên một ngôi nhà ngói. Ngài vào ngồi bàn giữa nói chuyện với Bửu Vinh, còn 4 tự vệ quân thì cầm súng đứng hai bên cửa gần đó.

Mười phút sau, lối 7 giờ rưỡi, có 8 người đi từ bên ngoài đi vào, chia ra làm 4 cặp tràn tới đâm 4 tên tự vệ quân.

Ba người bị đâm chết, chỉ còn anh thứ tư là Phan văn Tỷ lanh trí nên tránh kịp, liền thoát ra ngoài, bắn một loạt tiểu liên. Trong lúc anh Tỷ né thì một trong 2 tên V.M. bị đồng bọn của mình đâm chết.

Thấy chuyện chẳng lành, Đức Thầy lẹ làng thối tắt đèn; văn phòng trở nên tối đen, không ai nhận thấy Đức Thầy đâu cả.

Viên thư ký của Ngài và 3 tên chèo ghe lẹ làng tẩu thoát, vội vã về báo tin.

Tiếng tù và, thùng thiết nổi dậy báo động. Binh sĩ toan vác súng kéo đi giải vây thì vào khoảng 11 giờ đêm bỗng có một tín đồ phi ngựa mang về Phú Thành một bức thư như sau:

Ông Trần văn Soái và ông Nguyễn Giác Ngộ.

Tôi vừa hội hiệp với ông Bửu Vinh bỗng có sự biến cố xảy ra tôi với ông Vinh suýt chết, chưa rõ nguyên nhân, còn điều tra; trong mấy anh em phòng vệ không biết chết hay chạy đi, nếu có ai chạy về báo cáo rằng tôi bị bắt hay là mưu sát thì các ông đừng tin và đừng náo động.

Sáng ngày tôi sẽ cùng ông Bửu Vinh điều tra kỹ lưỡng rồi sẽ về sau.

Phải triệt để tuân lệnh.

Ngày 16-4-1947 9 giờ đêm.

Ký tên

Ông Mai văn Dậu đem đối chiếu chữ ký thì xác nhận là chính của Đức Thầy. Thế là mọi người phải tuân lệnh, chỉ nhìn nhau mà thở dài với niềm hy vọng ngày mai Ngài sẽ trở về.

Nhưng từ ngày 16-4-1947 cho đến nay vẫn bật luôn tin tức.

THIÊN THỨ BA

GIAI ĐOẠN VẮNG MẶT

Chương XI: Lý do thọ nạn

Sự ra đi của Đức Thầy đã đặt ra nhiều thắc mắc nghi vấn.

Thắc mắc là vì Ngài có sứ mạng cứu trần mà công việc cứu độ chưa hoàn tất, Hội Long Hoa chưa khai, đời Thượng Nguyên chưa lập, bảng Phong Thần chưa dựng, như thế chẳng hóa ra những điều hứa hẹn của Ngài lại sai, công việc lập đời lại bỏ dở hay sao?

Nghi vấn là Ngài đã ám thông tâm lý và nhiều lần đã hiển thị cho người đời thấy nhiều trường hợp mâu nhiệm để tăng trưởng đức tin, chẳng lý nào Ngài không biết Cộng sản chủ mưu ám hại Ngài hay sao để phải thọ nạn. Như vậy là Ngài không có tha tâm thông?

Như chúng ta đã thấy, khi đọc Sấm Giảng, Ngài đã tiên đoán được thời cuộc, biết được tâm lý người khi đến thử thách, đoán biết những bài thơ thách họa hay hỏi thiên cơ, mặc dầu còn nằm trong túi, Ngài cũng biết được và đáp đúng theo chỗ nghi vấn của người thì đâu có lẽ Ngài lại không biết Cộng sản mưu hại Ngài?

ĐÃ BIẾT TRƯỚC. - Chúng tôi dám quả quyết là Ngài đã biết tại nạn xảy ra và Ngài sẽ vắng mặt một thời gian. Trong Sấm Giảng, Ngài đã có nói trước về sự vắng mặt của Ngài và trong thời gian đó không ai theo hay biết tung tích. Những người gần Ngài thường nghe Ngài nói mà ngay trong Sấm Giảng Ngài cũng từng bộc lộ trong câu:

Rán nghe lời dạy của Thầy,

Để chừng đến việc kiếm Thầy không ra.

Hay câu:

Tu kíp kíp nếu không quá trễ,

Chừng đối đầu khó kiếm Diên Khùng.

Nếu không biết có lúc Ngài phải vắng mặt thì Ngài dặn dò làm chi như Ngài đã thổ lộ trong bốn câu thơ trên đây.

Ngài đã biết âm mưu của Cộng sản định ám hại Ngài. Bằng chứng là hôm Ngài bước chơn xuống ghe ngày 15-4-1947, Ngài tỏ ra áo nảo mà than Trời ba tiếng.

Và khi ghe đến làng Tân Phú, trời đã nhá nhem tối. Ngài kêu hỏi một phòng vệ trong số 4 người theo hầu rằng: Như bây giờ thả anh tại đây, anh có biết đường về Phú Thành không? Người phòng vệ ấy trả lời biết. Thì quả nhiên, chính anh phòng vệ ấy tên là Phan văn Tỷ cũng gọi là Mười Tỷ còn sống như đã trở về báo tin trong lúc 3 tên phòng vệ kia bị VM sát hại ngay khi mật lệnh truyền ra.

Hơn nữa, Ngài cũng đã cho ông Ngô Thành Bá tự Biện đài biết trước rằng Ngài sẽ vắng mặt một thời gian, như ông Ngô Thành Bá đã thuật trong quyển "Dõi Gót Theo Thầy" như sau:

"Đức Thầy dắt tôi xuống suối. Ngồi dưới bóng tòng mát mẻ, Thầy trò ăn bánh uống nước. Đức Thầy nói với tôi: Ngày sau Thầy phải xa cách bốn đạo một thời gian, trong thời gian ấy, tín đồ phải chịu đau khổ và không một ai biết Thầy ở nơi nào". (Đức Thầy còn nói nhiều nữa, nhưng tôi không dám thuật lại hết sợ trái ý Ngài vì Ngài có cấm, xin anh chị miễn lỗi cho) (1).

(1) Ngô Thành Bá tức Biện đài: Dõi Gót Theo Thầy. Bản 1972, Tr. 29.

LÝ DO VẮNG MẶT. - Như thế là Ngài biết trước âm mưu của Cộng sản, nhưng tại đâu Ngài lại chịu thọ nạn? Theo chúng tôi, Ngài biết thế nào Ngài vắng mặt một thời gian, như vậy Ngài hẳn phải chọn lấy cơ hội nào thuận tiện và có lợi ích cho cơ đạo pháp của Ngài để mà lấy cớ vắng mặt.

Vậy thì sự vắng mặt của Ngài hẳn có lý do và những lý chánh yếu có thể xin trình bày ra đây.

a). Đợi Thời Cơ. - Sở dĩ Ngài phải vắng mặt vì Ngài đã hiểu thời cơ chưa đến cho Ngài thừa hành sứ mạng thiêng liêng. Muốn đợi thời cơ thì không chi hơn là Ngài vắng mặt trong một thời gian, như Ngài có lần thổ lộ:

*Thôi cũng an lòng cam số phận,
Đợi chờ thời vận sẽ tuông mây.*

Ngài đã nhiều lần nhắc nhở phải đợi thời cơ:

*Chớ nóng nảy sân si hư việc,
Phải đợi thời vua Kiệt hồi qui.*

Hoặc giả:

Ta dừng tay chờ đợi lệnh Thiên,

Hay là:

*Giờ mắc câu thiên lý vị nhiên,
Nên còn đãi thiên oai nấy lệnh.*

Vì thời cơ chưa đến nên Ngài khuyên nên ẩn nhẫn:

Đứng nam nhi ẩn nhẫn chờ thời.

Hay là:

Ngóng trông chờ vận thời đưa đến.

b). Giữ Giữ Khí Tiết. - Khi mà thời cơ chưa đến, thiên lệnh chưa ban thì dầu có mặt cũng không làm gì được. Không làm gì được thì hóa ra bất tài bất lực, còn nếu phải làm gì thì lắm khi khó tròn danh phận. Vì giai đoạn chưa thuận tiện cho sự hiện diện nên ngài buộc lòng thừa cơ hội để vắng mặt hầu giữ tròn khí tiết của bậc siêu nhân.

c). Cơ Thử Thách. - Phương chi sự vắng mặt của Ngài còn dụng ý thử thách, để xem tin đồ sau một thời gian được giáo hóa, trong lúc Ngài vắng mặt có còn phụng hành theo lời chỉ giáo, có còn nghiêm thủ giữ luật hay không, như Ngài đã từng cảnh giới:

Nấu lọc rành mới biết vàng thau,

Ai thật tánh ai người giả đạo.

Phải có thử thách mới biết "*ai xiêu, ai ngã, ai bền*".

d). Luyện Tánh Tự Lực. - Và lại sự vắng mặt ấy lại còn là cơ hội tập cho tin đồ có tánh tự lực, bỏ tánh ỷ lại. Như Đức Lục Tổ có nói: *Khi mê thì Thầy độ, lúc ngộ thì trò tự độ.* Ví như việc tập cỡi xe đạp; lúc đầu phải có người vịn thì chạy không ngã, đến chừng chạy được thì người vịn phải buông tay ra để cho người tự đạp lấy. Bằng như cứ theo vịn mãi thì người cỡi xe đạp vẫn còn giữ mãi tánh ỷ lại, không sao can đảm tự mình chạy lấy. Trong kinh Phật cũng có một thí dụ tương tự. Người tu học cũng như đứa trẻ tập đi. Khi chưa biết đi thì mẹ gác cây vịn ra để cho con vịn mà lần bước, đến chừng đi vững thì lấy cây vịn ra để cho con tự đi một mình. Nếu cứ để cây vịn mãi thì đứa con sẽ nhút nhát không dám buông. Như vậy biết chừng nào mới tự đi được.

đ). Tăng Lòng Mong Cầu. - Hơn nữa Ngài có vắng mặt như thế mới khiến cho tin đồ càng đem lòng thiết tha ngưỡng vọng. Ngài càng vắng mặt lâu chừng nào thì càng làm cho tin đồ chơn thành càng tăng lòng trông ngóng. Thời cuộc càng kéo dài, chúng sanh càng đau khổ thì tin đồ càng trông mong Ngài mau trở lại cứu độ.

e) Tiết Kiệm Xương Máu. - Đứng về phương diện hoạt động cách mạng chánh trị, Đức Thầy luôn luôn phát lộ qua văn thư, lập trường dân tộc của ngài, như đã tuyên bố trên báo Quần Chúng ngày 14-11-1946:

"Tôi, một đệ tử trung thành của đạo Phật, một chiến sĩ tri chí của phong trào giải phóng dân tộc Việt Nam, sẵn sàng cùng đoàn thể mình cương quyết đứng dậy đáp lại tiếng gọi của non sông, cương quyết tranh đấu để bảo vệ quyền lợi chung cho nòi giống".

Đứng trên lập trường dân tộc, hẳn phải tranh đấu chống xâm lăng, nhưng trong lúc độc tài Cộng sản cố diệt các phần tử ái quốc chơn chánh để độc chiếm quyền kháng chiến thì Ngài cũng không thể đi với độc tài Cộng sản giết hại các phần tử ái quốc. Ngài cũng không thể đứng với xâm lăng chống lại độc tài Cộng sản khi bọn này mượn danh nghĩa dân tộc chống xâm lăng.

Hơn nữa Ngài muốn để cho tín đồ được tự do chọn lấy phương thức tranh đấu thế nào vừa bảo tồn được đoàn thể, ít tổn hại về sinh mạng và tài sản mà vẫn giữ tròn được chánh nghĩa quốc gia. Ngài muốn tiết kiệm xương máu của tín đồ, cho nên Ngài cần phải vắng mặt. Và lại, địa vị của Ngài là đứng trên thế tục (au dessus de la mêlée) và sứ mạng của Ngài là cứu thế (messie).

Nói tóm lại, Ngài vắng mặt là vì Ngài đã biết trước:

- 1/ Thời kỳ chiến tranh còn kéo dài.
- 2/ Tình trạng nước nhà chưa ngã ngũ.
- 3/ Máy huyền cơ chưa đến mức.

Nếu Ngài có mặt, chẳng những chưa có thể cải tạo được định luật của thiên cơ mà còn làm cho tín đồ sanh lòng ngờ vực khinh thường đâm ra lờn lã mất cả đức tin.

Trái lại Ngài vắng mặt sẽ gìn được đức tin của tín đồ và làm tăng trưởng lòng mong cầu. Tình thế càng làm cho họ đau khổ thì càng làm cho lòng mong cầu càng tăng trưởng. Như vậy sự trở về của Ngài mới quan trọng.

Chương XI: CÒN HAY MẤT

Theo sự tuyên truyền của Cộng sản thì sau ngày Đức Thầy ngộ nạn xảy ra tại Đốc Vàng Hạ, ngày 25-4-1947 một tòa án đặc biệt do Ủy Ban Hành Chánh Nam Bộ thành lập đã tuyên án tử hình Đức Thầy và theo sự truyền rao của chúng, Đức Thầy đã bị hành quyết.

Mặc dầu Cộng sản xác nhận nhiều lần Đức Thầy không còn, nhưng cho đến nay, vẫn còn điều nghi vấn chẳng những đối với tín đồ Phật Giáo Hòa Hảo không tin mà đối với dư luận cũng còn phân vân, đưa ra nhiều tài liệu minh xác Đức Thầy không mất.

Vậy Đức Thầy còn hay mất? Cộng sản thì nói mất, còn đa số dư luận thì cho rằng còn. Đứng trên quan điểm xác nhận Đức Thầy còn, chúng tôi xin trưng ra một số tài liệu được sắp xếp thành mấy đề mục như sau:

1. **DƯ LUẬN.**- Sau khi tin Đức Thầy bị Cộng sản ám hại tung ra, có nhiều nguồn dư luận đương nhiên không phải của tín đồ Phật Giáo Hòa Hảo truyền ra rằng Đức Thầy vẫn còn. Dư luận đó được trình bày hoặc trên báo chí, hoặc trên sách vở hay tài liệu chuyển tay có

chữ ký của tác giả chịu hoàn toàn trách nhiệm về tài liệu mà họ đã trưng dẫn đúng với sự thật, do mắt thấy tai nghe hay người trong cuộc thuật lại. Sau đây chúng tôi xin trình bày các tài liệu đã thu thập:

a)- Theo quyển "**Để hiểu Phật Giáo Hòa Hảo**" kể lại: "Sau đó một thời gian, chúng tôi có được một cái tin như vậy: Có một chiếc ghe thương buôn vào mua bán trong vùng Đồng Tháp Mười, có ghé một đêm gần trụ sở VM. Sáng ra những người dưới ghe thấy trên bờ có quân lính rộn rịp xông vào, chạy lục xét khắp nơi cả dưới thuyền trên lộ, chừng như có một việc gì quan trọng đã xảy ra. Mấy người dưới ghe tọc mạch thấy vậy hỏi thăm mới hay rằng trong lúc điệu Đức Huỳnh Giáo Chủ về Ủy Ban Hành Chánh Nam Bộ, đến đây nghỉ một đêm. Họ đem nhốt Ngài trên một tầng lầu, xung quanh có rào giậu chắc chắn và được canh phòng nghiêm mật. Thế mà sáng ra, Ngài đã biến đi đâu mất, chẳng còn biết kiếm đâu ra".

Thuật lại câu chuyện này, tác giả quyển "Để hiểu Phật Giáo Hòa Hảo" có hạ lời bình luận:

"Điều này đối với tín đồ Hòa Hảo thì không còn phải là một việc lạ, vì trong lúc đạo lục châu, Ngài đã từng nhiều lần thay hình đổi dạng một cách thần diệu. Chẳng hạn trường hợp Ngài thoát nạn tại đường Sohier khi bộ hạ của Trần Văn Giàu đến bao vây. Trong tín đồ của Ngài có một số người đã được Ngài cho thấy sự màu nhiệm để tăng trưởng đức tin" (1).

b)- Báo Phục Hưng ra ngày 16-4-1949 có thuật lại đêm Đức Thầy ngộ nạn ở Đốc Vàng và cảnh đem Đức Thầy ra hành quyết như sau:

"Đến pháp tràng, ba người này (đạo phủ) tuốt kiếm sửa soạn ra tay thì Huỳnh Giáo Chủ nghiêm nét mặt khoát tay nói: "Mấy anh em hãy để tôi nói đôi lời".

"Nói đi.

"Ông Huỳnh nói thao thao bất tuyệt một lúc lâu với giọng điệu chậm rãi và rõ rệt, lời lẽ dễ hiểu, giản dị,

"Không thể nhắc lại được những lời nói ấy của ông. Nhưng chỉ biết rằng trong khi ông nói, ba tên đạo phủ nhìn nhau, rồi lâu lâu thở dài, dần dần cúi đầu xuống. Những nét hung ác trên mặt chúng lần biến đi, thanh kiếm rời khỏi bàn tay hoen máu của chúng. Chúng trở nên hiền lành như ba con chiên nhỏ.

"Những lời của đạo đức, những câu chơn lý của sự thật, đã cảm hóa được ba con người. Chỉ nội trong mười phút đồng hồ mà ba tên đạo phủ biến thành ba tín đồ của người mà chúng sắp xử.

"Nói vừa đoạn, giáo chủ họ Huỳnh hỏi chúng:

"- Bây giờ ta nói đã xong, các anh cứ phận sự thi hành đi..."

"Câu nói ấy rơi bất thần vào óc ba tên đao phủ giữa lúc lòng đã mềm vì những lời bác ái, lòng đã trắng vì những sự thật làm cho chúng trở nên kinh ngạc đến ngây ngô.

"Chúng không còn can đảm cầm đến thanh kiếm nữa. Chúng nhìn nhau và nhìn vị giáo chủ ngại ngùng. Một tên ấp úng nói:

"- Thưa ông Tư! Chúng tôi hiểu rồi. Xin ông Tư đi đi. Đi ngay bây giờ!

"- Thế còn nghĩa vụ và trách nhiệm của các anh?

"- Không sao. Ông Tư cứ đi. Chúng tôi sẽ tính được. Chúng tôi hiểu ông nhiều rồi và tay chúng tôi không còn gân sức đâu để giết ông. Ông hãy đi cho thoát và độ trì cho ba chúng tôi.

"- Các anh nói thiệt à!

"- Thưa lòng chúng tôi lúc này có biết nói dối là gì đâu?

"Thế là vị Giáo Chủ họ Huỳnh lại khoan thai lên đường đi hút lẩn trong bóng tối.

"Và cũng đêm ấy, tại chỗ ấy có một người bị chặt làm ba, liệng xuống hố vùi đất lên" (2).

c)- Theo quyển **"Sự thật về vụ Đức Huỳnh Giáo Chủ thọ nạn tại Đốc Vàng Hạ năm Đinh Hợi 1947"** của Hoài Sơn Huỳnh Thành Vị cũng có đoạn nhận Đức Thầy không bị hành quyết và quả quyết "Đức Thầy còn sống". Trong quyển ấy, ông Hoài Sơn có viết:

"Cách đây chín năm, vào tháng 10-1955, thời gian nhân dân VNCH đi bỏ phiếu lật đổ chế độ quân chủ lỗi thời thiết lập chế độ Cộng Hòa hữu hiệu.

"Hồi bấy giờ, kẻ viết bài này được sống chung với một số chánh trị phạm trong một nhà lao Gia Định".

Ông được nghe trong số tù nhân đó, anh Huỳnh văn Đạt người Sóc Trăng (Ba Xuyên) kể lại câu chuyện Đức Thầy thoát khỏi ngục của VM.

Theo lời anh Đạt, anh là Trưởng cơ quan Biệt động đội khu 9 đóng văn phòng tại khu rừng giáp biên giới Miên-Việt gọi là Sóc Preng. Theo thường lệ những tội nơn khu 9 hoặc khu 8 đều gửi lên đây để khai thác trước khi thủ tiêu.

Vào khoảng trung tuần tháng 5 năm 1947, có 6 tội nơn gửi đến. Được tin, anh Lê Hà Tiểu đoàn trưởng Biệt động đội liền gọi anh Đạt gửi một Trung đội đến trạm liên lạc C.48 nhận 6 tội nơn, trong đó được biết có Đức Huỳnh Giáo Chủ. Các tội nơn gửi đến đều bị bịt mắt và được đưa giam trong vựa lúa ông Trần Sen vì nhà này chỉ có 2 vợ chồng, còn con cái đều thoát ly theo bộ đội.

Một điều lạ là đêm trước khi đưa Đức Thầy đến, ông Trần Sen nằm mộng thấy có 3 người để tóc dài đến cho biết ngày mai Đức Thầy đến và xin ông chỗ nghỉ ngơi. Cũng trong đêm đó, ông Lục Thạch Khum cũng được báo mộng như vậy.

Nhờ vậy mà ông Trần Sen hết sức săn sóc Đức Thầy từ chỗ ngủ đến việc ăn uống, khi Tám Gồng được lệnh đưa Đức Thầy đến và có bốn phen canh giữ Ngài. Chiều hôm đó Trần Sen làm gà và đem một lít rượu để đãi Tám Gồng. Đêm đó Tám Gồng ngủ say cho đến 6 giờ sáng mới tỉnh rượu thức dậy, xem lại thì không thấy Trần Sen nhưng y đình ninh là tội nhờn còn nằm trong vựa lúa.

Đến phiên Sáu Chương đến thay thế Tám Gồng. Khi giao việc, Sáu Chương mới phát giác là Trần Sen đã đưa Đức Thầy đi trốn.

Từ đó Đức Thầy biệt tăm luôn, mặc dầu Cộng sản hết sức đi tìm kiếm. Mấy người liên hệ trong việc này bị tra tấn mà cũng không ra tung tích. (3).

Phê Bình. Đọc qua các tài liệu đã dẫn để minh chứng Đức Thầy còn sống, chúng tôi xin làm công việc của nhà viết sử, kiểm điểm và phân tách sự kiện để thẩm định giá trị đích thực của nó, nhiên hậu mới xác nhận thiệt hư.

a)- Về câu chuyện kể lại trong quyển "**Đề Hiểu Phật Giáo Hòa Hảo**" chỉ là câu chuyện nghe thuật lại, nghe qua cũng có lý nhưng thiếu yếu tố nhân chứng nên không thể quả quyết giá trị đích thực của nó.

b)- Tài liệu của **báo Phục Hưng**, trong đó có nhân chứng, nhưng nhân chứng lại không có tên cho nên câu chuyện kể lại thiếu nhãn quan của người tận mắt thấy tận tai nghe mà lại là nhãn quan của một người nhà báo hay có thể nói một nhà viết tiểu thuyết. Như thế đứng về quan điểm của một nhà thẩm định sử liệu mà xét thì cũng kém giá trị về thực chất của nó, không khác gì câu chuyện được kể lại như trường hợp của mục a).

c)- Đến như tài liệu của ông Hoài Sơn thì nhân chứng có thể kiểm soát, câu chuyện nghe qua cũng có thể tin được, nhưng nếu ta đọc toàn quyển "**Sự thật về vụ Đức Huỳnh Giáo Chủ thọ nạn tại Đốc Vàng Hạ năm Đinh Hợi 1947**", chúng ta không khỏi mất tất cả tin tưởng vào giá trị sử liệu của nó. Những câu chuyện kể trong đó, từ việc hoạt động chánh trị của Đức Thầy ở miền Đông đến những sự việc xảy ra ở miền Tây đều hoàn toàn sai sự thật. Quyển sách không có giá trị sử liệu và như thế không thể tin câu chuyện ba tên đao phủ lãnh sứ mạng hành quyết Đức Thầy đã thả Ngài và tráo vào đó một cái xác khác để báo cáo là đã hoàn thành nhiệm vụ hành quyết.

Còn nếu chúng ta đem câu chuyện của báo Phục Hưng đối chiếu với câu chuyện này thì chúng ta càng hoang mang tự hỏi đâu là sự

thật? Nếu tin theo báo Phục Hưng thì Đức Thầy nào bị VM đưa đến Soc Preng?

Ngoài ra chúng tôi cũng nhận được một bức thư ký tên Hoàng Cái và Hoàng Anh cũng tự nhận lãnh lĩnh của Bửu Vinh, ám hại Đức Thầy nhưng rồi lại thả Ngài, bức thư hoàn toàn sai sự thật từ đầu đến cuối, không thể bãng vào đó mà tin sự việc thật có xảy ra.

Kiểm điểm những tài liệu vừa trình bày, chúng tôi thấy chưa đủ bằng chứng xác nhận những trường hợp đã kể là thật có. Thức giả còn hoài ghi giá trị xác thực của nó. Như vậy chúng ta chưa thể nhận những tài liệu đã kể là chứng tích khả tín.

2. Nội Chứng.

Sau khi kiểm điểm các tài liệu ngoại tại hay ngoại chứng, chúng ta nên cứu xét những tài liệu nội tại hay nội chứng, những chứng tích tìm thấy ngay trong Sấm Giảng, trong những lời chính Đức Thầy đã thổ lộ về việc vắng mặt của Ngài. Xét về phương diện nội chứng, có mấy dữ kiện sau đây biện minh rằng Ngài không hề mất.

a).- Ngài đã cho biết trước rằng Ngài sẽ vắng mặt một thời gian như đã đề cập trong mục "đã biết trước", nơi chương XI. Ngài đã hứa hẹn Ngài sẽ trở lại. Như vậy thì không thể đặt vấn đề mất hay bị thủ tiêu được, mà đối với Ngài chỉ có vấn đề vắng mặt.

b).- Như chúng ta đã biết Ngài lâm phạm là vì thọ mạng lĩnh cùng sắc chỉ của Đức Phật A Di Đà, Đức Phật Thích Ca, Đức Quan Âm, Đức Ngọc Đế, Đức Minh Chúa. Và chúng ta cũng đã biết Ngài có sứ mạng: Trừ con nghiệt thú, tiêu con long ác nghiệt, lập Hội Long Hoa, dựng bả Phong Thần, cầm cân thưởng phạt, lập đời Thượng ngàn, đóng vai tá quốc...

Nếu nay Ngài mất đi thì chẳng hóa ra cái chương trình hoạch định của thiên cơ bất thành hay sao.

Ông Thanh Sĩ quả quyết Đức Thầy sẽ hoàn thành sứ mạng chớ không bỏ dở, như ông đã viết:

*Khuyên đừng có lảm phân vân,
Không Thầy cái hội Phong Thần ai phong.*
(Lời khuyên Tu Hiền)

Ông cả quyết Đức Thầy sẽ hoàn thành sứ mạng của Đức Phật và Đức Ngọc Đế giao phó: "Thì hãy tin tưởng rằng máy thiên cơ chẳng lằm. Đức Thầy sẽ trở lại về hình thức cũ đặng dìu dắt chư đồng đạo nam nữ trung thành chơn chánh đưa đến Hội Long Hoa để hoàn thành sứ mạng của Phật và Đức Ngọc Đế giao phó. Sau đó Đức Thầy mới trở lại ngôi xưa vị cũ hưởng quả Bồ đề an lạc nơi cõi bất sanh."(4).

c).- Ngài đã mượn câu chuyện Tiết Nhơn Quý ẩn thân nơi dinh của bà Cửu Thiên để thổ lộ giai đoạn lánh mặt của Ngài. Như chúng ta biết, sở dĩ bà Cửu Thiên giấu Tiết Nhơn Quý nơi dinh là vì bà biết sau này người phải đương đầu nhiều tai nạn nên cố giữ lại đặng truyền

phép mầu. Trường hợp vắng mặt của Đức Thầy không khác trường hợp của Tiết Nhơn Quý:

Nhớ qua hồi lúc đời Đường,

Hiền thần Nhơn Quý người đương ẩn mình.

Cửu Thiên còn giấu nơi dinh,

Chờ ngày mãn hạn phép linh ban rày.

d) Trường hợp của Ngài vắng mặt cũng trùng hợp trường hợp của Khương Thượng trong truyện Phong Thần. Như được biết khi Khương Thượng hạ san có đến giúp nhà Thương. Vua Trụ bắt ông làm đốc công xây cất Lộc Đài. Chẳng những không nhận, ông còn can ngăn. Vì thế vua Trụ bắt tội khinh quân và xử ôm Bào Lạc. Khương Thượng nhảy xuống lầu, vua cho quân đuổi theo, khi đến cầu Cửu Long ông nhảy xuống nước, độn thủy về ẩn nơi Bàn Khê mà câu cá chờ thời. Trường hợp của Đức Thầy cũng tương tự nên chi Ngài nhắc đến trường hợp của Khương Thượng để ám chỉ giai đoạn vắng mặt hay ẩn cư của Ngài trong câu:

Khương Tử Nha sông Vị ngồi phiên,

Câu không ngạnh chờ non phụng gáy.

3. DẪN CHỨNG LỊCH SỬ. - Bằng vào những luận cứ nội tại, người tín đồ Phật Giáo Hòa Hảo có thể tin được Đức Thầy vẫn còn chớ không có mất hay bị hại như tin của Cộng sản đã loan, nhưng đối với người đời, những người đã quen đặt đức tin vào những bằng chứng cụ thể hay hiểu sự vật theo quan điểm khoa học ngày nay thì những dữ kiện viện dẫn không thể làm cho họ chấp nhận một cách dễ dãi. Phải có những bằng chứng thiết thực, những luận cứ khoa học mới phá tan được lòng nghi hoặc của họ.

Để làm sáng tỏ trường hợp vắng mặt của Đức Thầy, chúng tôi phải nhờ vào những dẫn chứng lịch sử mà từ trước đến nay người đời vẫn chấp nhận, mặc dầu hơn loại đã tự hào bước vào giai đoạn nguyên tử, khám phá không gian, đặt chơn lên nguyệt cầu.

A)- Trường hợp Thiên Chúa Giáo. Đứng về phương diện tôn giáo hoàn cầu, Thiên Chúa Giáo là một tôn giáo chiếm địa vị nhứt nhì trên thế giới, với một tổng số tín đồ ước lượng chừng 500 triệu người, trải khắp các nước trên năm châu.

Về lịch sử của đấng Giáo Chủ, trong sách Tân Ước (Nouveau Testament) có cho biết, trên bước đường truyền giáo Chúa Giê Su bị bọn Du Đà bắt và kết tội tử hình. Chúng đem Chúa đóng đinh trên Thập Tự Giá cho đến chết vì những vết thương đâm vào bụng và đánh đập đẫm máu. Sau đó chúng đem xác Chúa xuống rồi khiêng chôn trong hang đá. Ba hôm sau, Chúa sống lại (Phục Sinh), các vết thương

đều lành lặn. Chúa đi vân du hóa độ 10 ngày khắp nơi rồi bay lên Trời (Thăng Thiên).

Câu chuyện Chúa chết đi sống lại một cách phi thường rồi lại thăng thiên cả xác thịt, đối với cặp mắt khoa học ngày nay là một việc ngoài sức tưởng tượng. Thế mà các nhà khoa học hữu danh trên thế giới hầu hết là tín đồ Thiên Chúa Giáo không hề bài bác, hằng tuần vẫn ngoan ngoãn đến nhà thờ lễ bái, xưng tội và cầu nguyện.

Năm trăm triệu tín đồ Thiên Chúa Giáo chấp nhận Chúa chết đi sống lại mà không ai cho đó là mê tín dị đoan thì sao tín đồ Phật Giáo Hòa Hảo lại không được tin Đức Thầy của họ không bị hại và có ngày trở về với thể xác bằng xương bằng thịt khi thời cơ đến.

B)- Trường hợp Phật Giáo. Trong Phật Giáo cũng có trường hợp chết đi sống lại tương tự.

Sách Đạt Ma Bửu Truyền có kể lại truyện Đạt Ma Tổ Sư, vị tổ thứ 28 bên Ấn Độ, cũng là Sơ Tổ phái Thiền Tông bên Trung Hoa. Khi Ngài sang Đông độ vào thời Lương Võ Đế. Nhận thấy vua thiếu cơ duyên nên vào núi Tung Sơn ngồi xây mặt vào vách chín năm (cửu niên diện bích) nơi chùa Thiếu Lâm. Ngài có thâu nhận một ni cô tên Dương Yên Chi làm đệ tử. Ni cô là một người nham hiểm, sợ Ngài truyền phép cho kẻ khác hơn mình, nên mưu toan đầu độc Ngài. Ngài đã biết trước nên hóa thân uống lấy thuốc độc mà chết. Ni cô yên trí là Ngài đã chết nên sắp đặt việc mai táng.

Một hôm có một Lão Tăng từ Ấn Độ về đến hỏi ni cô về Đạt Ma Tổ Sư thì Yên Chi cho biết Thầy đã chết. Lão Tăng cãi lại là khi đi đến Hùng Nhĩ sơn thấy Tổ Sư vai mang cây lau có quày một chiếc giày. Ngài dùng cây lau mà vượt qua Đại hà trở về Ấn Độ.

Hai đàng cãi nhau, rốt cuộc đi đến giải pháp quật mồ thì thấy chỉ còn có một chiếc giày.

Còn theo sách Phật Tổ Truyền Uyển Kế đăng Lục thì chuyện Tổ Sư được kể lại như sau:

Khi Ngài nói kệ phó pháp xong, liền hiện thần thông biến tướng, rồi lại trở về tòa ngồi mà thị tịch. Ngài thị tịch rồi nhà vua dùng áo Kim Quan chứa đựng ngọc thể của Ngài rồi an táng ở núi Hùng Nhĩ. Sau ba năm, ông Chu Vân phụng chỉ vua nhà Ngụy đi sứ, khi trở về thì gặp Tổ mang một chiếc giày ở núi Thông Lãnh. Ông hỏi Tổ về đâu?

Tổ đáp: Tôi đi về cõi Tây Thiên.

Ông Chu Vân trở về triều đem sự kiện ấy ra tâu. Nhà vua sai người đào mả Ngài lên xem thì chỉ thấy còn lưu lại một chiếc giày mà thôi. Vua ban chiếu cúng dường Ngài ở chùa Thiếu Lâm.

Về trường hợp Đạt Ma Tổ Sư tịch, mỗi sách mỗi nói khác, nhưng tựu trung đều cùng nhận Tổ Sư chết đem an táng và khi quật mồ thấy chỉ còn có một chiếc giày.

Sự tích này không khác sự tích Chúa Giê Su chết đi sống lại; nếu lấy cặp mắt khoa học ngày nay mà nhìn thì khó mà tin được. Nhưng 550 triệu tín đồ Phật Giáo đều tin và thờ Ngài trong chùa với bức vẽ một người có bộ râu bao hàm, trên vai có vác một cây lau có máng một chiếc giày. Các Phật Tử đều tin thật Tổ Sư Đạt Ma không chết thì sao tín đồ Phật Giáo Hòa Hảo lại không được tin Đức Thầy của mình còn sống.

Nếu hai việc chết đi sống lại hay có thể nói các bậc siêu phàm không hề chết của hai tôn giáo lớn nhất trên hoàn cầu mà có thể tin được thì việc Đức Huỳnh Giáo Chủ không chết cũng có thể tin được.

KẾT LUẬN. - Đối với các bậc siêu phàm thì không nên đặt vấn đề sống hay chết. Các hiện tượng chuyển kiếp hay hóa hiện là việc thông thường trong Phật Giáo, cho nên vấn đề bất tử hay hiện tượng mà người phàm gọi là chết đi sống lại, chỉ có Phật Giáo mới giải thích được mà thôi.

Cứ theo kinh điển thì con người có ba thân (tam thân): Báo thân, Pháp thân và Ứng thân hay Hóa thân. Báo thân là cái thân qua báo mà mọi người sanh ra đời đều mang lấy để đền trả bao nhiêu nghiệp nhân đã gây tạo ở tiền kiếp. Ngày nào trả sạch các nghiệp, trừ diệt vô minh thì cái Báo thân ấy đổi lại thành Pháp thân. Người tu hành đắc quả A La Hán trở lên là có Pháp thân.

"Pháp thân là chơn thân của vạn pháp, thể lượng rất rộng lớn như hư không, chẳng có sắc tướng gì chỉ được, lúc nào cũng thường nhiên thanh tịnh. Hết thảy muôn loài, đều có Pháp thân nhưng vì mê muội mà thành ra cách biệt.

"Trong kinh Phật có câu: "Phật chân Pháp thân do như hư không, ứng vật hiện hình như thủy trung nguyệt". Nghĩa là chơn Pháp thân của Phật ví như hư không, tùy vật mà hiện hình như trăng trong nước". (5).

Cho được như có pháp thân, Đức Huỳnh Giáo Chủ có khuyên:

*Tính xong món nợ lẫn thân,
Thoát vòng cương tỏa Pháp thân nhẹ nhàng.*

Đại phàm đã có Pháp thân thì có Ứng thân hay Hóa thân. Ứng thân là thân ứng hiện ra, hễ có cảm thì có ứng. Như người tu hành đầu ở phương Tây, phương Nam hay phương Bắc, ở cõi Nam thiện bộ châu hay Bắc cu lô châu, hễ niệm Phật tha thiết thì sẽ được Phật vì cảm niệm của chúng sanh mà ứng hiện ra, hoặc hóa hiện ra.

Như trong quyển "Sấm Giảng Khuyên Người Đời Tu Niệm" tức quyển Sấm Giảng thứ Nhứt của Đức Huỳnh Giáo Chủ, ta thấy Ngài trong lúc dạo lục châu, hóa hiện ra khi thì giả dạng người già kẻ trẻ, người buôn bán, kẻ chèo đò... không biết bao nhiêu lần. Cũng như khi nằm ở nhà thương Chợ Quán, có lần Ngài hóa hiện ra một cụ già cho bác sĩ Trần Văn Tâm thấy để tăng trưởng đức tin.

Đã hóa hiện như thế thì hẳn Ngài đã có Pháp thân. Như vậy thử hỏi trong lúc bắt Ngài hay đem ra hành quyết, Ngài không thể hóa hiện ra một con người khác như ý Ngài muốn, như trường hợp Đạt Ma Tổ Sư hóa thân uống thuốc độc của cô Yên Chi, chẳng được hay sao! Lựa là phải vẽ chuyện ba tên đao thủ thả Ngài hay ông Trần Sen dắt Ngài đi trốn cho phải lụy đến kẻ khác hay phải chịu ơn cứu tử của người đời, cho lắm chuyện; chỉ làm thỏa mãn óc phàm, chớ không thể làm cho người đạt đạo chấp nhận.

Cho nên đối với bậc siêu phàm như Đức Chúa Giê Su, Tổ Sư Đạt Ma hay Đức Huỳnh Giáo Chủ thì không có thể đặt ra vấn đề chết hay sống.

Chúng tôi chỉ đặt ra vấn đề vắng mặt, vắng mặt vì thời cơ chưa tới, vắng mặt để giữ tròn khí tiết của bậc siêu nhân, vắng mặt để tiết kiệm máu xương của tín đồ, vắng mặt để rồi ngày kia trở lại hoàn thành sứ mạng của Đức Phật và Đức Ngọc để giao phó. Khi cơ trời đã đến Ngài sẽ trở về nguyên trạng trước sự ngạc nhiên của mọi người.

Có như thế người đời mới tin vào sứ mạng cứu độ của Ngài trong những ngày cõi thế gian hoại diệt chấm dứt Hạ nguơn đau khổ để kiến lập đời Thượng nguơn an lạc.

Nhưng hỡi ơi! Đến chừng đó thì đã muộn màng. Chỉ còn chắc lưỡi mà than: không dè! Vì thế ông Thanh Sĩ mới khuyên:

*Đó đây gắm thật hữu duyên,
Cho nên được gặp phổ truyền kệ ca.
Rán tu sau được hưởng nhờ,
Không thời đừng nói: Không ngờ, bớ ai! (6)*

CHÚ THÍCH:

- (1) Thanh Sĩ và Vương Kim: ĐỂ HIỂU PHẬT GIÁO HÒA HẢO. Tr.47.
- (2) Dẫn theo quyển "Thất Sơn Màu Nhiệm" của Dật Sĩ và Nguyễn Văn Hầu. tr.282-290.
- (3) Hoài Sơn Huỳnh Thành Vị: Sự thật về vụ Đức Huỳnh Giáo Chủ thọ nạn tại Đốc Vàng Hạ năm Đinh Hợi 1947. Vinh Sơn xuất bản, tr.64-80.
- (4) Thuyết pháp ứng khẩu. Quyển II, tr.86.
- (5) ĐỂ HIỂU PHẬT GIÁO HÒA HẢO. Tr.209.
- (6) Thuyết pháp ứng khẩu. Quyển I, trang 116

Nguồn: <http://www.phatgiaohoahao.net/dhuc-huynh-giao-chu>